

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐIỀU CHỈNH **QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030** **HUYỆN VẠN NINH – TỈNH KHÁNH HOÀ** **(Tài liệu phục vụ lấy ý kiến)**



Vạn Ninh, tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	2
1.1. Mục đích.....	2
1.2. Yêu cầu.....	3
II. NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN	3
PHẦN I	
SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	5
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	5
1.1. Bổ sung căn cứ pháp lý phục vụ lập điều chỉnh quy hoạch	5
1.2. Các tài liệu bổ sung phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất	8
II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	9
2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường	9
2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế xã hội	21
2.3. Biến đổi khí hậu liên quan đến việc sử dụng đất	39
III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH	43
3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai	43
3.2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG HIỆN TRẠNG VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	52
3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất	52
3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước	60
3.2.3. Đánh giá chung về biến động sử dụng đất	67
3.2.4. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất	67
2.5. Đánh giá tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất	73
IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	75
4.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	75

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước81

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới83

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030.....85

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT85

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội85

1.2. Quan điểm sử dụng đất.....86

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng.....87

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT92

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....93

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....94

2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....96

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ97

1. KẾT LUẬN97

2. KIẾN NGHỊ.....98

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Đất đai năm 2013 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là 1 trong 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai (*Điều 22*); việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Vạn Ninh là huyện phía Bắc tỉnh Khánh Hòa, là một phân chủ yếu để xây dựng khu Kinh tế Vân Phong (12/13 xã, thị trấn thuộc Khu kinh tế Vân Phong, là khu vực giàu tiềm năng phát triển của Tỉnh Khánh Hòa và là khu vực có vai trò chiến lược quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược biển Việt nam); là trung tâm của vùng kinh tế Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa. Huyện có 12 xã và 01 thị trấn. Diện tích tự nhiên toàn huyện có 56.201,91 ha. Dân số trung bình năm 2022 là 132.106 người. Toàn huyện có 13 đơn vị hành chính (gồm thị trấn Vạn Giã và 12 xã); mật độ dân số là 235 người/km².

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt tại Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2022. Qua thời gian thực hiện, phương án Quy hoạch sử dụng đất của huyện đã góp phần không nhỏ vào thành tựu tăng trưởng kinh tế chung của huyện giai đoạn 2021-2025 cũng như nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn. Hiện nay Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 và điều chỉnh Quy hoạch chung Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 298/QĐ/TTg ngày 27/3/2023. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9, Điều 01, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) quy định “*Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, nếu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện có mâu thuẫn với quy hoạch tỉnh thì phải điều chỉnh cho phù hợp*”. Theo đó, đối chiếu với quy hoạch sử dụng đất của huyện đã được phê duyệt với chỉ tiêu sử dụng đất trong Quy hoạch tỉnh và điều chỉnh Quy hoạch chung Khu Kinh tế Vân Phong vừa được Thủ tướng phê duyệt có sự điều chỉnh làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất của huyện; vì vậy, để tạo sự đồng bộ không chòng chéo trong hệ thống các quy hoạch có trên địa bàn huyện và có căn cứ thực hiện công tác điều hành, quản lý đất đai trên địa bàn huyện thì việc Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện là điều cần thiết.

Việc lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (*Điều 40*), Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 (*Điều 6*), Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (*Khoản 3 Điều 1 sửa đổi Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP*) và hướng dẫn tại

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trên địa bàn huyện có liên quan đến sử dụng đất.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hòa tại Văn bản số 3434/UBND-XDNĐ ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt; UBND huyện Vạn Ninh đã giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên & Môi trường tổ chức thực hiện **Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa** để đảm bảo tính thống nhất về quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho chuyển mục đích sử dụng đất, góp phần quan trọng trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

I. Mục đích và yêu cầu của việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

1.1. Mục đích

Quy hoạch sử dụng đất là biện pháp để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Trung ương, tỉnh, huyện,... trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật về đất đai và các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của tỉnh và huyện. Mặt khác theo quy định của Luật Đất đai, Nhà nước quản lý tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và Pháp luật. Do đó mục đích lập quy hoạch sử dụng đất được thể hiện ở các nội dung:

- Đề xuất phân bổ lại quỹ đất, khoanh vùng đất đai, đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của các cấp, các ngành phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Góp phần quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai; làm cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Từ đó đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững;

- Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Làm định hướng cho quy hoạch xây dựng, kế hoạch phát triển các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, lập các dự án đầu xây dựng, các dự án đầu tư phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, ...

- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ngành của tỉnh, BQL Khu kinh tế Vân Phong và huyện Vạn Ninh trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với quy hoạch đề ra; đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện tại và tương lai của các ngành trên địa bàn tỉnh có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

- Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu

tur, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các khu thương mại, dịch vụ, du lịch, cảng biển, khu phi thuế quan,...; các khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới, hình thành các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Ổn định và phát triển các khu dân cư nông thôn, đô thị; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với khai thác hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái một cách bền vững.

1.2. Yêu cầu

- Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai, Luật Quy hoạch, Luật số 37/2018, Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Nghị định 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh phải dựa trên hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 phải phù hợp với phương án khoanh vùng quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trong Quy hoạch tỉnh, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn 2050, quy hoạch của các cấp, các ngành; các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của huyện nói riêng, tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Dự báo và định hướng được các phân khu chức năng đảm bảo hài hòa trong định hướng phát triển Khu kinh tế Vân Phong và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Vạn Ninh trong 10 năm tiếp theo cũng như định hướng sử dụng đất lâu dài trên địa bàn huyện. Xác định được diện tích các loại đất cần chuyển mục đích, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, đề xuất giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vạn Ninh phải đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn tài nguyên đất đai tiết kiệm, có hiệu quả đi đôi với bảo vệ môi trường, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, đảm bảo phát triển bền vững.

II. Nội dung lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Theo quy định tại Điều 6 Luật Số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 (sửa đổi, bổ sung Điều 40) thì căn cứ lập Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai tại Điều 40, Chương IV và được quy định cụ thể như sau:

*** Căn cứ lập Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện bao gồm:**

a) Quy hoạch tỉnh;

b) Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện;

c) Hiện trạng sử dụng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử

dùng đất cấp huyện thời kỳ trước;

d) Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, của cấp huyện, cấp xã;

đ) Định mức sử dụng đất;

e) Tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

*** Nội dung lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện bao gồm:**

a) Định hướng sử dụng đất 10 năm;

b) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch tỉnh phân bổ cho cấp huyện và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã;

c) Xác định các khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

d) Xác định diện tích các loại đất đã xác định tại điểm b khoản này đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; đối với khu vực quy hoạch đất trồng lúa, khu vực quy hoạch chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật này thì thể hiện chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

e) Giải pháp thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Bổ sung căn cứ pháp lý phục vụ lập điều chỉnh quy hoạch

a. Các văn bản của Trung ương, Bộ, ngành

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 (Chương 4 về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất);
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.
- Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 22/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa. Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 08/02/2021 của Chính Phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;
- Quyết định số 241/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về

phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 1831/QĐ-TTg ngày 01/11/2021 của Chính phủ về ban hành danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 về Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 về phê duyệt quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi thành Luật Quy hoạch.

- Nghị quyết 133/NQ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc áp dụng cơ chế đặc thù trong cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 (đã khởi công và sắp khởi công).

- Quyết định số 2477/QĐ-BGTVT ngày 9/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam;

- Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Quyết định số 4513/QĐ-BNN-CB ngày 21/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 946/QĐ-BNN-TCTS ngày 24/3/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản các tỉnh miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2953/QĐ-BCT ngày 31/7/2017 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035- Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.

- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao.

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

b. Các văn bản của tỉnh, huyện

- Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 14/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 07/12/2020 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 – 2025.

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 của HĐND tỉnh Khánh Hòa về ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định 2303/QĐ-UBND ngày 07/9/2010 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung Thị trấn Vạn Giã và các khu vực phụ cận, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa giai đoạn đến năm 2025.

- Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển và Quản lý các hang, đảo Yến trên vùng biển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020;

- Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 27/3/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch các vị trí đầu nối đường ngang vào quốc lộ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 3995/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 4104/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định phê duyệt số 627/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Dự án đầu tư tuyến đường bộ ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa;

- Quyết định số 2829/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017-2025.

- Quyết định số 3209/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 (Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm biến áp 110kV).

- Quyết định số 1788/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035

- Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

- Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 04/1/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 06/7/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2035;

- Quyết định 1440/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 UBND tỉnh Khánh Hòa về kết quả rà soát, chuyển đổi loại rừng tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định 3561/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết hệ thống đường gom dọc Quốc lộ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ban hành kế hoạch triển khai Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh.

- Căn cứ Văn bản số 3434/UBND-XĐNĐ ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát thực hiện điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 cấp huyện sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt;

- Thông báo số 212/TB-UBND ngày 26/5/2023 về kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo tình hình triển khai lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Quy hoạch chung đô thị, xây dựng tại các địa phương trên địa bàn tỉnh;

- Văn bản số 2258/STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lấy ý kiến rà soát và xây dựng tiến độ kế hoạch triển khai thực hiện về lập và trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất năm 2030 cấp huyện;

- Quyết định số 1596/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 về giao nhiệm vụ thực hiện dự án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vạn Ninh;

- Các quyết định về quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

1.2. Các tài liệu bổ sung phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất

- Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa;

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Phong đến năm 2040,

tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp huyện Vạn Ninh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

- Chương trình kinh tế biển giai đoạn 2016-2020 và định hướng 2025 huyện Vạn Ninh.

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.

- Quy hoạch đất trồng lúa đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quy hoạch mạng lưới giao thông toàn tỉnh đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

- Chương trình phát triển hệ thống đô thị tỉnh Khánh Hoà GD 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà.

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vạn Giã và vùng phụ cận đến năm 2025; Hồ sơ Quy hoạch phân khu 1/2000, chi tiết xây dựng 1/500 trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

- Hồ sơ hướng tuyến đường bộ ven biển đoạn Vạn Lương (Vạn Ninh) – TL1A (Ninh Hòa).

- Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của 11 xã thuộc huyện Vạn Ninh đã được phê duyệt;

- Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Vạn Ninh nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh Khánh Hoà và huyện Vạn Ninh năm 2021 và giai đoạn 2021-2025.

- Số liệu kiểm kê đất đai và Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Số liệu thống kê đất đai năm 2020;

- Niên giám thống kê huyện Vạn Ninh các năm 2015 đến 2022.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Phân tích, đánh giá bổ sung điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và thực trạng môi trường

2.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Vạn Ninh nằm về phía Bắc tỉnh Khánh Hoà, cách trung tâm tỉnh lỵ Khánh Hoà là TP Nha Trang 60 km. Tọa độ địa lý của huyện kéo dài từ:

- 12^o45' đến 12^o52'15" vĩ độ Bắc;

- 108^o52' - 109^o27'55" độ kinh Đông.

Vị trí địa lý của huyện tiếp giáp như sau:

- *Phía Bắc và Tây giáp tỉnh Phú Yên;*
- *Phía Đông giáp biển Đông;*
- *Phía Nam giáp thị xã Ninh Hoà.*

Vạn Ninh có một vị trí đặc biệt quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Nằm trên các trục giao thông quan trọng của cả nước như Quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam. Huyện có vị trí gần sân bay Đông Tác - Phú Yên (cách 50km); sân bay Cam Ranh (cách 80 km), có giao thông đường biển thuận lợi,... đã tạo nên một hệ thống giao thông khá hoàn chỉnh với các vùng lân cận tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế với các địa phương khác trong vùng.

Vạn Ninh có 12/13 xã thị trấn (trừ Xuân Sơn) thuộc Khu kinh tế Vân Phong. Yếu tố này vừa là lợi thế trong giao lưu kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và thu hút vốn đầu tư, song nó cũng là một thách thức lớn đối với Vạn Ninh trong điều kiện cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thu hút chất xám, chiếm lĩnh thị trường trong vùng.

2.1.2. Địa hình, địa mạo

Vạn Ninh có địa hình khá đa dạng, bao gồm núi cao, đồng bằng và các bãi cát ven biển (còn gọi là địa hình vùng vịnh ven bờ), dốc dần ra biển theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Độ cao phân bố từ 0 m đến 1.370 m so với mặt nước biển, trong đó có những đỉnh núi cao như núi Hòn Chao (Vạn Lương), núi Hòn Am (Vạn Bình), Hòn Vung (Vạn Long), Núi Đá Trãi, núi Dốc Rẽ (Vạn Phước)...

- Vùng địa hình bằng thấp, độ dốc dưới 3⁰: Đây là vùng tập trung đông dân cư, cơ sở hạ tầng xã hội và đất đai sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản,... Vùng địa hình này phân bố ở khu vực trung tâm huyện và các khu vực dọc Quốc lộ 1, có diện tích 15.100 ha, chiếm 27,31 % tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Khu vực ruộng lúa canh tác có cao độ từ 1,5m - 14m.

+ Khu vực dân cư: Có cao độ từ 1,5m - 14m, xen kẽ giữa ruộng và các khu dân cư là các núi nhô ra biển, đá biến chất hoặc đá vôi bị phong hoá.

- Vùng địa hình có độ dốc 3 → 15⁰: Đây là khu vực chuyển tiếp giữa đồng bằng và đồi núi, có diện tích 11.500 ha, chiếm 20,80% tổng DTTN toàn huyện. Vùng địa hình này tập trung chủ yếu ở phía Tây và Tây Nam huyện, là nơi sản xuất cây lâu năm, cây lâm nghiệp và khai thác đất, đá xây dựng.

- Vùng địa hình có độ dốc trên 15⁰: Loại địa hình này chủ yếu là đồi núi, có diện tích 28.698,07 ha, chiếm 51,89% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện và phân bố chủ yếu ở phía Tây - Tây Nam huyện. Hiện nay, trên dạng địa hình chủ yếu là đất đồi núi chưa sử dụng và đất lâm nghiệp.

+ Khu vực núi cao với dãy Hoa Sơn ở phía Tây chạy dài từ Bắc xuống Nam cao từ 500m - 1.000m, thuộc các xã Đại Lãnh, Vạn Thọ, Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Lương, Vạn Khánh, Vạn Hưng.

+ Nằm sát là các dãy núi thấp, thoải dần từ Tây sang Đông, thuộc các xã Vạn Thọ, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Lương, Vạn Hưng. Có nhiều sông, suối chia cắt tạo thành các thung lũng hẹp và có cao độ 50 - 500m.

Ngoài ra, do đặc trưng địa hình của Vạn Ninh còn có thể phân các khu ra thành Địa hình núi cao phía Tây, đồng bằng ở giữa và khu vực địa hình ven vịnh Vân phong, gồm:

- *Địa hình ven bờ vịnh*

+ Vùng ven bờ: Được che chắn bởi các dãy núi, đặc biệt là khu vực phía Bắc vùng vịnh. Các bãi cát thoải dần, bờ biển khúc khuỷu có điều kiện hình thành cảng nước sâu, nhiều vùng đất rộng thuận lợi hình thành và bố trí quy hoạch nhiều khu chức năng khác nhau.

+ Đáy vịnh: Do sự biến đổi địa chất từng khu vực có độ nông sâu khác nhau. Theo tài liệu nghiên cứu địa chất, địa mạo phục vụ phát triển du lịch Vân Phong - Đại Lãnh.

++ Vũng Bến Gội có độ sâu < 20m.

++ Vịnh Vân Phong có độ sâu từ 20m ÷ 30m.

++ Vũng lạch Cỏ Cò và Cửa Bé có độ sâu < 20m.

- *Địa hình đảo và bán đảo*: bao gồm toàn bộ các đảo nằm trong vùng vịnh như: Hòn Lớn, bán đảo Hòn Góm, Hòn Bịp, Hòn Mao, Hòn Một, Hòn Ó, Hòn Đuốc, Hòn Vung,...

- *Địa hình chân đảo*: bãi cát, san hô, đồng bằng. Bao quanh đảo có các dải san hô mềm khá rộng, xen kẽ có các bãi cát kéo dài dọc bờ, khá yên sóng thuận tiện cho bãi tắm.

- *Địa hình còn lại*: núi đá, đất. Các đá trầm tích biến chất, phủ lên lớp thực vật dày và đất đá Felalít.

2.1.3. Khí hậu

Huyện Vạn Ninh nằm trong tiểu vùng khí hậu đồng bằng ven biển (tiểu vùng II của tỉnh Khánh Hòa), mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa đại dương nên tương đối ôn hoà. Nhiệt độ mùa hè và mùa đông của tiểu vùng này chênh lệch với tiểu vùng khí hậu Nha Trang - Diên Khánh, cụ thể:

- *Nhiệt độ không khí*: : Nhiệt độ trung bình năm dao động từ 26°C ÷ 28°C và có sự phân hóa mạnh theo địa hình. Vùng đồng bằng ven biển nhiệt độ cao hơn khoảng 27°C ÷ 29°C, càng đi sâu về vùng núi phía Tây nhiệt độ càng giảm. Ngoài ra nhiệt độ cũng biến động mạnh theo từng tháng, nhiệt độ trung bình tăng dần từ tháng 01 và đạt cực đại tới 28°C vào tháng 6 sau đó giảm chậm vào tháng 7, 8; tháng 9 nhiệt độ bắt đầu giảm nhanh và đạt cực tiểu vào tháng 01 với giá trị 24°C.

- *Chế độ nắng*: Số giờ nắng phân bố theo không gian phụ thuộc vào địa hình nơi có đồi núi, công trình kiến trúc cao che chắn làm cho tổng số giờ nắng giảm. Tổng số giờ nắng khoảng 2.560-2.632 giờ, trung bình hàng tháng có 213-219 giờ nắng. Mùa khô giờ nắng cao hơn mùa mưa, tổng số giờ nắng chủ yếu trên 200 giờ/tháng kéo dài từ tháng 01 đến hết tháng 8 hàng năm. Trong đó 3 tháng nhiều nắng nhất là các tháng 3, 4, 5 với tổng số giờ nắng đạt 250-275 giờ/tháng, tức là có khoảng 8,0-8,8 giờ nắng/ngày.

- *Độ ẩm không khí*: độ ẩm trung bình năm 76%-79%, độ ẩm cao nhất giao động 79% ÷ 82% (mùa mưa, tháng 9 ÷ 12), độ ẩm thấp nhất giao động từ 73% ÷ 77% (mùa khô, tháng 6 ÷ 8).

- *Mưa*: Lượng mưa tập trung chính trong bốn tháng từ tháng 9 đến tháng 12 với lượng mưa chiếm 65-75% tổng lượng mưa trung bình năm; mùa khô tổng lượng mưa khoảng 350-550mm chiếm 25-35% tổng lượng mưa năm;

- *Chế độ gió*: Trên địa bàn có 2 hướng gió chính. Trong đó gió Đông Bắc chủ yếu hoạt động từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau và Tây Nam từ tháng 6 đến tháng 9, thường khô nóng, kéo dài 5 -7 ngày, tốc độ gió đạt 10m/s.

Ngoài ra, địa bàn huyện còn có gió lục địa khô nóng (*gió Tu Bông*), hướng Tây Bắc ra phía biển kèm theo tiết trời mát mẻ hơn, nhưng đặc điểm của gió là vừa khô vừa lạnh, tốc độ gió cao lên trên 20m/s gây ra một số khó khăn nhất định trong quá trình sinh hoạt cũng như sản xuất trên địa bàn 1 số xã như Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước.

- *Bão, áp thấp nhiệt đới*: Mùa bão, áp thấp nhiệt đới tập trung vào khoảng tháng 10-12. Cá biệt có những năm bão xuất hiện sớm (bão trái mùa) đổ bộ vào và gây thiệt hại đáng kể như bão Mamie vào tháng 3 năm 1982, áp thấp nhiệt đới tháng 3 năm 1991, áp thấp nhiệt đới tháng 6 năm 1994. Bão thường gây ra gió to, mưa lớn ở vùng bão đổ bộ và các khu vực kế cận.

- *Lượng bốc hơi nước* : Lượng bốc hơi cả năm trung bình 687,2mm. Từ tháng 6 đến tháng 8, lượng bốc hơi cao nhất so với các tháng trong năm và đạt trung bình 90,3mm.

Nhìn chung, khí hậu thuận lợi cho phát triển kinh tế biển, đặc biệt là kinh tế du lịch.

2.1.4. Thủy văn, hải văn

*** Thủy văn:**

Trên địa bàn huyện ước tính tổng diện tích lưu vực các sông suối khoảng 240 km² với tổng lượng nước đến trung bình là 91.106 m³, gồm một số con sông chính có đặc điểm chung của các sông khu vực Nam Trung bộ là đều ngắn, dốc, đổ trực tiếp ra biển, cụ thể như sau:

- *Sông Đồng Điện*: Bắt nguồn từ độ cao 1.083m về phía Tây Bắc, xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh, thượng nguồn là suối Bình Trung, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua xã Vạn Bình, Vạn Thắng. Sông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ vào vịnh Vân Phong. Diện tích lưu vực 130km², chiều dài sông chính 24km, chiều rộng bình quân lưu vực 5,42km; độ dốc trung bình 6,7%. Phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của TT Vạn Giã, xã Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Lương, Vạn Thắng,...

- *Sông Cạn (Tô Giang)* Bắt nguồn từ Hòn Đông, Hòn Giao với độ cao 840m, chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, là ranh giới giữa hai xã Vạn Phước và Vạn Long đổ ra biển tại cửa Hải Triều. Sông có nước quanh năm. Chiều dài 14 km. Chiều rộng bình quân lưu vực 6,1 km. diện tích lưu vực 86 km². Phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của các xã Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước, Vạn Thọ, Vạn Thạnh.

- Sông Hiền Lương Bắt nguồn từ độ cao 1.550m phía Tây Nam xã Vạn Phú, Vạn Lương. Sông chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam rồi đổ ra vịnh Vân Phong. Diện tích lưu vực 130km²; chiều dài sông chính 21km; độ rộng trung bình lưu vực 6,2km; độ dốc trung bình lưu vực 10%. Phục vụ khá tốt cho sản xuất nông nghiệp tại các xã Vạn Phú, Vạn Lương,...

.* **Hải văn:** Thông số mực nước triều tại một số điểm đo trong khu vực cụ thể như sau:

- Mực nước dâng trong bão khu vực Đầm Môn theo kết quả tính toán trên mô hình và số liệu quan trắc thì mực nước dâng cực đại bằng +1.0 m.

Vũng Rô (Đại Lãnh)		Hòn Ông
H _{max}	+1,4m	+0,84m
H _{tb}	+0,1m	- 0,29m
H _{min}	-1,2m	-1,54m

- Chiều cao sóng lớn nhất khu vực vùng giữa vịnh > 2,0m, phía Đông đảo Hòn Gồm +3,5 m.

- Chiều cao sóng và mực nước dâng lớn nhất khu vực Vạn Ninh bằng +1,3m (theo hệ cao độ Quốc Gia).

2.1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả Điều tra, bổ sung bản đồ đất tỉnh Khánh Hòa tỷ lệ 1/100.000 (*Viện Quy hoạch & TKNN thực hiện năm 2006*), huyện Vạn Ninh có những nhóm đất sau:

- Nhóm bãi cát, cồn cát và đất cát ven biển: Diện tích 5.871 ha, chiếm 10,62% tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở các khu vực Đầm Môn - xã Vạn Thạnh. Hiện nay vùng đất cát khu vực Đầm Môn được khai thác làm vật liệu xây dựng và xuất khẩu.

- Nhóm đất mặn: Diện tích 777 ha, chiếm 1,41 % tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở các xã Vạn Khánh, Vạn Phước, Vạn Long, Vạn Thọ. Hiện nay vùng đất mặn đã được sử dụng để nuôi trồng thủy sản.

- Nhóm đất phù sa: diện tích 5.217 ha, chiếm 9,43 % diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó:

- + Đất phù sa không được bồi, chưa có diện tích 1.165 ha.
- + Đất phù sa có tầng glêy có diện tích 3.536 ha.
- + Đất phù sa ngòi suối có diện tích 132 ha.
- + Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng có diện tích 384 ha.

Nhóm đất phù sa chủ yếu phân bố ven các sông, suối chính trên địa bàn huyện, tập trung nhiều tại khu vực sản xuất lúa nước hai bên Quốc lộ 1. Đây là vùng đất tốt nhất và là nơi sản xuất nông nghiệp (canh tác lúa, hoa màu...) của huyện.

- Nhóm đất xám bạc màu có diện tích 2.431 ha, chiếm 4,4% diện tích tự nhiên toàn huyện và phân bố chủ yếu ở khu vực địa hình sườn đồi, hiện nay vùng đất này được sử dụng trồng cây màu hàng năm (ngô, sắn...) và cây lâu năm.

- Nhóm đất đỏ vàng có diện tích 34.097,32 ha, chiếm 61,66 % diện tích tự nhiên toàn huyện. Nhóm đất này phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi, đất có tầng dày mỏng, độ dốc lớn, thảm thực vật chủ yếu là cây rừng, cây bụi xen gỗ rải rác.

- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi có diện tích 4.838 ha, chiếm 8,75 % diện tích tự nhiên toàn huyện. Nhóm đất này phân bố chủ yếu ở vùng đồi núi, đất có tầng dày khá, thảm thực vật chủ yếu là cây rừng, cây bụi xen gỗ rải rác.

- Nhóm đất thung lũng dốc tụ có diện tích 21 ha, chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Đất xói mòn trơ sỏi đá có diện tích 1.304,75 ha, chiếm 2,36 % diện tích tự nhiên toàn huyện, hiện nay đã có một số doanh nghiệp khai thác đá làm vật liệu xây dựng.

- Các loại đất khác bao gồm *đất sông suối, hồ thủy lợi và mặt nước chuyên dùng*).

b. Tài nguyên nước

* Nước mặt: Đặc trưng về địa hình của huyện Vạn Ninh là núi phân bố ở phía Bắc và chạy gần sát biển. Vì vậy, các sông suối chảy qua khu vực đều ngắn và dốc. Mặt khác vùng núi cao thường có lượng mưa lớn nên đã tạo ra mạng lưới sông suối khá phong phú. Nguồn nước mặt chủ yếu có từ các sông chính chảy qua trên địa bàn huyện gồm: sông Đồng Điện, sông Cạn, sông Hiền Lương. Ngoài ra, nguồn nước mặt tại các hồ trên địa bàn huyện gồm: hồ Hoa Sơn, hồ Suối Luông, hồ Suối Lớn và hồ Đá Đen.

* Nước ngầm:

Theo nghiên cứu của dự án “Điều tra đánh giá tiềm năng khai thác nước dưới đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng cát ven biển tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên” do Cục Quản lý tài nguyên nước - Bộ Tài Nguyên Môi Trường thực hiện năm 2007. Trữ lượng nước dưới đất gồm:

- Trữ lượng tĩnh

+ *Vùng bán đảo Hòn Gốm*: Phần từ đèo Cổ Mã đến khu vực thôn Vĩnh Yên và khu vực thôn Đàm Môn đến khu vực đôn biên phòng: Tổng trữ lượng tĩnh khu vực bán đảo Hòn Gốm là 18.290.450m³.

+ *Vùng đất liền ven biển Vạn Ninh và 1 phần của Ninh Hoà*: Trữ lượng tĩnh là: 501.336.000m³.

- Trữ lượng động

+ *Vùng bán đảo Hòn Gốm*: Thành lập bản đồ thủy đẳng cao bằng tài liệu đo mực nước các lỗ khoan và giếng đào trong dự án. Bản đồ thủy đẳng cao cho thấy tại bán đảo Hòn Gốm được chia thành 2 hệ thống thủy lực. Một phần bắt đầu từ đèo Cổ Mã kéo dài đến giáp công ty khai thác khoáng sản. Phần thứ hai là phần còn lại gồm khu vực Đàm Môn và Đôn biên phòng. Các đường thủy đẳng cao gần như song song nhau, chứng tỏ dòng chảy ở đây là dòng chảy phẳng. Kết quả tính toán tổng trữ lượng động khu vực bán đảo Hòn Gốm là: 58.812m³/ng.

+ *Vùng đất liền ven biển Vạn Ninh - Ninh Hoà*: Cũng giống như vùng đất liền khu vực thị xã Cam Ranh, vùng đất liền ven biển Vạn Ninh - Ninh Hoà có điều kiện tương tự. Trữ lượng động tự nhiên ở đây được xác định bằng lượng ngấm của nước mưa. Trữ lượng động phần đất liền khu vực ven biển Vạn Ninh - Ninh Hoà là: 444.210m³/ng.

- *Trữ lượng có thể khai thác*

Trữ lượng có thể khai thác của một vùng được hiểu là tổng lượng nước có thể khai thác được từ các tầng chứa nước phân bố trong vùng đó bằng các công trình khai thác hợp lý mà khi khai thác lượng nước đó không làm biến đổi xấu về môi trường và không làm cạn kiệt nguồn nước. Trữ lượng có thể khai thác được của vùng đồng bằng Vạn Ninh - Ninh Hoà khoảng 24.450m³/ngđ.

+ Vùng bán đảo Hòn Gốm: 8.450m³/ng.

+ Vùng đất liền ven biển Vạn Ninh - Ninh Hoà: 16.000m³/ng.

Ngoài ra, theo điều tra thực tế thông qua giếng đào của các hộ gia đình đang sử dụng thì nguồn nước ngấm trên địa bàn huyện khá phong phú ở độ sâu 1,5-2,0m. Nhưng ở khu vực ven bờ biển có mực nước ngấm cách mặt đất 1-1,5m và thường bị nhiễm mặn. Vì vậy, nước ngấm trong khu vực này chỉ khai thác sử dụng trong sinh hoạt.

c. Tài nguyên rừng

Theo số liệu hiện trạng sử dụng đất năm 2022 toàn huyện có 36.363,46 ha đất sử dụng vào mục đích lâm nghiệp, chiếm 64,70% DTTN toàn huyện. Tổng diện tích đất có rừng trên địa bàn huyện 28.372,5 ha (đất rừng phòng hộ 12.904,35 ha, rừng sản xuất 15.125,78 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 50,2 % (*Theo Quyết định 83/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND huyện Vạn Ninh về phê duyệt và công bố hiện trạng rừng năm 2022*) diện tích đất lâm nghiệp theo số liệu hiện trạng sử dụng đất có 36.363,46 ha, chênh lệch 7.990,96 ha. Nguyên nhân chênh lệch là do quá trình kiểm kê đất đai năm 2019 có nhầm lẫn diện tích đất lâm nghiệp (kiểm nhầm chỉ tiêu theo quy hoạch 3 loại rừng) và đất chưa sử dụng; tiêu chí xác định đất lâm nghiệp giữa 2 ngành Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường là khác nhau, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ chiếm tỷ lệ 40,31% đất lâm nghiệp với diện tích 14.657,80 ha (*tập trung nhiều ở xã Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Bình, Vạn Long*) do BQL rừng phòng hộ huyện Vạn Ninh quản lý; Đất rừng sản xuất chiếm 59,69% với diện tích 21.705,66 ha (*tập trung nhiều ở xã Vạn Hưng, Vạn Thạnh, Vạn Bình, Xuân Sơn*) gồm 1 phần do BQL rừng phòng hộ Vạn Ninh quản lý (xã Vạn Hưng) còn lại phần lớn diện tích đất rừng sản xuất do UBND xã quản lý đã giao cho các hộ gia đình cá nhân.

Tài nguyên rừng tự nhiên chủ yếu là rừng lá rộng thường xanh với hệ thực vật phong phú, có nhiều loài cây gỗ lớn có giá trị như: Chò Chai, Giổi, Sến, Giẻ, Trâm, Cồng Chim, Re,...Ngoài ra dưới tán rừng còn có nhiều loài cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị như Sa nhân, Song mây,...

Đối với các diện tích rừng trồng loài cây trồng chủ yếu là Keo lá tràm, Keo lai,

Bạch đàn và một số diện tích được sử dụng để trồng Dó, Quế...

d. Tài nguyên biển

Biển Vạn Ninh thuộc khu vực vịnh Vân Phong, là nơi có lợi thế tiềm năng vượt trội mà ít nơi nào có được trên bình diện quốc gia và khu vực, đó là lợi thế cảng nước sâu và các bãi biển đẹp. Với độ sâu trung bình 20 - 27m, kín gió, không bị bồi lắng nên phù hợp để phát triển một cảng nước sâu lý tưởng của khu vực, cho hoạt động vận tải biển. Cảnh quan thiên nhiên với nhiều thắng cảnh đẹp, nhiều bãi biển hoang sơ với những bãi cát trắng trải dài rất đẹp; tập hợp của nhiều vịnh nhỏ và những hòn đảo xinh xắn,...là tiền đề để Vạn Ninh trở thành khu vực phát triển kinh tế biển và dịch vụ du lịch nổi tiếng thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

Bờ biển Vạn Ninh có chiều dài khoảng 60 km (*nếu tính tất cả mặt tiếp giáp các đảo chiều dài bờ biển dài gần 100 km*) Nước biển khu vực Vịnh Vân Phong có độ mặn cao, nước trong, sạch và ấm; Khu vực vịnh Vân Phong là vùng lặng sóng, lặng gió, không có vùng xoáy - xiết, có nhiều điều kiện thuận lợi hình thành các cảng hàng hoá, du lịch và quốc phòng. Bên cạnh đó, biển có tiềm năng lớn về nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản với nhiều loại thủy hải sản quý như cá thu, cá ngừ đại dương, cá mú, cá chẽm, tôm hùm, tôm sú, cua biển, cá ngựa, mực...Trữ lượng hải sản vùng biển Vạn Ninh ước khoảng trên 50 nghìn tấn, trong đó chủ yếu là cá nổi (70%). Mặt nước rộng lớn và điều kiện khí hậu, môi trường thuận lợi của biển rất phù hợp với nuôi trồng nhiều loại thủy hải sản trong đó có nhiều loại hải sản có giá trị kinh tế cao. Đây là 1 yếu tố thuận lợi lớn thúc đẩy phát triển nuôi trồng thủy sản cũng như kinh tế biển trong những năm tới trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

e. Tài nguyên khoáng sản

Theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Khánh Hòa, trên địa bàn huyện Vạn Ninh hiện nay có một số loại khoáng sản sau:

- Vàng: Phân bố ở núi Hòn Ngang, xã Xuân Sơn, huyện Vạn Ninh; Granit XD: có tiềm năng phong phú, phân bố ở xã Vạn Phú (chân núi Hòn Dứa), Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Phước (chân núi Xả); Ryolit, andesit xây dựng: phân bố chủ yếu tại núi Bồ Đà (xã Vạn Hưng) và bán đảo Hòn Gốm (xã Vạn Thạnh).

- Đá ốp lát, trang trí: Tập trung ở khu Tân Dân (các mỏ Suối Hàng 1, Suối Hàng 2, Tân Dân 3, 4, 5, 6, Suối Luồng 1, Suối Luồng 2...);

- Cát xây dựng: gồm 2 loại là cát xây dựng sử dụng nội địa và cát xây dựng xuất khẩu; Kaolin: Bao trùm 2 mỏ kaolin Độc Thị 1 và Độc Thị 2 xã Vạn Hưng;

- Sét gạch ngói: tập trung ở khu vực Vạn Bình - Vạn Phú, qua kết quả điều tra bổ sung của Liên đoàn ĐCTV - ĐCCT miền Trung thấy triển vọng khá lớn;

- Nước khoáng: hiện tại có 2 mỏ đã thăm dò là Hóc Chim (Trữ lượng đưa vào quy hoạch khai thác cấp B = 265 m³/ngày) và Tu Bông 1. Trữ lượng đã thăm dò cấp B đạt 415 m³/ngày;

- Bùn khoáng: có 2 khu mỏ đã được Công ty phần Thế kỷ 21 - Chi nhánh Nha Trang và doanh nghiệp Sao Mai đánh giá.

f. Tài nguyên nhân văn

- Tài nguyên du lịch biển- đảo. Huyện Vạn Ninh có các thắng cảnh du lịch như bãi biển Đại Lãnh và vịnh Vân Phong.

Vịnh Vân Phong có tới 350 loại san hô và 270 loại cá, tôm. Vịnh có những bờ biển thoải dài, bãi tắm tuyệt đẹp, hoang sơ cát trắng mịn, nước biển trong vắt như biển Đại Lãnh, Bãi Tây, Bãi Me, Bãi Búa, Bãi Lách, Bãi Xuân Đứng... là điểm du lịch từ nhiều năm. Các đảo đẹp trong vịnh phải kể đến: Hòn Lớn, Hòn Đỏ, Hòn Ông, Hòn Cỏ, Hòn Nước, hòn Bịp (Điệp Sơn), Hòn Gồm... đặc biệt là danh lam thắng cảnh Mũi Đôi – Hòn Đôi (Hòn Đầu) ở bán đảo Hòn Gồm, nơi đón ánh bình minh trên đất liền đầu tiên của Tổ quốc (*đã được xếp hạng là danh lam thắng cảnh Quốc gia vào năm 2005*).

Với vẻ đẹp thiên nhiên hoang sơ và truyền thống sinh hoạt văn hóa du lịch, vịnh Vân Phong đã được xếp vào danh sách 4 địa điểm du lịch biển lý tưởng nhất hiện nay bởi hiệp hội “Biển thế giới”. Vân Phong cũng được Tổng cục Du lịch Việt Nam xếp vào “vùng du lịch trọng điểm phát triển” của cả nước. Vịnh này có tiềm năng hàng đầu khu vực châu Á để phát triển du lịch sinh thái, thu hút đông đảo du khách bốn phương. Không chỉ có cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp, Vân Phong còn sở hữu được nền khí hậu mát mẻ lý tưởng. Chính nhờ thời tiết ẩm mát quanh năm mà nơi đây trở thành địa điểm nghỉ dưỡng tuyệt vời cho các du khách, hấp dẫn vô số các du khách trong và ngoài nước.

Tuy vịnh Vân Phong là khu vực có tiềm năng rất lớn nhưng đã ngủ quên quá lâu, hiện nay đang được làm thức tỉnh. Vịnh có phần đất vươn ra biển Đông xa nhất Việt Nam. Với độ sâu trung bình 20-30 mét, trong đó có nhiều khu vực ven bờ có độ sâu dưới 15m và ưu thế kín gió, gần đường hàng hải quốc tế, vịnh được quy hoạch thành cảng nước sâu để giao thương quốc tế. Đồng thời với ưu điểm của một vùng biển cần có đó là xinh đẹp, sự trong sạch, hoang sơ và yên bình, vịnh cũng được phát triển thành một điểm du lịch nghỉ dưỡng cho các du khách nước ngoài. Vịnh được Hiệp hội Du lịch thế giới và Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đánh giá là khu du lịch nhiệt đới phức hợp với bãi tắm đẹp.

- Tài nguyên du lịch văn hóa - nhân văn. Bên cạnh tài nguyên du lịch biển-đảo, Vạn Ninh còn có tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, với 18 di tích lịch sử văn hóa có giá trị như Lăng Ông Nam Hải (thị trấn Vạn Giã), Di tích lịch sử danh nhân Tổng trấn Trần Đường, Đình Hiền Lương; Đình Hội Khánh; Đình Long Hòa; Đình Phú Hội; Đình Hải Triều; Lăng Phú Hội; Đình Quảng Hội; Đình Trung Đồng; Lăng Quảng Hội; Đình Tân Mỹ; Đình Tân Phước; Đình Đàm Môn; có danh thắng cấp Quốc Gia Mũi Đôi – Hòn Đầu, Đình Phú Cang (Vạn Phú). Ngoài ra, còn có một số văn hóa phi vật thể như lễ hội Cầu Ngư - Hát Bá Trạo,... Tiềm năng du lịch Vạn Ninh cho phép phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mạnh, xây dựng được thương hiệu Vạn Ninh trên bản đồ du lịch thế giới.

2.1.6. Thực trạng môi trường

Theo định hướng quy hoạch đã được Thủ tướng phê duyệt thì: Khu kinh tế Vân Phong được định hướng là trung tâm dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí cao cấp có thương hiệu, chất lượng cao và khả năng cạnh tranh quốc tế. Trong đó, Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp.

Thực hiện theo quy hoạch được duyệt thì việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường thông qua việc thu hút các dự án đầu tư ít nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (tập trung vào phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, đô thị,..); tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng để xử lý ô nhiễm,... Tuy nhiên, việc đẩy mạnh phát triển kinh tế đã đặt ra những thách thức về bảo vệ môi trường (*trong đó tốc độ đô thị hóa nhanh cũng mang lại các thách thức về môi trường, hoạt động khai thác khoáng sản, nước và tài nguyên thiên nhiên tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ra sạt lở, lũ quét, ngập úng... ô nhiễm môi trường do sử dụng hóa chất trong sản xuất nông nghiệp, hoạt động chăn nuôi, dịch bệnh gia súc, gia cầm vẫn tiếp diễn hoạt động nuôi trồng thủy sản trên đất liền, trên biển;... đã gây ra những thiệt hại không nhỏ cho thu nhập của người dân cũng như vấn đề ô nhiễm môi trường*).

Theo báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2015-2019 và kết quả quan trắc môi trường năm 2020, 2021, 2022 trên địa bàn toàn tỉnh thì hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện Vạn Ninh được ghi nhận cụ thể như sau:

*** Hiện trạng môi trường nước:**

- **Nước mặt:** Theo kết quả quan trắc môi trường nước mặt (tại hồ Hoa Sơn) cho thấy: Nồng độ của pH, COD, NH₃,4-N, TSS, DO, NO₃-N, PO₄-P, Fe, Zn có nồng độ ghi nhận được đều đạt yêu cầu (*tuy có một số thời điểm vượt giới hạn cho phép nhưng đây là hiện tượng rất bình thường*); Các kim loại Cu, Pb, Cr, Cd, As luôn luôn đáp ứng yêu cầu của nước mặt nhóm A1; Nồng độ dầu mỡ tổng luôn luôn đáp ứng yêu cầu của nước mặt nhóm A1; Trong một số trường hợp mật độ coliform cao hơn mức cho phép; Nước hồ: Về chất lượng nước vị trí hồ được quan trắc, mặc dù có một vài chỉ tiêu có lúc không đáp ứng yêu cầu Theo quyết định số 1460/QĐ-TCMT ngày 12/11/2019 của Tổng cục Môi trường, Chất lượng nước của hồ Hoa Sơn đáp ứng nhu cầu sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; Nước sông: có thể sử dụng tốt cho việc tưới tiêu (để sử dụng vào việc cấp nước sinh hoạt cần có biện pháp xử lý triệt để Fe và coliform).

- **Nước dưới đất:** Nước ngầm khu vực Vạn Ninh có độ cứng cao, bị nhiễm mặn, nhiễm khuẩn. Nguồn nước dưới đất chủ yếu được khai thác bằng các giếng đào, đã có từ trước trong các khu dân cư của các hộ nông dân. Nhìn chung, chất lượng môi trường nước dưới đất trên địa bàn phần lớn bị nhiễm bản bởi mật độ vi sinh. Độ cứng phần lớn giảm qua từng năm; Hàm lượng các chất dinh dưỡng (nitrit, nitrat) đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn; Hàm lượng Fe thường xuyên vượt quy chuẩn; hàm lượng kim loại nặng đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn; Mức nhiễm bản vi sinh (Colifom và E.coli) diễn ra thường xuyên ở phần lớn các khu vực khu vực nhiễm bản thấp nhất là KV Dốc Ké (Vạn Thắng), Tuần Lễ (Vạn Thọ). Tuy nhiên, thời gian từ năm 2020 đến nay thì mức nhiễm ngày càng tiệm cận với QCVN 09MT/2015-BTNMT.

Nguyên nhân ô nhiễm nguồn nước ngầm: Do hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy hải sản, nông sản, khai thác nước ngầm trong khu vực dẫn tới ô nhiễm xâm nhập.

*** Môi trường không khí:** Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Khánh Hoà

trong giai đoạn 2015-2019, các kết quả quan trắc môi trường của các năm 2020, 2021, 2022 thì: Tại các khu dân cư hầu hết nồng độ bụi đều khá thấp (dao động từ 0,05 - 0,097 mg/m³), hầu như nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn; nồng độ NO₂, SO₂, CO, O₃, Khí Hydrocacbon tại trạm quan trắc thị trấn Vạn Giã đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn. Đối với tiếng ồn tại các khu vực TT Vạn Giã do ảnh hưởng của hoạt động giao thông tiếng ồn lại có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây do hoạt động đầu tư xây dựng các công trình dự án như: Cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Nha Trang – Vân Phong, xây dựng 3 khu tái định cư phục vụ cho Cao tốc, hoạt động xây dựng của các dự án của huyện (cầu huyện 2 và đường dẫn, kè bờ biển Vạn Giã giai đoạn 2, kè bờ biển tại xã Vạn Lương,...)

Hiện nay, Vạn Ninh vẫn đang là một huyện nông nghiệp vẫn chiếm vị trí chủ đạo trong nền kinh tế, do đó hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tạo ra một lượng lớn chất thải rắn nguy hại (việc sử dụng hoá chất trong nông nghiệp bao gồm bao bì thuốc bảo vệ thực vật, Chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản,... và hoạt động nuôi trồng đánh bắt trên biển) sau sử dụng nếu không được thu gom, xử lý và không có các biện pháp, giải pháp xử lý sẽ gây tác hại xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, các hoạt động phát triển kinh tế xã hội cũng đã và đang góp phần làm ngày càng tăng khối lượng chất thải rắn trên địa bàn huyện, trong khi đó hiện tại chỉ có Công ty CP Môi trường đô thị Vạn Ninh thực hiện thu gom cho 12 xã, thị trấn, sau đó chôn lấp tại bãi rác hỏ Độc Ké (với tổng diện tích 2,3 ha. Hiện nay, huyện đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án nhà máy xử lý, chôn lấp chất thải rắn đã được quy hoạch tại khu vực thôn Suối Hàng (Vạn Khánh) – thuộc 1 phần của bãi rác Bắc Vân Phong.

Ngoài ra, theo định hướng quy hoạch để triển khai thực hiện các công trình dự án trên địa bàn huyện đòi hỏi phải chuyển đổi một phần diện tích các loại đất nông nghiệp, lâm nghiệp để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng; xây dựng khu công nghiệp Độc Đá Trắng, các khu đô thị mới, các điểm dân cư nông thôn, tăng nhanh dân số cơ học từ nông thôn ra thành thị, cùng với hoạt động ngày càng tăng của các phương tiện giao thông, việc sử dụng các loại hóa chất trong canh tác nông nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ,... dẫn đến phá vỡ các hệ sinh thái và gây nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Một số cơ sở sản xuất công nghệ đã cũ kỹ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; quá trình phát triển công nghiệp, các khu dân cư, bệnh viện, trạm y tế... tạo ra nguồn rác thải, nước thải khá lớn nhưng chưa được xử lý triệt để, việc xây dựng, cải tạo công trình, nhà cửa thiếu kiểm soát, việc vận chuyển vật liệu đất đá xây dựng, hoạt động khai thác vật liệu xây dựng tại khu vực Tân Dân - Vạn Thắng, Suối Hàng – Vạn Khánh, núi Bồ Đà – Vạn Lương, Vạn Hưng, mỏ đá Xuân Sơn,... cũng góp phần làm tăng thêm độ ồn, gây ô nhiễm không khí cho huyện; việc khai thác đánh bắt và nuôi trồng thủy sản còn mang tính tự phát theo phương pháp, hình thức khác nhau, thiếu khoa học cũng làm ô nhiễm nguồn nước và cạn kiệt nguồn tài nguyên thủy hải sản.

Từ những vấn đề nêu trên, trong những năm sắp tới, cùng với quá trình khai thác các nguồn lợi một cách tối đa để phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo cảnh quan môi trường sinh thái được bền vững và ổn định cần phải có các quy định chính sách cụ thể trong đầu tư; đồng thời cần xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, tăng cường nguồn vốn cho mục đích bảo vệ môi trường; tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và dự kiến trước các biện pháp để kịp thời ngăn ngừa, hạn chế khắc phục ô nhiễm. Có các giải pháp lâu dài về xử lý ô nhiễm môi trường ở khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, các khu vực cấp phép khai thác khoáng sản, bệnh viện, hệ thống thoát nước ở các khu dân cư, có phương án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm vào các khu vực tập trung. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tích cực trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

2.1.7. Đánh giá chung

1.3.1. Những thuận lợi, lợi thế

Hiện nay, Khánh Hòa nói chung và Vạn Ninh nói riêng đang được sự quan tâm đặc biệt của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đối với tỉnh Khánh Hòa, vừa thể hiện sự quyết tâm của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân Khánh Hòa quan tâm với quá trình Xây dựng và phát triển Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 trong đó: Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 09-NQ/TW năm 2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ngày 16/6/2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; Ngày 21/3/2022 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 42/NQ-CP Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Các nghị quyết nêu trên đặt mục tiêu, kỳ vọng rất cao, tạo ra thời cơ mới (nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách mới, vượt trội, đã khơi thông tiềm năng và góp phần giải tỏa những vướng mắc trên địa bàn) nhưng cũng tạo cho Khánh Hòa thách thức rất lớn trong mục tiêu hướng đến và được chi rõ trong từng Nghị Quyết.

Vạn Ninh có vị trí địa lý-kinh tế và mối liên hệ vùng thuận lợi: nằm trên đầu mối giao thông quan trọng của quốc gia theo hướng Bắc-Nam bao gồm cả đường bộ, đường sắt, cảng biển, gần sân bay. Lợi thế này tạo nên mối quan hệ liên hệ vùng thuận lợi với các vùng và địa phương trong cả nước, với các nước trong khu vực và thế giới. Sở hữu các lợi thế đặc biệt về tài nguyên thiên nhiên, môi trường, khí hậu, và nguồn nhân lực phù hợp để phát triển nền kinh tế đa ngành, đặc biệt tập trung vào các ngành kinh tế biển.

- Là một trong những địa bàn có điều kiện lý tưởng về cảnh quan thiên nhiên độc đáo và kỳ thú của vịnh - biển - đảo, có lợi thế thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu và là điểm gần hải phận quốc tế nhất cả nước. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có các di tích lịch sử, di tích danh lam thắng cảnh (Mũi Đồi – Hòn Đầu), các bãi biển đẹp hoang sơ,... tạo lợi thế cho huyện phát triển nhiều loại hình du lịch như: du lịch nghỉ dưỡng,

thăm quan văn hóa - lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái biển, rừng...

Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất và với các tiểu vùng khí hậu đặc thù cho phép để phát triển nhiều loại cây trồng mang lại giá trị kinh tế khá cao.

- Tài nguyên biển khá phong phú về các loài hải sản, độ mặn khá cao, trữ lượng cá lớn là điều kiện thuận lợi cho phát triển nghề muối và khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản.

Tài nguyên khoáng sản với trữ lượng khác lớn (như đá để phục vụ xây dựng, cát xuất khẩu,... nên có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt sản xuất vật liệu xây dựng.

Về môi trường nói chung khu vực huyện Vạn Ninh chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô nhỏ, cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được, nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, các biện pháp xử lý kịp thời.

1.4.2. Những khó khăn, hạn chế

Do tác động của biến đổi khí hậu, nên những năm gần đây khí hậu khắc nghiệt nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan như gió, lốc, bão, lũ mưa lớn kéo dài, gió mùa Tây Nam khô nóng... gây nên lũ, lụt, hạn hán, cát bay,... đã làm thiệt hại không nhỏ cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

Do đặc điểm về địa hình ngăn và dốc, hệ thống các sông, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

Diện tích đất rừng nhiều nhưng có độ che phủ chưa cao (đạt 50,3%) so với tiềm năng phát triển lâm nghiệp của huyện nên khả năng cải tạo khí hậu thấp, mùa mưa điều tiết dòng chảy không cao.

Tuy đất đai có nhiều nhóm, loại đất nhưng cơ bản đã khai thác tối đa cho sản xuất nông nghiệp, không có khả năng mở rộng, trong khi phải giảm đi do chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp.

Nguồn nước ngọt ít và nhiều vùng bị nhiễm mặn; khả năng khai thác sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn.

2.2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế xã hội

2.2.1. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế, xã hội

Trong những năm qua kinh tế của huyện tiếp tục phát triển khá toàn diện, tăng trưởng kinh tế một số ngành đạt khá cao, kết cấu hạ tầng từng bước hoàn thiện, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Giá trị sản xuất các ngành năm sau cao hơn năm trước (riêng năm 2021 đạt thấp do ảnh hưởng của đại dịch Covid làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung).

Kinh tế của huyện có mức tăng trưởng khá đã thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo đúng định hướng của Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện đề ra; Năm 2022 Giá

trị sản xuất ngành nông nghiệp (giá so sánh năm 2010) thực hiện 422.436 triệu đồng, bằng 91,78% kế hoạch; Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng thực hiện 1.390.443 triệu đồng, đạt 103,73% kế hoạch, trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - TTCN thực hiện 539.620 triệu đồng.

Về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch đúng hướng: Tăng dần tỷ trọng công nghiệp–XD và dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản trong cơ cấu nền kinh tế của huyện. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp với xu hướng phát triển chung của tỉnh, theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp.

2.2.2. Thực trạng phát triển các ngành lĩnh vực

a. Khu vực kinh tế Nông nghiệp

Trong năm 2022 giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản thực hiện 1.886.504 triệu đồng, đạt 109,9% kế hoạch, tăng 23,57% so với năm 2021. Cụ thể:

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (giá so sánh năm 2010) thực hiện 422.436 triệu đồng, bằng 91,78% kế hoạch và giảm 2,72% so với năm 2021. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm từ đầu vụ Đông Xuân đến nay 9.217 ha, trong đó cây lương thực 8.214 ha; cây chất bột có củ 157 ha, cây thực phẩm 432 ha, cây công nghiệp hàng năm 389 ha. Sản lượng lương thực cả năm đạt 53.685 tấn, giảm 6,68% so với năm 2021.

Tiếp tục triển khai 03 chương trình phát triển kinh tế của huyện gồm: Chương trình phát triển kinh tế biển; Chương trình phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; Chương trình phát triển ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025: Trên cơ sở thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tạo được nhiều vùng sản xuất chuyên canh có quy mô lớn mang lại hiệu quả; các lúa giống ANS1, BDR27, DT45, Đài Thơm...được nhân rộng và hình thành vùng sản xuất lúa tập trung, góp phần nâng cao năng suất; hợp tác với Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp từng bước đầu tư, bao tiêu sản phẩm lúa giống trên địa bàn huyện. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa để phát triển cây ngô cao sản, ngô lai, cây đậu phụng... làm tăng giá trị bình quân trên đơn vị diện tích canh tác đạt 50 triệu đồng/ha và chuyển đổi những diện tích đất trồng cây hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế cao, từng bước hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao như cây Xoài, cây Dừa Xiêm,... và các loại cây trồng khác. Đặc biệt đã hình thành vùng trồng tỏi tập trung trên địa bàn huyện; riêng Hợp tác xã sản xuất tỏi Vạn Hưng đã được chứng nhận sản xuất theo quy trình VietGAP.

- Giá trị sản xuất thủy sản đạt 1.462.422 triệu đồng, tăng 33,86% so với năm 2021. Sản lượng thủy sản thực hiện 14.552 tấn, tăng 18,99% so với năm 2021; trong đó: Sản lượng khai thác 7.418 tấn, giảm 17,39% so với năm 2021, sản lượng nuôi trồng 7.134 tấn, tăng 119,51% so với năm 2021.

Diện tích ao địa nuôi trồng thủy sản: 828 ha/750 ha, trong đó: Diện tích thả nuôi tôm chân trắng: 369 ha, thủy sản khác: 459 ha. Số lượng lồng bè nuôi trồng thủy sản: 39.282 lồng và khoảng 1.232 bè, ngoài ra khu vực ven biển còn có 271 bè nuôi hào. Số lượng tàu thuyền trên địa bàn huyện hiện có 965 tàu (trong đó, 869 tàu thuyền đánh bắt thủy sản và hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản, 96 tàu thuyền hoạt động nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khác). Sản lượng khai thác, nuôi trồng đạt 14.552 tấn/năm, trong đó: trong đó sản lượng khai thác 7.418 tấn, sản lượng nuôi trồng 7.134 tấn/năm (trong đó tôm 2.103 tấn, cá 7.485 tấn và thủy sản khác 4.964 tấn).

- Đến năm 2022 tổng đàn gia súc, trên địa bàn huyện khoảng 23.935 con, gia cầm có 375.000 con, trong đó: có 1.975 con trâu, 12.530 con bò và 9.430 con lợn và hơn 375 ngàn con gia cầm. Chỉ đạo các địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, đặc biệt là ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, tiến hành phun thuốc tiêu độc, khử trùng vệ sinh chuồng trại và tiêm phòng theo quy định. Đến nay, trên địa bàn huyện đã phát hiện Dịch tả lợn Châu Phi tại 03 hộ, thôn Xuân Tây, xã Vạn Hưng, đã tiêu hủy 56 con lợn với trọng lượng 2.825 kg. Hiện nay, toàn huyện có 1.975 con trâu, 12.550 con bò, 9.430 con lợn và hơn 380 ngàn con gia cầm.

- Triển khai kế hoạch bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn. UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, các xã có rừng khẩn trương triển khai các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng theo chỉ đạo tại Công điện của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng. Đội Kiểm tra liên ngành huyện Vạn Ninh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, truy quét các khu vực có nguy cơ phá rừng trên địa bàn huyện Vạn Ninh. Trong năm 2022 lực lượng Kiểm lâm huyện kiểm tra và xử lý 01/12 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, tịch thu 1,569 m³ gỗ các loại. Tỷ lệ che phủ rừng thực hiện 50,2%, giá trị sản xuất lâm nghiệp thực hiện 1.646 triệu đồng.

b. Khu vực kinh tế Công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng: đến năm 2022 giá trị công nghiệp - xây dựng đạt 1.412.620 triệu đồng, tăng 16,69% so với năm 2021; trong đó giá trị sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp đạt 539.620 triệu đồng, tăng 16,98% so với năm 2021.

Tốc độ phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tiếp tục tăng cả về quy mô sản xuất và số lượng. Các ngành khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng áp dụng nhiều tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, chế biến đa dạng hóa sản phẩm, đồng thời tiết kiệm được nguyên, vật liệu và nâng cao năng suất chất lượng. Ngành chế biến nông - lâm - thủy sản đã tạo ra những sản phẩm có giá trị cao tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu như sản phẩm hạt điều Sao Việt, chả cá, nước mắm, nước uống đóng chai... Một số làng nghề truyền thống của địa phương được Nhà nước hỗ trợ đầu tư 5.000 triệu đồng để khôi phục và phát triển như: làng nghề Gốm xã Vạn Bình, làng nghề xoi trầm hương xã Vạn Thắng; một số cơ sở sản xuất đã mua

sắm thiết bị hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào chiết xuất tinh dầu trầm hương, làm gốm truyền thống và sản xuất ngói xi măng... và có 2 HTX hoạt động lĩnh vực Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tạo thêm việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

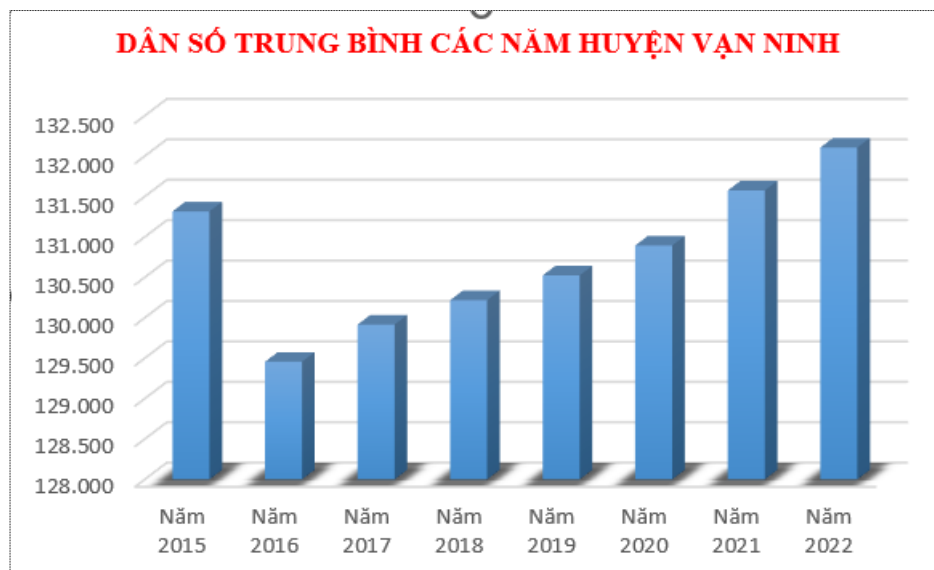
Dịch vụ - du lịch: những năm qua đã quan tâm đầu tư phát triển ngành dịch vụ - du lịch, mở rộng khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương về du lịch biển đảo, đưa giá trị ngành dịch vụ - du lịch năm sau cao hơn năm trước. Trong đó, có trên nhiều doanh nghiệp đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, ngoài ra còn rất nhiều cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú và ăn uống đang hình thành, tuy nhiên mới chỉ đáp ứng 1 phần nhỏ nhu cầu so với tiềm năng và lợi thế.

Những năm qua người dân chú trọng phát triển tàu có công suất lớn để nâng cao năng lực đánh bắt hải sản và góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Hoạt động vận tải thủy nội địa ổn định, đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại, vận tải hàng hóa của người dân và phục vụ khách du lịch đến tham quan trên Vịnh Vân Phong.

2.2.3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

a. Dân số:

- Dân số năm 2022 là 132.106 người, mật độ trung bình 235 người/km². Dân cư của huyện phân bố không đồng đều giữa các đơn vị hành chính xã; Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở thị trấn Vạn Giã và các xã ven biển và ven các trục đường giao thông. Tỷ suất sinh hàng năm giảm 0,3%, đến năm 2022 tốc độ



phát triển dân số tự nhiên là 0,92%. Dân số thành thị có 19.974 người (chiếm 15,12% tổng dân số) và có mật độ dân số cao nhất 7.363 người/km², mật độ dân số thấp nhất là xã Vạn Thạnh với 51 người/km². Cơ cấu dân số phân theo giới tính nữ có 65.802 người (chiếm 49,81 % tổng dân số).

b. Lao động, việc làm và thu nhập:

Công tác giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững trong những năm qua đã được các cấp ủy đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị

từ huyện đến cơ sở đã thực hiện tốt. Công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho lao động nông thôn được thường xuyên quan tâm, bình quân hằng năm, số người lao động có việc làm tăng thêm là 1.818 người, đạt 121,2%. Đào tạo nghề cho 2.752 lao động nông thôn với kinh phí hơn 1.900 triệu đồng, sau đào tạo số lao động có việc làm đạt trên 85%. Công tác giảm nghèo và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện, qua đó đã góp phần thúc đẩy phát triển - kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Lao động trong độ tuổi năm 2022 chiếm khoảng 53% dân số trong đó chủ yếu đang làm việc trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản với khoảng 80% tổng số lao động (*Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 65,85%*). Năm 2022, số người lao động có việc làm tăng thêm 1.1401 người, ; tỷ lệ lao động được đào tạo là 83,0%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề là 64,0%.

- Cuối năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn huyện là 13,01%, đến cuối năm 2020 còn 2,1%; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm là 2,18% (*tổng giảm 2016-2020 3.467 hộ*), đến 2020 huyện có 730 hộ nghèo theo đó số hộ nghèo giảm trong năm 2020 là 777 hộ. Đến năm 2022 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện 582 hộ với tỷ lệ hộ nghèo là 1,51% và 2.177 hộ cận nghèo, tỷ lệ 5,66%,

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện tăng từ 38,18 triệu đồng năm 2020 lên 45,66 triệu đồng vào năm 2022.

- Số người tham gia bảo hiểm trên toàn huyện năm 2022 có 118.999 người, chiếm 90,08% (trong đó BHXH 5.503 người, BHYT 109.917 người và BH thất nghiệp 3.579 người)

c. Tập quán có liên quan đến sử dụng đất:

Vạn Ninh là huyện đồng bằng ven biển, theo kết quả điều tra dân số và nhà ở thì toàn huyện có 22 dân tộc đang sinh sống, trong đó dân tộc kinh chiếm đa số chiếm đa số (chiếm 99,7 % dân số toàn huyện), tiếp đến là người Hoa, còn lại là các dân tộc khác (*Khmer, Mường, Tày, Nùng, Ê Đê, Chăm, Raglay...*). Với đặc điểm dân số trên địa bàn huyện và thành phần dân tộc như trên (*các hộ đồng bào sống rải rác ở tất cả các xã, không tập trung*), tập quán sản xuất, sử dụng đất trên địa bàn huyện không bị ảnh hưởng từ tập quán riêng của nhưng người hoặc nhóm người là đồng bào dân tộc thiểu số.

Hình thái phân bố dân cư trên địa bàn huyện chủ yếu dựa trên tập quán của đa số người dân từ xa xưa tại nơi này là chủ yếu sống bằng nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trên biển và khu vực ven biển nên dân cư sống tập trung nhiều tại khu vực đồng bằng ven biển và cũng là nguồn thu chính lâu nay của bà con nơi đây, do đó dân cư và làng mạc được hình thành trên cơ sở đó và tập trung ở phía Đông quốc lộ 1. Đất nuôi trồng thủy sản cũng được hình thành và phân bố trải đều dọc theo bờ biển, còn khu vực phía Tây quốc lộ 1 chủ yếu tập trung tập trung các khu vực đất sản xuất nông nghiệp.

Quá trình canh tác trên địa bàn huyện hiện nay đã được nâng cao do hầu hết

dân cư và nguồn lao động đều có trình độ học vấn và được đào tạo để ngày càng nâng cao trình độ trong lao động sản xuất, có điều kiện tiếp thu, áp dụng được kỹ thuật sản xuất hiện đại và canh tác tiên tiến tốt nên năng suất cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản đạt kết quả rất tốt, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn huyện.

2.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Trong những năm qua tốc độ phát triển kinh tế-xã hội đều tăng qua các năm, vốn đầu tư xây dựng đô thị tăng khá. Việc cải tạo, nâng cấp đô thị đã làm thay đổi rất tích cực bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị. Tốc độ cải tạo, phát triển nhà ở khu vực đô thị được đẩy nhanh, chất lượng, điều kiện nơi ở của nhân dân được cải thiện đáng kể. Nhiều khu dân cư và khu đô thị được hình thành và xây dựng mới.

Huyện Vạn Ninh có 2 đô thị gồm Thị trấn Vạn Giã (đô thị loại IV) và xã Đại Lãnh (đô thị loại V). Trong đó: Thị trấn Vạn Giã (đô thị loại IV) hiện là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hoá của huyện Vạn Ninh, nằm khu vực trung tâm huyện (trải dài theo QL1 – Đường Hùng Vương), với diện tích tự nhiên là 269,18 ha, dân số 19.974 người, mật độ dân số 7.363 người/km²; xã Đại Lãnh là đô thị loại V (diện tích 1.973,04 ha), dân số 8.599 người, mật độ dân số 434 người/km². Hiện cơ sở hạ tầng của thị trấn và xã Đại Lãnh đang được đầu tư nâng cấp để đáp ứng được tiêu chuẩn đô thị. Diện tích đất ở khu vực đô thị có 94,60 ha, bình quân đất ở khu vực đô thị đạt 47,36 m²/người.

Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển đô thị Vạn Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định 745/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 gắn với định hướng phát triển theo Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Phối hợp chặt chẽ với BQL Khu Kinh tế Vân Phong để hoàn thành việc lập đồ án Điều chỉnh QHC xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050.

Công tác quy hoạch xây dựng đô thị đã được quan tâm thực hiện và đã hoàn thành quy hoạch 1/500 Khu Tây Bắc - Đông Bắc thị trấn Vạn Giã; quy hoạch 1/500 Khu trung tâm đô thị Đại Lãnh; quy hoạch 1/500 Khu trung tâm 03 xã Vạn Phú, Vạn Thọ và Xuân Sơn. Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị chiếm tỷ lệ 21,61% (chỉ tiêu Nghị quyết 50%). Hiện nay đang triển khai các thủ tục thực hiện việc quy hoạch 1/500 các khu vực còn lại của TT Vạn Giã để công tác quản lý quy hoạch và xây dựng được thực hiện tốt.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có nhiều quy hoạch khác đã được phê duyệt như:

+ Điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn 2050 vừa được Chính phủ phê duyệt.

+ Quy hoạch chung thị trấn Vạn Giã và vùng phụ cận tỷ lệ 1/10.000 và nhiều khu dân cư trên địa bàn thị trấn như: Khu dân cư Lương Hải, KDC Đồng Láng, ...

+ Quy hoạch 1/2.000 khu công nghiệp Vạn Ninh (hiện nay hủy bỏ theo điều chỉnh QHC KKT Vân Phong được duyệt);

+ Quy hoạch 1/2.000 khu đô thị và du lịch Tuần Lễ - Hòn Ngang, Quy hoạch 1/2.000 khu trung tâm tổng hợp Hòn Gốm (hiện đang được lập lại mới theo điều chỉnh QHC XD KKT Vân Phong được duyệt);

+ và nhiều dự án đã được phê duyệt quy hoạch khác,...

b. Thực trạng phát triển nông thôn

Đến nay Vạn Ninh có 12 xã với trên 84,88% dân số sống ở vùng nông thôn. Tổng diện tích đất ở nông thôn năm 2022 có 637,62 ha. Bình quân đạt 56,86 m²/người (Tuy Đại Lãnh được công nhận là đô thị loại V nhưng vẫn là xã).

Toàn huyện 11/12 xã đã hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, (riêng Đại Lãnh được lập quy hoạch chi tiết xây dựng) trong quá trình triển khai đã tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu đảm bảo phù hợp với xu hướng phát triển của địa phương và định hướng phát triển chung của huyện. Đến nay toàn huyện có 10/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 90,9%) riêng xã Vạn Thạnh do nhiều vướng mắc liên quan đến thực hiện quy hoạch KKT Vân Phong nên chưa hoàn thiện được tiêu chí. Thời gian tới các xã đã đạt thì củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí hướng đến hoàn thành nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và huyện đạt huyện nông thôn mới đến năm 2025.

Hầu hết các khu dân cư nông thôn đã được hình thành từ lâu đời nên chủ yếu được phát triển tự phát, tuy nhiên thực hiện theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên các khu dân cư đã được quản lý theo quy hoạch. Hiện nay các khu dân cư nông thôn đều phát triển tập trung, ven các trục giao thông chính, thuận tiện xây dựng cơ sở hạ tầng như: cấp điện, cấp nước sinh hoạt...Tuy nhiên mặt việc phát triển dân cư tập trung và kéo dài theo các tuyến và về cả 2 phía nên ảnh hưởng lớn đến giao thông trên tuyến.

Các cụm dân cư nông thôn nhìn chung bố trí ở các khu vực có địa hình cao ráo, thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất. Các khu cụm dân cư sinh sống tập trung và có cấu trúc khu dân cư làng xóm rõ nét. Trong quá trình thực hiện nông thôn mới, những khu, cụm dân cư làng xã được bổ sung những tiêu chí phát triển nhằm đảm bảo nâng cao đời sống nhân dân. Tuy nhiên vẫn còn những khu vực dân cư sinh sống ven đường sắt, giao thông đi lại tương đối khó khăn. Trong thời gian tới cần nâng cấp các tuyến giao thông đến các điểm dân cư trên.

Hệ thống dân cư nông thôn trên địa bàn huyện gồm các hình thái phát triển chủ

yếu sau:

+ Phát triển thành điểm dân cư tập trung: Chủ yếu là các điểm dân cư phát triển tại trung tâm xã, trung tâm thôn...

+ Phát triển thành các điểm dân cư bám theo các trục giao thông (theo tuyến): Các khu dân cư nông thôn phân bố chủ yếu ven theo các tuyến Quốc lộ 1, tỉnh lộ 651, 651C, 651E và các huyện lộ.

+ Phát triển thành các điểm dân cư phân tán, mỗi điểm từ vài ba đến chục hộ, phân bố chủ yếu trong các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các khu dân cư nông thôn hầu hết còn yếu và thiếu. Hệ thống giao thông liên thôn và các tuyến trong khu dân cư chủ yếu là đường đất cấp phối, hẹp và thường bị ngập lụt vào mùa mưa.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện đã phê duyệt nhiều nhiều khu dân cư nông thôn như: Khu dân cư Tân Đức Đông, khu dân cư Ruộng Đùi, khu dân cư Ruộng Cạn, khu dân cư Ruộng Cạn, khu tái định cư Vạn Thắng, khu TĐC Vĩnh Yên, KDC Hội Khánh, KDC Diêm Điền, KDC Tân Phước Bắc, khu Tái định cư Vong Trắc Tre – Vạn Phú, khu TĐC đường 2-9 – Vạn Phước, khu TĐC Ninh Mã – Vạn Thọ,...

c. Triển khai thực hiện chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới

Xác định xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của cả nhiệm kỳ, UBND huyện đã chỉ đạo tập trung triển khai các bước lập đề án đến năm 2025 huyện Vạn Ninh đạt chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục huy động các nguồn lực cũng cố nâng cao và hoàn thiện các tiêu chí, cơ sở hạ tầng ở các xã đã được quan tâm đầu tư tương đối đồng bộ, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống của Nhân dân; công tác hỗ trợ phát triển sản xuất trong nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người dân được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Tuy gặp nhiều khó khăn trong công tác xây dựng nông thôn mới nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt cơ quan ban ngành cấp tỉnh, huyện; sự tham gia của các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, cùng sự phối kết hợp chặt chẽ của các ban, ngành, đoàn thể, sự nỗ lực cố gắng của toàn thể Nhân dân trên địa bàn huyện Vạn Ninh đến cuối 6 năm 2023, tiến độ thực hiện huyện NTM của Vạn Ninh đã đạt những kết quả nhất định. Đến nay, toàn huyện có 10/11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 9/11 xã đã được công nhận là xã đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí 2011-2015 và 2016 – 2020; 01 xã đạt chuẩn đạt chuẩn nông thôn mới theo bộ tiêu chí 2021-2025.

Kết quả rà soát hiện trạng các xã theo bộ tiêu chí nông thôn mới 2021-2025 đối với các xã đã được công nhận cụ thể: xã Vạn Phú đạt 17/19 tiêu chí; Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Phước, Vạn Thắng, Vạn Khánh đạt 13/19 tiêu chí; Xuân Sơn 8/19; Vạn Bình 12/19 tiêu chí; Vạn Thọ 12/19 tiêu chí; Vạn Thạnh 9/19 tiêu chí.

Đối với tiêu chí nông thôn mới nâng cao: Vạn Phú 15/19 tiêu chí, Vạn Thắng 10/19 tiêu chí, Vạn Hưng và Vạn Bình đạt 7/19 tiêu chí.

Tiếp tục với phương châm xây dựng NTM có điểm khởi đầu không có điểm kết thúc, phát huy nhưng kết quả đã đạt được, cùng với sự quan tâm giúp đỡ, chỉ đạo giúp đỡ của các cơ quan cấp trên, UBND huyện đã quan tâm chỉ đạo tiếp tục thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn để huyện sớm về đích huyện nông thôn mới vào năm 2025.

2.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a. Giao thông

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện phát triển khá toàn diện, tương đối thuận tiện và đa dạng, bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy:

*** Giao thông đường bộ:**

+ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Nha Trang – Vân Phong hiện đang triển khai thi công, chiều dài đi qua địa bàn huyện Vạn Ninh khoảng 32,8 km.

+ Quốc lộ 1: Chạy dọc theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, đi qua trung tâm huyện Vạn Ninh. Đây là tuyến giao thông huyết mạch của huyện, đoạn chạy qua huyện có chiều dài khoảng 40,50km, lộ giới rộng 56m, mặt đường rộng 26m, lề đường mỗi bên 2-3m, chất lượng đường tương đối tốt. Năm 2015 dự án mở rộng QL1 theo hình thức hợp đồng BOT và trái phiếu Chính phủ đã đưa vào sử dụng.

+ Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện có một số tuyến đường tỉnh gồm: Đường Đầm Môn (ĐT 651) dài 14,50 km, hiện đang được nâng cấp mở rộng (*Tuyến có vai trò quan trọng trong việc kết nối khu vực Bắc Vân Phong với hệ thống đường quốc lộ (QL1), đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc và sân bay Tuy Hòa*); Đường Nguyễn Huệ (ĐT 651C) dài 18,87km, có vai trò là đường ven biển kết nối các khu chức năng, nền đường hiện trạng rộng từ 6,5 (lộ giới QH từ 26-40m) đang xin chủ trương đầu tư mở rộng và làm mới 1 đoạn từ xã Vạn Phước đến xã Vạn Thọ đến tiếp giáp ĐT 651; Đường Xuân Sơn (ĐT 651E) dài 8,0 km, kết nối từ QL1 đi xã Xuân Sơn, hiện trạng rộng từ 6,5m, cũng dự kiến đầu tư nâng cấp mở rộng trong thời gian đến.

+ Đường đô thị: Hiện nay trên địa bàn huyện có 42 tuyến đường đô thị với tổng chiều dài 26,21 km, trong đó: đường bê tông xi măng có 5,58 km, đường bê tông nhựa 8,44 km, đường láng nhựa 4,8 km, đường đất 7,39km.

+ Đường xã: Tổng số tuyến 247 tuyến, chiều dài 263,78 km, trong đó đường bê tông xi măng 141,99 km, láng nhựa 4,87km còn lại chủ yếu là đường đất và đường cấp phối. Những năm vừa qua thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên nhiều tuyến đường đã được cứng hóa, tuy nhiên vẫn còn một số tuyến đi lại còn gặp khó khăn, nhất là về mùa mưa.

+ Đường chuyên dùng: Có tổng số 14 tuyến, tổng chiều dài 21,6 km, rộng trung bình 2-4m, chủ yếu là đường đất, đi lại gặp nhiều khó khăn.

+ Bến xe đối ngoại: Huyện Vạn Ninh hiện đầu tư xây dựng bến xe đối ngoại tại xã Vạn Bình đã đưa vào sử dụng.

*** Giao thông đường sắt:**

+ Tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua huyện Vạn Ninh với chiều dài khoảng 40km, khổ đường sắt 1m. Trên địa bàn huyện có 3 ga đường sắt là ga Đại Lãnh, Tu Bông và Giã, các ga này chủ yếu phục vụ vận chuyển khách địa phương, hàng hoá và tránh tàu.

*** Giao thông đường biển:**

Hệ thống giao thông đường thủy cũng đã được phát triển, nối đất liền với các hải đảo. Các tuyến chính gồm có:

- Thị trấn Vạn Giã đi Đầm Môn, Khải Lương, Ninh Đảo, Ninh Tân, Diệp Sơn, Bãi Lách, Bến Cty TNHH Ngọc Trai Sài Gòn.
- Cửa Hải Triều đi Hòn Bịp và Vĩnh Yên.
- Cửa Hải Triều đi Tuần Lễ.

Biểu 1. Hiện trạng cảng bến thủy nội địa trên địa bàn huyện Vạn Ninh

T T	Tên cảng, bến	Vị trí	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Kết cấu
I. BẾN HÀNH KHÁCH					
1	Bến Đảo Hòn Ông	Xã Vạn Thạnh	23	1,25	BTCT
II. BẾN TỔNG HỢP					
2	Bến Vạn Giã	TT Vạn Giã	40	15	BTCT
3	Bến CT TNHH Ngọc Trai	Xã Vạn Thạnh	8,95	2,1	BTCT
4	Bến Bãi Lách - Ngọc Trai	Xã Vạn Thạnh	24	2,57	BTCT
5	Bến Ninh Tân	Xã Vạn Thạnh	33	3,5	BTCT
6	Bến Diệp Sơn	Xã Vạn Thạnh	30	2,4	BTCT
7	Bến Đầm Môn	Xã Vạn Thạnh	15,8	3	BTCT
8	Bến Khải Lương	Xã Vạn Thạnh			BTCT
9	Bến Ninh Đảo	Xã Vạn Thạnh			BTCT

Nguồn: Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa

Mạng lưới giao thông hiện tại trên địa bàn huyện Vạn Ninh cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại, phục vụ sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn huyện cũng như việc kết nối giao lưu trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế đối các vùng phụ cận. Hiện nay, bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong đã khởi công và sẽ triển khai xây dựng trong thời gian tới. Đây là một điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của huyện.

b. Thủy lợi

*** Công trình thủy lợi:** Đến nay toàn huyện có 14 công trình hồ đập thủy lợi trong đó có 6 hồ chứa (*Hoa Sơn, Đá Đen, Suối Luông, Bà Bắc, Cây Bứa, Suối Lớn*) và 8 đập dâng với tổng diện tích tưới thiết kế là 4.042 ha, thực tế tưới được 2.638 ha lúa 2 vụ. Huyện Vạn Ninh không có công trình trạm bơm.

Một số công trình quan trọng trong vùng:

- Hồ Đá Đen nằm trên địa phận xã Xuân Sơn được xây dựng năm 1982 đưa vào sử dụng 1984 có diện tích lưu vực 11,5 km² với diện tích tưới thực tế là 461 ha trong

đó có 250 ha lúa và 150 ha màu của xã Xuân Sơn và một phần xã Vạn Lương, hiện tại mới phát huy tưới được 120 ha lúa. Nguyên nhân do hệ thống kênh mương xuống cấp, chưa phát huy được hiệu quả.

- Hồ chứa nước Hoa Sơn trên sông Cạn tại xã Vạn Long, Vạn Phước đã được khởi công ngày 7/3/2006 đưa vào sử dụng năm 2009 tại vị trí có diện tích lưu vực 44 km² có dung tích 19,18 triệu m³. Hồ Hoa Sơn có nhiệm vụ tưới cho 1.360 ha đất canh tác trong đó có 600 ha đất lúa 2 vụ và 760 ha màu (thực tế tưới cho 465 ha), ngoài ra còn có nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

Biểu 2. Hiện trạng một số công trình hồ thủy lợi chính của huyện Vạn Ninh

STT	Tên công trình	Năm khai thác	Vị trí	Fiv (km ²)	Dung tích		Diện tích tưới (ha)	
					Wc	Wtb	Thiết kế	Thực tế
	Toàn huyện						2.590	1.179
1	Hồ Đá Đen	1984	Xuân Sơn	11,5	0,17	3,43	940	461
2	Hồ Suối Luồng	1988	Vạn Thắng	6,2	0,11	0,58	160	90
3	Hồ Suối Lớn	1982	Vạn Thọ	2,7	0,04	0,2	70	73
4	Hồ Cây Bứa	1988	Vạn Khánh	3,0	0,1	0,8	30	60
5	Hồ Hoa Sơn	2009	Vạn Long	44	1,54	19,18	1360	465
6	Hồ Bà Bác	1984	Vạn Phước	1,6	0,10	0,4	30	30

Nguồn: Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa

- Hồ Suối Luồng (xã Vạn Thắng): đưa vào sử dụng năm 1988, có diện tích lưu vực 6,2 km² có dung tích 0,6 triệu m³. Hồ Suối Luồng có nhiệm vụ tưới cho 80 ha đất canh tác.

- Hồ Suối Lớn (xã Vạn Thọ): đưa vào sử dụng năm 1982, có diện tích lưu vực 2,7 km² có dung tích 0,9 triệu m³. Hồ Suối Lớn có nhiệm vụ tưới cho 100 ha đất canh tác.

Biểu 3. Hiện trạng một số công trình thủy lợi (đập dâng) của huyện Vạn Ninh

STT	Tên công trình	Năm xây dựng	Vị trí xây dựng	DT tưới thiết kế (ha)	Diện tích tưới thực tế (ha)
	Toàn huyện			2.406	1.797
1	Đập Hải Triều	1970	Vạn Long	95	Hệ thống hồ Hoa Sơn (92ha)
2	Đập Đá Trắng	1989	Vạn Hưng	300	Hệ thống hồ Đá Bàn (211,7)
3	Đập Phú Hội	1973	Vạn Thắng	100	149
4	Đập Vĩnh Huệ	2000	Vạn Phú	580	507
5	Đập Đồng Dưới	1984	Vạn Phú	950	762
6	Đập Suối Rễ	2003	Vạn Lương	381	379

Nguồn: Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa

- Ngoài ra còn có đập Đồng Dưới được xây dựng tại xã Vạn Phú có diện tích tưới thiết kế là 950 ha, hiện tại mới tưới được 762 ha chủ yếu là lúa 2 vụ; đập Vĩnh

Huê được xây dựng tại xã Vạn Phú có diện tích tưới thiết kế là 580 ha, nhìn chung công trình đã phát huy hiệu quả tưới tốt, hiện tại đã tưới được 507 ha chủ yếu tưới cho diện tích lúa 2 vụ.

- Đập Suối Rễ thuộc xã Vạn Phú đã được nâng cấp tu sửa đảm bảo tưới được 250 ha.

- Đập Đá Trắng (đập thôn Xuân Tây) tại xã Vạn Hưng với diện tích thiết kế là 300 ha (thuộc hạ lưu của hồ Đá Bàn – xã Ninh Sơn – thị xã Ninh Hòa).

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện nay đã xây dựng được 05 đập ngăn mặn. Trong đó: Đập Hải Triều xây dựng năm 1970 trên lưu vực sông Cạn hạ lưu hồ chứa nước Hoa Sơn thuộc địa bàn huyện Vạn Ninh với chiều dài 50m, kết cấu bê tông cốt thép. Nhiệm vụ công trình ngăn mặn, giữ ngọt, nằm trong hệ thống thủy lợi hồ Hoa Sơn; hệ thống đảm bảo tưới 747 ha lúa. Hiện nay, công trình đang bị xuống cấp nghiêm trọng.

* **Hiện trạng cấp nước:** Khu vực huyện Vạn Ninh hiện đang sử dụng 04 công trình cấp nước gồm: Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Xuân Sơn do UBND xã Xuân Sơn quản lý, phục vụ cấp nước cho 86,8% người dân xã Xuân Sơn; Hệ thống cấp nước sinh hoạt Suối Diên do Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Vạn Ninh khai thác, phục vụ cấp nước cho 69,4% người dân xã Vạn Hưng; Nhà máy nước Vạn Ninh (công suất 12.000m³/ngđ) do Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Vạn Ninh quản lý, phục vụ cấp nước cho khoảng 72,3% người dân các xã: Vạn Thắng, Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Thắng và Vạn Lương; Nhà máy nước Tu Bông (công suất 12.000m³/ngđ) do Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Vạn Ninh quản lý, đang phục vụ cấp nước sinh hoạt cho khoảng 42,3% người dân các xã: Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước. Tổng công suất cấp nước của 04 công trình là 15.400 m³/ngđ, cấp cho 10/13 xã thị trấn với tổng số hộ được cấp là 20.222/37.230 số hộ, chiếm 54,3% tổng số hộ dân (3 xã Vạn Thọ, Vạn Thạnh, Đại Lãnh chưa có hệ thống cấp nước sạch).

Công ty CP công trình đô thị Vạn Ninh đã có chủ trương đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đảm bảo cấp nước an toàn và đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của dân cư các xã khó khăn nguồn nước như Tân Dân 1 và 2 (Vạn Thắng), Tân Phước Bắc, Tân Phước Đông (Vạn Phước) và các khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, Vạn Thắng.

Ngoài ra, hiện nay Công ty TNHH MTV LICOGI 9.1 đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho khu vực xã Đại Lãnh và các khu vực lân cận.

Toàn huyện hiện có 53,9% hộ dân sử dụng nước từ giếng khoan, giếng đào do hộ gia đình tự thực hiện; chất lượng nguồn nước chưa được kiểm định; một số khu vực có nguồn nước không ổn định, thường xuyên bị ảnh hưởng khi nắng hạn kéo dài sẽ gây hạ thấp mực nước ngầm, các giếng nước bị xâm nhập mặn có khả năng gây thiếu nước sinh hoạt.

- Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh: 97,8%; Tỷ lệ sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn: 54,4%.

c. Năng lượng

Hệ thống điện Vạn Ninh đã tương đối hoàn thiện từ lưới điện truyền tải, lưới điện và trạm điện phân phối đã đưa điện về khắp các vùng nông thôn trên địa bàn huyện chỉ có riêng 3 thôn đảo của xã Vạn Thạnh chưa có.

*** Nhà máy điện:**

Khu vực Vạn Hưng có nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh công suất 100MW, đã được xây dựng và đấu nối với hệ thống lưới điện Quốc gia thông qua cáp điện áp 110kV.

*** Nguồn điện:** Nguồn điện cấp cho khu vực được lấy từ lưới điện Quốc gia khu vực Nam Trung Bộ bao gồm 02 nguồn chính sau:

- Trạm 220kV Khánh Hòa: 220/110/22kV công suất 2x125MVA. Đây là trạm nguồn chính cấp điện cho tỉnh Khánh Hòa nằm cách khu vực khoảng 60km.

- Trạm 220KV Ninh Hòa (Vạn Ninh) đang được xây dựng tại địa bàn xã Vạn Khánh do BQL dự án truyền tải điện (Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia) chủ trì xây dựng.

- Từ tuyến 110kV Tuy Hòa - Nha Trang cấp điện từ nhà máy thủy điện Sông Hinh công suất 70MW.

*** Lưới điện 220kV:** Tuyến 220kV từ Tuy Hòa - Nha Trang, tiết diện ACSR-400 hướng tuyến Bắc - Nam. Cấp điện trực tiếp cho trạm 220kV Khánh Hòa.

*** Lưới điện 110kV:** Trạm 110kV Vạn Giã 110/22kV công suất 1x40MW.

- Trạm 110 kv Vạn Ninh 2 và đấu nối tại xã Vạn Hưng do Ban QLDA điện nông thôn miền Trung đang chủ trì xây dựng.

- Tuyến 110kV Phú Yên - Nha Trang, tiết diện dây dẫn AC-240, đi chung cột với tuyến 220kV Tuy Hòa - Nha Trang.

*** Lưới điện trung thế:** Lưới điện trung thế khu vực sử dụng cấp điện áp chuẩn 22kV trực tiếp từ các trạm 110kV, cụ thể: Trạm 110kV Vạn Giã 110/22kV công suất 1x40MW thông qua 4 xuất tuyến 22kV, gồm:

+ Lộ 471: Cấp điện cho phụ tải tại huyện Vạn Ninh bao gồm các xã Vạn Bình, Vạn Phú và một phần xã Vạn Thắng, Vạn Lương. Lộ 471 có liên hệ mạch vòng với lộ 472 trạm 110kV Vạn Giã.

+ Lộ 472: Cấp điện cho phụ tải tại huyện Vạn Ninh bao gồm thị trấn Vạn Giã và xã Vạn Thắng, cụm công nghiệp Vạn Giã, trung tâm thương mại Vạn Giã. Lộ 472 có liên hệ mạch vòng với lộ 471 trạm 110kV Vạn Giã.

+ Lộ 473: Cấp điện cho phụ tải tại huyện Vạn Ninh bao gồm các xã Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước, Vạn Thỏ và xã Đại Lanh. Lộ 473 có liên hệ mạch vòng với lộ 471 trạm 110kV Vạn Phong.

+ Lộ 476: Cấp điện cho phụ tải tại huyện Vạn Ninh bao gồm các xã Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước, Vạn Thỏ và xã Đại Lanh. Lộ 476 có liên hệ mạch

vòng với lộ 471 trạm 110kV Vân Phong.

Nhìn chung hệ thống lưới điện trên địa bàn các xã thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt và sản xuất. Hầu hết các xã trên địa bàn huyện đã có điện lưới sử dụng chỉ riêng 1 số thôn đảo tại xã Vạn Thạnh do khoảng cách và số lượng dân cư nên không thể bố trí lưới điện mà được sử dụng bằng điện năng mặt trời, máy điện chạy bằng dầu Diesel phục vụ từ 6h tối – 9h tối.

d. Bưu chính viễn thông

Lĩnh vực bưu chính - viễn thông phát triển cả về số lượng và chất lượng, số lượng người sử dụng internet ngày càng tăng. Mạng lưới bưu chính- viễn thông trên địa bàn huyện đã được đầu tư hiện đại hoá, thông tin liên lạc thông suốt, đảm bảo yêu cầu. Hệ thống mạng cáp viễn thông chủ yếu dùng cột thông tin hoặc chạy theo cột hạ thế của điện lực, đã đáp ứng kịp thời nhu cầu lắp đặt thuê bao cho người dân trên địa bàn huyện. Tuy nhiên, hệ thống chủ yếu là cáp treo, đi nổi, ảnh hưởng lớn đến mỹ quan đô thị và khu dân cư. Với sự phát triển mạnh của dịch vụ thông tin di động trong những năm vừa qua, dịch vụ viễn thông cố định đã phát triển chững lại.

Hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực Khu kinh tế Vân Phong phát triển và cung cấp nhiều dịch vụ: Điện thoại cố định, di động băng rộng, Internet, truyền hình,... Trong đó, hạ tầng mạng cáp quang chủ yếu của 02 doanh nghiệp: Viễn thông Khánh Hòa và Viettel Khánh Hòa cung cấp các dịch vụ băng rộng cố định. Các nhà mạng cung cấp dịch vụ di động bao gồm: Vinaphone, Viettel, MobiFone và Vietnamobile.

Số lượng thuê bao cố định hiện nay ngày càng giảm tại các hộ gia đình (chủ yếu duy trì tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh là chính). Hạ tầng thông tin di động băng rộng (mạng 4G) phủ sóng 100% các xã đảm bảo phục vụ kịp thời nhu cầu thông tin của người dân và xã hội. Các trạm phát sóng thông tin di động được theo dõi, kiểm tra giám sát từ xa, các thông tin về sự cố như ngắt kết nối, mất điện, hư hỏng,... sẽ báo về trạm gốc BSC qua hệ thống báo tự động. Nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp gần nhất sẽ trực tiếp tới ứng cứu, khôi phục thông tin liên lạc.

Hầu hết các trạm BTS có nhiệm vụ phủ sóng chính đều được bố trí máy phát điện tự động. Các trạm BTS indoor đều được bố trí, trang bị thiết bị phòng, chống cháy nổ.

Trên địa bàn huyện có 1 bưu điện trung tâm ở Vạn Giã, 1 bưu cục ở Tu Bông và bưu điện văn hóa ở các xã, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu thông tin, liên lạc và vận chuyển hàng hoá bưu phẩm của nhân dân trong vùng (*tuy nhiên hệ thống điểm bưu điện văn hóa xã hoạt động không hiệu quả. Các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông thiếu sự phối hợp với nhau “mạnh ai nấy làm” dẫn đến số lượng cáp treo, cáp tạm còn rất lớn*).

e. Cơ sở văn hóa

Hiện nay các công trình văn hóa của huyện đã xây dựng có các công trình như: Công viên 1-4, hoa viên tổ dân phố 8, thư viện huyện,... công trình văn hoá của xã như:

khu văn hoá xã Vạn Hưng, TT khu văn hóa xã Vạn Thắng,..., các nhà sinh hoạt cộng đồng của các thôn;

f. Cơ sở y tế

Mạng lưới y tế đã được xây dựng từ huyện xuống xã bảo đảm chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Toàn huyện có tổng số 15 cơ sở y tế, gồm: 1 bệnh viện tại trung tâm huyện với 150 giường (với diện tích 2,83 ha) tại xã Vạn Lương, 1 Phòng khám Đa khoa khu vực Tu Bông (tại xã Vạn Phước) với 20 giường (có diện tích 2,11 ha), 13 trạm y tế xã, thị trấn và 01 đội y tế dự phòng (tổng số giường trên địa bàn huyện là 190 giường tương ứng có 0,07 giường/vạn dân). Tổng số cán bộ y tế đến hết năm 2022 có 289 người, trong đó ngành y có 261 người (gồm 36 bác sĩ và chuyên ngành, 58 y sĩ, 167 y tá, nữ hộ sinh và cán bộ khác), ngành dược có 28 người (gồm 2 dược sĩ đại học và 26 dược sĩ trung học). Tỷ lệ bác sĩ của huyện đạt 2,7 bác sĩ/vạn dân.

Tổng diện tích đất cơ sở y tế trên địa bàn huyện có diện tích 6,8 ha, chỉ tiêu đạt 0,51 m²/người.

g. Cơ sở giáo dục - đào tạo

Năm học 2022-2023 toàn huyện có 58 trường học các cấp, trong đó mầm non có 20 trường (14 công lập, 6 ngoài công lập), 5.949 cháu và 373 giáo viên; tiểu học có 26 trường công lập với 19.400 học sinh và 601 giáo viên; trung học cơ sở có 12 trường công lập với 8.328 học sinh và 463 giáo viên;

Trung học phổ thông trên địa bàn huyện có 4 trường (Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng tại TT Vạn Giã, Trường THPT Tô Văn Ôn tại xã Vạn Khánh; Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai tại xã Vạn Bình và Trường THPT Lê Hồng Phong tại xã Vạn Hưng.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có Trường trung cấp nghề Vạn Ninh tại xã Vạn Lương.

Hiện trạng quỹ đất cho giáo dục, hạ tầng phục vụ cho ngành giáo dục cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học, mật độ phân bố các điểm trường hiện nay tương đối hợp lý. Cơ sở vật chất của ngành giáo dục được tăng cường, hệ thống trường lớp được xây dựng mới, kiên cố hóa, đến nay không còn phòng tạm, không có lớp học ca ba.

Tuy nhiên, để phục vụ cho định hướng phát triển kinh tế xã hội trong tương lai cần tập trung đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục hiện tại. Tiếp tục kêu gọi đầu tư các cơ sở giáo dục mới chất lượng cao trong các khu vực đô thị mới để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao trong giai đoạn mới.

Tổng diện tích đất cơ sở giáo dục đào tạo trên địa bàn huyện có diện tích 57,62 ha, chỉ tiêu đạt 4,36 m²/người.

h. Cơ sở thể dục - thể thao

Đến nay, hầu hết các xã đã có sân thể thao phục vụ cho việc luyện tập thể dục thể thao, cũng như việc tổ chức các cuộc thi liên quan đến văn hóa thể thao tại địa bàn các xã. Tuy nhiên, một số sân thể thao các xã, các thôn chưa đạt chuẩn của ngành, phần lớn là dạng sân tạm, chưa được quy hoạch chính thức. Nhu cầu sân bãi tập luyện tập và thi đấu thể dục thể thao ngày càng gây áp lực đối với nhu cầu sử dụng đất đai của huyện. Phong trào thể dục thể thao quần chúng chưa có chiều sâu, chưa được duy trì thường xuyên và đều khắp, do điều kiện cơ sở vật chất còn nghèo nàn, các thiết chế văn hóa cấp xã chưa được đầu tư đúng mức.

Các công trình thể thao phục vụ trên địa bàn huyện chủ yếu gồm có: Sân vận động huyện Vạn Ninh (TT Vạn Giã) diện tích 1,5 ha. Khu hồ bơi và vui chơi (thuộc khu Công viên Quảng trường Vạn Ninh) diện tích 2,0 ha. Ngoài ra, tại các xã và các thôn hiện nay đã được đầu tư các công trình thể thao, ngoài ra do làm tốt công tác xã hội hóa nên nhiều tổ chức cá nhân đã đầu tư xây dựng các công trình thể thao phục vụ cho rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất và tinh thần cho người dân.

Tổng diện tích đất cơ sở thể dục thể thao trên địa bàn huyện có diện tích 17,02 ha, chỉ tiêu đạt 1,29 m²/người.

i. Chợ, trung tâm thương mại

Hiện nay trên địa bàn huyện có 13 chợ (01 chợ thành thị), trong đó, có 1 chợ cấp II (Chợ Vạn Ninh) và 12 chợ cấp 3. Tổng diện tích đất chợ và công trình thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện có diện tích 394,71 ha (trong đó diện tích đất chợ 6,35 ha, đạt 0,48 m²/người).

Hiện tại trên địa bàn huyện có 1 trung tâm thương mại Quyết Thắng tại thị trấn Vạn Giã được chuyển đổi từ bến xe cũ của huyện, các hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu, vật liệu khí đốt; hệ thống các cửa hàng ăn uống, tạp hoá, các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, giao thông vận tải, ... tập trung dọc theo các tuyến đường trục chính giao thông,... Phát triển khá năng động đã có vai trò góp phần rất nhiều đối với quá trình kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

k. Hiện trạng quản lý và xử lý chất thải, nước thải

- Chất thải rắn:

+ Lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị trên địa bàn huyện Vạn Ninh có xu thế ngày càng gia tăng, tỷ lệ tăng cao tập trung ở các khu dân cư đang có xu hướng mở rộng ở thị trấn Vạn Giã, Vạn Lương, Đại Lãnh, Vạn Thắng,... Trong đó chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, nhà hàng kinh doanh, các chợ là chủ yếu, lượng còn lại từ các công sở, đường phố, các cơ sở y tế. Rác thải của các hộ dân được tập trung đổ tại các thùng rác đặt tại các tuyến đường sau đó được Công ty CP Môi trường đô thị Vạn Ninh thu gom bằng phương tiện xe cơ giới về bãi chôn lấp tại bãi rác hồ Dốc Ké (Vạn Thắng) của huyện nhưng hiện nay đã quá tải. Ngoài ra, một số khu vực xã được đưa về các bãi rác phân tán theo các xã, hầu hết là bãi rác không đạt tiêu chuẩn. Hiện nay, UBND huyện đang triển khai dự án xây dựng khu thu gom và xử lý chất thải rắn (thuộc 1 phần của bãi rác Bắc Vân Phong) tại thôn Suối Hàng, xã Vạn Thắng.

Khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt: 17.507 tấn/năm; rác thải xây dựng 268 tấn/năm và lượng rác thải từ các chợ khoảng 560 tấn/năm.

Về tỷ lệ quản lý, xử lý chất thải công nghiệp, chất thải y tế: đạt trên 90%. Hiện tại, tất cả các cơ sở y tế trên địa bàn huyện đều được thu gom và xử lý chất thải y tế theo quy định.

- Nước thải sinh hoạt:

Trên địa bàn huyện hiện tại chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, nước thải hầu hết được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại sau đó xả tự phát (xả trực tiếp ra đường hoặc thấm xuống đất). Một số khu vực dân cư trung tâm xã và khu vực đô thị (thị trấn Vạn Giã và Đại Lãnh) các khu tái định cư, dân cư mới đã xây dựng hệ thống cống thoát nước chung nước thải và nước mưa, được xả trực tiếp ra sông suối rồi đổ trực tiếp ra biển gây ô nhiễm môi trường nước hoặc thấm xuống đất gây ô nhiễm môi trường đất điển hình những khu vực có dân cư hiện hữu, khu vực làng xóm rải rác trong địa bàn. Còn lại nước mưa một phần thoát tự nhiên theo các khe rãnh ra các kênh mương, sông suối trong khu vực, một phần tự thấm vào đất, tập trung phần lớn ở khu vực nông thôn.

+ Nước thải y tế: của bệnh viện Huyện đã có bể xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường theo hệ thống mương thoát nước chung đảm bảo yếu tố về môi trường.

+ Các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp phân tán, cơ sở sản xuất, làng nghề trên địa bàn đã có hệ thống xử lý cục bộ trước khi xả thải nhưng hầu hết là chưa đạt tiêu chuẩn.

+ Các khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đa số xử lý nước thải chưa đúng quy trình, hiệu quả thấp, gây ô nhiễm môi trường.

+ Theo số liệu điều tra sơ bộ thì tỷ lệ hộ dân sử dụng xí tự hoại hợp vệ sinh trên địa bàn huyện đạt trên 80%.

Tổng diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2022 toàn huyện có 6,07 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

1. Hiện trạng nghĩa trang, nghĩa địa

Toàn huyện hiện nay có 23 nghĩa trang chính (không tính các điểm nghĩa địa nhỏ xen kẽ trong khu sản xuất nông nghiệp và khu dân cư). Trong đó, có 5 nghĩa trang đang hoạt động nằm trong quy hoạch gồm: nghĩa trang Đầm Môn (Khe Nước - Vạn Thạnh), Hòn Dứa (Vạn Phú); Hòn Am (Vạn Bình); Xuân Ninh (Xuân Sơn); Dốc Ké mở rộng (Vạn Thắng), còn lại 18 nghĩa trang đã đóng cửa. Theo định hướng sẽ hạn chế mở rộng các điểm nghĩa địa nhỏ lẻ, mà tập trung vào 2 nghĩa địa phía Bắc và phía Nam của huyện.

Hiện trạng trong khu vực nghiên cứu tồn tại rất nhiều nghĩa trang nhỏ lẻ tập trung theo thôn, xóm hoặc nằm rải rác và không có quy hoạch, không đảm bảo khoảng cách ly đến các khu vực dân cư hay nguồn nước và gây mất mỹ quan và ô

nhiệm vụ sinh môi trường đất và nước.

Mặt khác còn rất nhiều nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ lẻ, nghĩa trang dòng họ nằm rải rác, mang tính tự phát phân bố rải rác trong các khu sản xuất và khuôn viên hộ gia đình, trong khu dân cư gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan của khu vực. Mặt khác, chất thải, nước thải rò rỉ từ các khu mộ này cũng là một trong những nguồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đất, nước ngầm khu vực. Vấn đề di dời giải tỏa nghĩa địa, nghĩa trang nhân dân là công tác khó khăn, nhạy cảm về tín ngưỡng và tôn giáo cần được quan tâm của các cấp ngành địa phương trong quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị. Do đó, tiếp tục vận động người dân, người nhà có các vị trí mộ trọng khu dân cư di dời về các khu vực tập trung để đảm bảo về mỹ quan và môi trường

Cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động mai táng tại đang ở mức phục vụ những nhu cầu cơ bản của công tác mai táng.

Tổng diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa năm 2022 toàn huyện có 155,0 ha, chiếm 3,34% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

2.2.6. Đánh giá chung về điều kiện kinh tế, xã hội và cơ sở hạ tầng

a. Tiềm năng, lợi thế

- Vân Phong là 1 trong 19 Khu kinh tế ven biển của Việt Nam, có vị trí chiến lược và quan trọng trên bản đồ. Các cơ hội phát triển, thủ tục hành chính và các hoạt động đầu tư kinh doanh dành cho các nhà đầu tư trong nước và quốc tế được đặc biệt quan tâm và thể hiện qua các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ như: Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 55/2022/QH15 của Quốc hội, Nghị quyết 42/NQ-CP của Chính phủ và sự quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân toàn tỉnh, cũng như cam kết của các nhà đầu tư vào khu vực Vân Phong nói chung và Khánh Hòa nói chung.

- Vạn Ninh có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển KTXH của tỉnh Khánh Hòa và cả nước, là trọng điểm kinh tế phía Bắc của tỉnh và là một trong ba khu vực kinh tế trọng điểm của tỉnh. Vạn Ninh có điều kiện lý tưởng về cảnh quan thiên nhiên độc đáo và kỳ thú của vịnh - biển - đảo, có lợi thế thuận lợi để xây dựng cảng nước sâu và là điểm gần hải phận quốc tế nhất cả nước.

- Vạn Ninh có vị trí địa lý - kinh tế và mối liên hệ vùng thuận lợi: nằm trên đầu mối giao thông quan trọng của quốc gia theo hướng Bắc-Nam bao gồm cả đường bộ, đường sắt, cảng biển (*nằm gần đường hàng hải quốc tế, vịnh Vân Phong có những điều kiện thiết yếu để khai thác kinh tế cảng biển, cảng trung chuyển quốc tế*), gần sân bay. Lợi thế này tạo nên mối quan hệ liên hệ vùng thuận lợi với các vùng và địa phương trong cả nước, với các nước trong khu vực và thế giới.

- Có lợi thế nằm trong khu kinh tế Vân Phong, huyện nằm trong quy hoạch xây dựng khu kinh tế có tiềm năng phát triển nhất miền Trung, Vạn Ninh sẽ được hưởng lợi từ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho khu kinh tế Vân Phong.

- Diện tích tự nhiên rộng, mật độ dân số ở mức trung bình, nhu cầu về đất đai cũng như áp lực dân số về đất đai hiện chưa cao, là điều kiện thuận lợi cho việc mở

rộng quỹ đất xây dựng cơ sở hạ tầng, mở rộng các điểm dân cư, xây dựng các công trình phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mà không làm ảnh hưởng quá nhiều đến đời sống của nhân dân. Tài nguyên đất đai, khí hậu thích hợp với nhiều loại cây trồng;

b. Hạn chế, khó khăn

- Tiềm năng phát triển du lịch lớn, nhưng chưa có sự đầu tư đúng mức nên các loại hình, sản phẩm du lịch phát triển chưa đa dạng, thiếu các khu vui chơi giải trí, dịch vụ tổng hợp. Chất lượng dịch vụ du lịch và môi trường du lịch chưa cao, còn ở mức sơ khai do các dự án phát triển dịch vụ du lịch lớn của khu vực khu kinh tế chưa được đầu tư, đầu tư chậm từ đó kéo theo sự phát triển tiềm năng du lịch địa phương chưa phát triển đúng tương xứng với tiềm năng.

- 12/13 xã, thị trấn của huyện đều thuộc Khu kinh tế Vân Phong do đó quá trình định hướng phát triển kinh tế của huyện phụ thuộc nhiều và định hướng phát triển của KKT Vân Phong. Do đó, khi có sự điều chỉnh về định hướng phát triển của KKT Vân Phong sẽ kéo theo sự thay đổi trong định hướng phát triển của huyện. Do đó, huyện không chủ động trong quá trình định hướng phát triển kinh tế.

- Còn thiếu các công trình, dự án có quy mô mang biểu trưng cho thế mạnh của các ngành kinh tế động lực của huyện. Phát triển đô thị còn quá tập trung vào giải quyết nhà ở, các dự án đô thị triển khai chậm, thiếu các không gian mở công cộng, không gian trọng tâm của đô thị. Quy mô dân số đô thị trong những năm gần đây gần tăng chậm.

- Thiếu vốn đầu tư, chậm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình giao thông, hạ tầng phát triển công nghiệp và dịch vụ.

- Nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính của huyện, trong khi nông nghiệp chưa có nhiều sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt là thủy sản chưa xây dựng tốt hậu cần nghề cá để phục vụ đánh bắt xa bờ; vì vậy, sản lượng đánh bắt chưa bền vững, tình hình ô nhiễm môi trường và hủy hoại tài nguyên vẫn diễn ra. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa hiệu quả, triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp chậm, thiếu vốn, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, sức mua của dân cư thấp. Ngành dịch vụ - du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới, tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn chiếm tỷ lệ thấp.

- Dù đã có cơ chế phối hợp giữa huyện với các cơ quan chức năng của Tỉnh, đặc biệt với Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tuy nhiên trong việc trao đổi, nắm bắt thông tin, phối hợp giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội trên địa bàn, tương tác hỗ trợ nhau trong quá trình phát triển vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập.

2.3. Biến đổi khí hậu liên quan đến việc sử dụng đất

Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ làm thay đổi đặc trưng của các yếu tố khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói chung và Vạn Ninh nói riêng. Các kết quả nghiên cứu và cũng như quá trình xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu sẽ có sự biến đổi các yếu tố khí hậu và mực nước tỉnh Khánh Hòa đã cho thấy hầu hết các yếu

tổ xem xét đều có xu hướng thay đổi theo hướng tiêu cực bao gồm: sự gia tăng nhiệt độ, sự biến động của lượng mưa và sự tăng độ cao mực nước biển cũng như tần suất xuất hiện các hiện tượng khí hậu cực đoan. Quá trình đó sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình sử dụng đất. Cụ thể:

2.3.1. Phân tích, đánh giá về nước biển dâng, xâm nhập mặn

Vạn Ninh với đặc điểm địa hình hẹp về chiều ngang lại trải dài dọc bờ biển, biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Khánh Hòa nói chung và Vạn Ninh nói riêng trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực kinh tế, xã hội. Theo kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho các tỉnh vùng ven biển Việt Nam: Theo đó tỉnh Khánh Hòa nếu mực nước biển dâng 100cm thì có khoảng 1,69% diện tích có nguy cơ bị ngập, trong đó khu vực Vạn Ninh 3,51% diện tích tự nhiên tự nhiên bị ngập. BĐKH với các kịch bản lượng mưa, nhiệt độ thay đổi cũng làm gia tăng cường độ tần suất các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lớn, nắng nóng gây ra lũ lụt, ngập úng và hạn hán, thiếu nước.

Các biểu hiện của biến đổi khí hậu như: Nhiệt độ trung bình, tính biến động và dị thường của thời tiết có xu hướng tăng lên; mực nước biển dâng gây ngập úng; các thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan (nắng nóng, giá rét, bão, lũ lụt, hạn hán,...) xảy ra với tần suất cao và có nhiều sự bất thường về cường độ,... làm cho thời tiết ở Vạn Ninh ngày càng khắc nghiệt hơn.

Biến đổi khí hậu làm gia tăng hiện tượng xâm nhập mặn: Tình trạng xâm nhập mặn trong những năm qua cũng đang diễn biến hết sức phức tạp. Nước biển dâng thời gian qua tuy chưa ảnh hưởng nhiều đến diện tích tự nhiên, nhất là thị trấn Vạn Giã và các xã ven biển, nhưng phần nào làm giảm diện tích nuôi trồng thủy sản.

Cũng theo dự báo với kịch bản nước biển dâng, xâm nhập mặn vào sâu trong sông, ảnh hưởng đến Vạn Ninh bị ngập chủ yếu phần đất thấp trũng ven sông. Tuy nhiên, hầu hết các khu vực tiếp giáp với biển chủ yếu là đất nuôi trồng thủy sản nước lợ do đó quá trình tác động trong 10 năm sắp đến là rất nhỏ. Ngoài ra mực nước biển dâng cao theo thời gian sẽ làm thay đổi cốt ngập nước của các công trình hạ tầng hiện tại, một số công thoát nước ở nội thị Vạn Ninh có thể phần nào giảm tác dụng tiêu thoát nước. Đồng thời do tác động của biến đổi khí hậu, các hiện tượng xói lở, xâm thực bờ biển có thể xảy ra trên quy mô rộng, cũng như tần suất và cường độ của các đợt thiên tai (bão, lốc, mưa đá, lũ lụt, hạn hán, giá rét, sương muối,...) có thể tăng cao, sẽ ảnh hưởng lớn đến kiến trúc đô thị và xây dựng.

Do quá trình biến đổi khí hậu thì hiện tượng Sóng nhiệt: Sóng nhiệt sẽ xảy ra phổ biến hơn do biến đổi khí hậu. Nhiệt độ tăng cùng với hiện tượng sóng nhiệt, nhất là vào thời kỳ El Nino sẽ gây ra nhiều thiệt hại đối với môi trường tự nhiên cũng như sức khỏe con người trên địa bàn huyện.

Đối với sản xuất nông nghiệp, biến đổi khí hậu làm cho cơ cấu mùa vụ và hướng sử dụng đất phải thay đổi để phù hợp hơn. Các hiện tượng khí hậu cực đoan, nắng nóng, hạn hán, mưa, lũ,... xảy ra thường xuyên và không theo chu kỳ kéo dài dẫn đến thiếu nước sinh hoạt, sản xuất làm mất mùa, giảm năng suất cây trồng, dịch bệnh

xây ra đối với người và gia súc, gia cầm,...từ đó ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sử dụng đất.

2.3.2. Phân tích, đánh giá về sa mạc hóa, xói mòn, sạt lở đất

Tỉnh Khánh Hoà chưa triển khai các nội dung theo Khoản 1 Điều 32 Luật Đất đai 2013 trong đó có điều tra, đánh giá thoái hóa đất lần đầu của tỉnh nên chưa có số liệu đánh giá chính xác về diện tích bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, trên cơ sở quá trình theo dõi diễn biến hiện trạng sử dụng đất do tác động của con người và tác động của thiên nhiên nhận thấy Vạn Ninh là một trong những huyện có diện tích với 2 loại hình thoái hóa đất là: thoái hóa do xói mòn và thoái hóa do khô hạn (khô hạn nhưng chưa dẫn đến tình trạng hoang mạc hóa), cụ thể:

*** Tình trạng hạn hán**

Theo báo cáo môi trường tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2016-2020 và từ các kết quả nghiên cứu khác cho thấy hạn hán đang trở nên thường xuyên hơn và ngày càng khắc nghiệt hơn, riêng địa bàn Khánh Hoà vào mùa khô, lượng mưa thiếu hụt tới 13-16%, việc này sẽ gây ra tình trạng thiếu nước, hạn hán và xâm nhập mặn, nhất là các huyện miền núi và ven biển trong việc đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, phòng chống cháy và triều cường,... Biến đổi này làm cho cây trồng, vật nuôi phát triển kém, dịch bệnh nhiều hơn, hạn hán cũng xảy ra thường xuyên khiến ngành nông nghiệp và nông dân luôn đối mặt với nhiều rủi ro và thiệt hại lớn, ảnh hưởng lớn đến cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp và quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; huỷ hoại các loài thực vật, các loài động vật, quần cư hoang dã, làm giảm chất lượng không khí, nước, làm cháy rừng, xói lở đất. Các tác động này có thể kéo dài và không khôi phục được.

Trong những năm qua, trên địa bàn huyện vẫn thường xuyên bị ảnh hưởng của quá trình biến đổi khí hậu, trong đó có 2 năm bị ảnh hưởng lớn nhất, cụ thể:

+ Năm 2016: Hiện tượng El-Nino tiếp tục diễn ra, gây nhiều thiệt hại trong sản xuất nông nghiệp và dân sinh; vụ Đông Xuân 2015-2016 do ảnh hưởng của gió lốc khô và hạn hán gây thiệt hại khoảng 100 ha lúa; vụ Hè Thu do thiếu nước sản xuất phải bỏ hoang 525 ha và bơm tưới 93 ha lúa.

+ Năm 2020: Nắng nóng kéo dài từ đầu năm đến tháng 7 nên gây thiếu nước sinh hoạt cục bộ cho khoảng 300 hộ dân, vụ Đông Xuân có 77 ha lúa phải bơm tưới chống hạn, vụ Hè Thu có khoảng 700 ha lúa không sản xuất được do thiếu nước.

Để đáp ứng nhu cầu nước tưới cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, ngoài việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất thì cần thiết phải đầu tư xây dựng thêm các công trình hồ chứa nước thủy lợi để điều tiết nguồn cung cấp nước trên địa bàn huyện.

*** Tình trạng mưa lũ gây sạt lở, xói mòn đất**

Trái với mùa khô gây hạn hán, vào mùa mưa do ảnh hưởng của mưa tập trung kéo dài (*tuy thỉnh thoảng mới có lụt lớn, nhưng nguy cơ tàn phá khá cao*) đã làm nhiều nơi trên địa bàn huyện xảy ra lũ lụt, cũng do đặc điểm của địa hình ngấn và dốc lượng nước đổ về lớn buộc phải xả lũ tại các hồ đập nên mỗi khi xảy ra mưa lớn dễ kéo theo hiện tượng sạt lở và xói mòn đất,...

Đặc điểm của huyện có đến 11/13 xã, thị trấn có mặt tiếp giáp với biển. Hàng năm, nơi đây chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão, nước biển dâng,... làm xói lở bờ đối với những khu vực chưa có kè trong đó nhiều nhất là khu vực TT Vạn Giã tiếp đó là các xã Vạn Thắng, Vạn Long, Vạn Hưng, Vạn Phước, Vạn Lương, ...) là một trong nhiều khu vực phải đương đầu với nguy cơ sạt lở do biển xâm thực. Ngoài ra, các cơn bão với diễn biến phức tạp cũng là mối đe dọa cho dân cư vùng ven biển, ảnh hưởng đến các hoạt động đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản. Hàng năm các cơn bão làm thiệt hại rất nhiều về tài sản của ngư dân (bao gồm lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển và tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản).

Ngoài ra, dọc theo Quốc lộ 1 đặc biệt những đoạn đèo dốc, sườn núi (như đèo Cỏ Mả, đèo Cả). Các vùng gần bờ sông: thôn Mỹ Đồng xã Vạn Lương, Hiền Lương xã Vạn Lương, xóm Cây Xoài thôn Trung Đông 3, xóm Bình Trung Trên thôn Bình Trung xã Vạn Bình, thôn Hải Triều xã Vạn Long xảy ra tình trạng sạt lở.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu gay gắt, hạn hán, lũ lụt xảy ra triền miên tác động lớn đến nông nghiệp, nông thôn, đòi hỏi cần phải đưa ra các giải pháp để hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững. Khắc phục tình trạng khai thác bừa bãi rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển. Quy hoạch sử dụng đất hợp lý theo hướng bền vững, trên cơ sở nghiên cứu địa lý, sinh thái tổng hợp cho phù hợp với từng vùng để hạn chế tình trạng thoái hóa đất đai.

* Các khu vực ảnh hưởng bởi ngập lụt:

Do đặc điểm địa hình phía Tây Bắc vịnh có núi chắn nên lượng mưa thường tập trung lớn ở khu vực Bắc Vạn Ninh. Theo thống kê các khu vực Vạn Ninh vùng trũng thường xuyên bị ngập lụt:

+ Xã Vạn Hưng: Khu vực Ruộng Thùng – thôn Xuân Tụ 1; khu vực Xóm Mới - thôn Xuân Tụ 2; khu vực Xóm Cầu Tréo - thôn Xuân Vinh; khu vực Xóm Bắc – thôn Xuân Đông; khu vực đường sắt - thôn Xuân Tây;

+ Xã Vạn Lương: Khu vực Lò Gạch, Ngã Ba ông Dánh – thôn Mỹ Đồng; khu tái định cư thôn Tân Đức Đông; khu vực chùa Tân Đức – thôn Tân Đức Tây;

+ Thị trấn Vạn Giã: khu vực Ruộng Đùi - TDP 11; khu vực Đồng Láng – TDP 01; khu vực Cầu Xe Lửa - TDP13; khu vực ven biển của các TDP 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15;

+ Xã Vạn Phú: Xóm Cây Gạo - thôn Phú Can 2 Nam; Xóm Sông - thôn Tân Phú; Xóm Sông - thôn Vinh Huệ; khu vực UBND xã cũ;

+ Xã Vạn Bình: khu vực sau chùa Trung Long – Trung Đông 1; khu vực trụ sở thôn Trung Đông 2; khu vực Chang Chang – thôn Trung Đông 3; khu vực Xóm Đạo Bình Trung 1; Khu vực nhà bà Yến – thôn Tứ Chánh; khu vực Soi Nổ - Thôn Bình Lộ 1.

* Một số hiện tượng thiên nhiên khác ảnh hưởng đến huyện:

- Cát bay: Diện tích bãi cát 1200 - 1500 ha. Hiện tượng cát bay khá phổ biến ở phía Bắc bán đảo Hòn Gôm. Cát bay góp phần làm suy thoái đất canh tác, là tiền đề cho quá trình hoang mạc hóa phát triển. Cát bay lấp ruộng đồng và nhà cửa, thu hẹp diện tích hồ chứa nước ngọt.

- Gió Tu Bông: vịnh Vân Phong rất rộng, cửa vịnh rộng tới 8.500 mét, trực tiếp chịu tác động của sóng từ các hướng Đông và Đông Nam đi thẳng vào, hoàn toàn không được che chắn. Toàn vịnh Vân Phong chỉ có Đầm Môn là kín gió. Tại Tu Bông, gió thổi mạnh suốt sáu bảy tháng liền. Gió Tây nóng và gió Tu Bông ảnh hưởng đến kết quả sản xuất, đặc biệt vào mùa trổ bông, ra hoa của cây trồng. Do bị địa hình núi chắn phía Đông Bắc của huyện (giáp Phú Yên) nên xu hướng mưa tập trung lớn tại khu vực này dễ gây ra lũ lụt.

Để có thể nâng cao khả năng ứng phó với BĐKH, trong từng giai đoạn cụ thể nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của huyện, cần có những định hướng, chính sách, dự án nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH cũng như ứng phó với BĐKH của cộng đồng, các tổ chức đoàn thể xã hội, các ngành, các cấp chính quyền. Các chính sách, kế hoạch hành động ứng phó cần phải được lồng ghép vào trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, xã của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

III. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN THỜI ĐIỂM ĐIỀU CHỈNH

3.1. Phân tích, đánh giá bổ sung tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai

1.1.1. Ban hành các văn bản quy định pháp luật về quản lý sử dụng đất

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật Đất đai năm 2013, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Quy hoạch trên địa bàn huyện Vạn Ninh được triển khai thực hiện một cách đồng bộ, kịp thời đến người dân, nội dung tuyên truyền tương đối phong phú, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng theo yêu cầu và mục tiêu đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân kịp thời nắm bắt thông tin, hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai, cụ thể đã chỉ đạo cho các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức, phổ biến tuyên truyền pháp luật về đất đai, tổ chức nhiều hội nghị góp ý về dự thảo Luật Đất đai bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền trên đài truyền thanh, thông qua các cuộc họp thôn, tổ dân phố, phối hợp với mặt trận và các đoàn thể tại địa phương đưa nội dung tuyên truyền trực tiếp đến các hội viên trong các tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao nhận thức các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và toàn thể nhân dân địa phương trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành các quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, Giao đất đối với cộng đồng dân cư.

1.1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

- Trước đây, công tác xác định địa giới hành chính: Đất đai được quản lý trên cơ sở pháp lý về địa giới hành chính, được thực hiện theo Chỉ thị 364/HĐBT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ).

- Hiện tại Hồ sơ Địa giới hành chính huyện Vạn Ninh được xây dựng theo Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính” tại Quyết định số 513/QĐ-TTg, ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ do Sở Nội vụ Khánh Hòa cung cấp. Đối với ranh giới các đơn vị hành chính trong nội bộ tỉnh đã được xác lập bao gồm địa giới hành chính của huyện Vạn Ninh. Hiện nay Sở Nội vụ, kết hợp với UBND các, UBND huyện Vạn Ninh đã thực hiện việc ký giáp ranh với các đơn vị hành chính khu vực tỉnh Phú Yên. Công tác quản lý hồ sơ địa giới hành chính luôn tuân thủ quy tắc bảo mật theo đúng quy định.

1.1.3. Khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng đất; lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất

** Việc đo đạc, đăng ký đất đai, lập và quản lý, chỉnh lý hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính:*

Huyện Vạn Ninh đã thực hiện đăng ký đất đai cho 13 xã, thị trấn/13 xã, thị trấn được đo đạc lập bản đồ địa chính theo dự án Vlap vào năm 2015 , trong đó:

+ 13/13 xã, thị trấn thực hiện kê khai đăng ký theo Dự án VLAP.

+ 12/13 xã, thị trấn có đất lâm nghiệp thực hiện kê khai đăng ký theo nguồn vốn sự nghiệp của tỉnh.

Kế thừa kết quả quá trình thực hiện Dự án VLAP, 13 xã, thị trấn bước đầu đã được triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

Đối với các thửa đất còn lại, việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được thực hiện song song cùng với quá trình cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

Bản đồ địa chính 13 xã, thị trấn đã được tích hợp vào CSDL đất đai và được đồng bộ hóa từ cấp huyện đến cấp tỉnh.

** Đối với công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất:* Đến nay huyện đã được lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005, 2009, 2014, 2019 theo quá trình triển khai kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, ngoài ra trong quá trình triển khai lập quy hoạch sử dụng đất cũng lập bản đồ hiện trạng đất đồng thời vào năm 2010, 2015 và 2020.

** Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:*

Việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện được thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong đó, lập phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Vạn Ninh thực hiện năm 2010 (phê duyệt năm 2013) và được Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng năm đầu của huyện Vạn Ninh vào năm 2015 (được phê duyệt năm 2019) và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt đầu năm 2022. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện tổ chức triển khai lập kế hoạch và phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật và phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố trong những năm qua.

* *Đánh giá, phân hạng đất:* Thực hiện theo quy định mới của Luật Đất đai 2013, hiện tại huyện chưa thực hiện việc đánh giá, phân hạng đất đai trên quy mô toàn huyện, nhưng có thực hiện các dự án đánh giá đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xã Vạn Phú,...

1.1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện được thực hiện theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, chỉ đạo của UBND tỉnh Khánh Hoà, huyện Vạn Ninh đã tổ chức thực hiện lập, điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Công tác lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thực hiện đảm bảo theo đúng tiến độ, quy trình theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt. Sau khi UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện đã thực hiện công bố quy hoạch, công khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc theo quy định. Quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, công bố công khai đều lấy ý kiến nhân bằng nhiều hình thức thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các Hội nghị, lấy ý kiến công khai, trên hệ thống cổng/trang thông tin điện tử huyện, xã.

- Đối với kế hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh đã được UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt trong các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

- Khi thực hiện lập, điều chỉnh Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã liên kết, cập nhật, đồng bộ với quy hoạch xây dựng, quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có sử dụng đất và thực hiện kiểm tra, giám sát trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện đã tổ chức công bố, công khai trên Website huyện, tỉnh và niêm yết tại trụ sở UBND huyện, trụ sở UBND các xã, thị trấn, phổ biến pháp luật đất đai ở cơ sở nhằm nâng cao ý thức sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt, ngăn chặn các hiện tượng vi phạm pháp luật đất đai. Chỉ đạo các phòng, ban và UBND các xã, thị trấn thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt. Triển khai thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ đầu tư của các dự án thuê đất thuộc thẩm quyền để yêu cầu người được thuê đất thực hiện đúng tiến độ đầu tư dự án.

1.1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện cơ bản được triển khai theo đúng trình tự, thủ tục của các văn bản pháp luật và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài nguyên và Môi trường, qua đó phần nào hạn chế và khắc phục được

các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất. Việc lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất đối với các tổ chức, cơ quan đoàn thể được thực hiện thường xuyên. Trong đó:

- Công tác giao đất: Từ năm 2021 đến nay, đã thực hiện giao đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với 157 trường hợp, với tổng diện tích 22.391,8m², trong đó:

+ Giao đất cho các trường hợp được bố trí tái định cư, gồm: 48 trường hợp, tổng diện tích được giao 4.651,9m².

+ Giao đất cho các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất, gồm: 109 trường hợp, tổng diện tích được giao 17.739,9m².

- Tình hình cho thuê đất: Trong năm 2023 UBND huyện đã phê duyệt phương án đấu giá cho thuê diện tích đất 5% trên địa bàn 11 xã thị trấn có tổng số 3.517 thửa với tổng diện tích 531,9 ha.

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất: Việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đất đai, bám sát vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, đáp ứng nhu cầu của người dân về đất xây dựng nhà ở, góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương.

Từ năm 2021 đến nay, UBND huyện đã tiếp nhận và giải quyết 82 hồ sơ xin chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân, với tổng diện tích: 19,45ha. Từ năm 2021 đến nay đã thực hiện chia tách 2.502 trường hợp và hợp thửa 274 trường hợp.

- Thu hồi đất: Từ năm 2021 đến nay, UBND huyện đã ban hành 1.405 quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ trên 06 công trình, dự án. Cụ thể: Tổng diện tích thu hồi là 2.174.933,2 m² đất để phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 933,354 tỷ đồng.

1.1.6. Quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất

Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được thực hiện công khai, dân chủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của UBND tỉnh. Đồng thời, UBND huyện đã tích cực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, có nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhằm tháo gỡ vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đặc biệt là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm (trong đó đặc biệt là dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Nha Trang – Vân Phong đi qua địa bàn huyện, 3 khu tái định cư,...).

- Đa phần các dự án đầu tư trên địa bàn huyện, UBND huyện giao Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; việc lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chi trả

bồi thường, hỗ trợ; giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư... đều tuân thủ, chấp hành theo đúng quy định.

- Từ khi Luật Đất đai 2013 có hiệu lực thi hành đến nay, huyện Vạn Ninh đã thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất) với số lượng gia đình, cá nhân; tổng diện tích thu hồi 217,49 ha.

- Công tác bố trí tái định cư, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án với tổng số hộ được giao đất tái định cư 48 hộ với diện tích 0,46 ha. Hiện tại, công tác tổ chức thực hiện 3 khu tái định cư phục vụ cao tốc gấp rút hoàn thiện để tiếp tục bàn giao các lô đất cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án.

Tuy nhiên, công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư vẫn còn tồn tại một số hạn chế như:

- Việc chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm cho người dân có đất bị thu hồi phát sinh vướng mắc như về chính sách hỗ trợ cho người dân để xác định, lựa chọn việc làm, lựa chọn hướng chuyển đổi nghề nghiệp, việc tổ chức đào tạo, cho học nghề đối với người dân bị thu hồi đất là rất khó. Trên thực tế, nhiều hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất không thực hiện được việc chuyển đổi nghề nghiệp do ngành nghề đào tạo trên địa bàn ít, không đa dạng nên người có đất bị thu hồi không lựa chọn.

- Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, việc định giá đất cụ thể để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được xác định trên cơ sở "giá đất phổ biến trên thị trường", tuy nhiên, để xác định một cách đầy đủ giá đất phổ biến trên thị trường trong điều kiện bình thường là việc rất khó khăn khi trên địa bàn tỉnh chưa có một thị trường bất động sản thực sự hoạt động công khai minh bạch: các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc theo dõi, giám sát và tổng hợp được đầy đủ chính xác và kịp thời các thông tin giao dịch về quyền sử dụng đất trên từng địa bàn, nhất là đối với đất ở là rất khó khăn. Đối với đất nông nghiệp, những giao dịch về chuyển quyền sử dụng giữa những người sản xuất nông nghiệp với nhau là rất ít, không phổ biến, nên việc xác định giá đất cụ thể để áp dụng trong bồi thường là rất khó khăn.

- Theo quy định tại Điều 70 Luật Đất đai năm 2013 quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc đối với những người sử dụng đất không hợp tác với hội đồng bồi thường giải toả để tiến hành kiểm đếm. Tuy nhiên ngoài quy định này không có một văn bản nào hướng dẫn thi hành trong khi công tác cưỡng chế thi hành quyết định kiểm đếm bắt buộc cũng không kém phần phức tạp so với việc cưỡng chế thu hồi đất.

1.1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất

- Tình hình thực hiện quy định đăng ký đất đai: Công tác đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện được người sử dụng đất thực hiện đồng thời với thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, UBND huyện thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thông báo, hướng dẫn người sử dụng đất thực hiện việc đăng ký đất đai nhằm tăng cường công tác đăng ký, quản lý đất đai trên địa bàn.

- Huyện Vạn Ninh đã hoàn thành việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký cấp GCN, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính theo Dự án Hoàn thiện và Hiện đại hoá hệ thống quản lý đất đai Việt Nam (gọi tắt là Vlap) với tổng số trên 90.588 hồ sơ. Hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính tập trung đã vận hành ổn định, các trường hợp đăng ký, cấp GCN, đăng ký biến động được cập nhật đầy đủ, hồ sơ cấp GCN được Scan (quét) và lưu trữ vào cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định. Sau khi thực hiện dự án Vlap, huyện Vạn Ninh đã hoàn thành việc cấp GCN và tiếp tục xem xét, cấp GCN trước đây chưa đủ điều kiện do chưa đủ thông tin, cung cấp giấy tờ có liên quan.

- Tình hình quản lý hồ sơ địa chính: Công tác lập, quản lý hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện trực thuộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hoà thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 4 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai) và quy định về phân cấp quản lý hồ sơ địa chính tại Điều 29 Thông tư số 24/2014/TT- BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính. Hồ sơ được lưu trữ theo từng địa bàn xã, phường, từng loại hồ sơ, đánh số hiệu để quản lý, dữ liệu được đưa vào lưu trữ trên máy tính giúp việc tra cứu và tìm kiếm hồ sơ lưu trữ được dễ dàng. Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện thường xuyên và theo đúng quy định.

- Việc xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định, số lượng GCN đã cấp cho từng loại đất, hộ gia đình, cá nhân. Cụ thể:

Từ năm 2021 đến nay, công tác cấp GCN (*lần đầu*) đã đạt được kết quả như sau: Đã cấp: 617 giấy chứng nhận; Tổng diện tích các loại đất đã cấp: 136,75ha.

1.1.8. Thống kê, kiểm kê đất đai

Công tác thống kê đất đai hàng năm của huyện đã được thực hiện ở cả 2 cấp theo đúng quy định của ngành. Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm vào năm 2009, 2014, 2019. Chất lượng từng bước được nâng cao qua các đợt thống kê, kiểm kê; đồng thời đã hạn chế được sự sai lệch giữa số liệu và bản đồ. Đến nay,

toàn bộ số liệu thống kê kiểm kê đất đai được cập nhật và quản lý số liệu thống nhất trên phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, cần có sự kiểm tra đầu ra của sản phẩm để đảm bảo số liệu thống kê, kiểm kê đảm bảo độ tin cậy.

1.1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai

Huyện Vạn Ninh chưa tiến hành xây dựng hệ thống thông tin đất đai theo quy định mới của Luật Đất đai năm 2013 và theo Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT. Tuy nhiên hiện nay cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn huyện đã được thực hiện bao gồm dữ liệu không gian và thuộc tính của các thửa đất, đây cũng chính là cơ sở để đẩy nhanh việc hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu.

1.1.10. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất

- Hàng năm, huyện tổ chức thực hiện xác định giá đất cụ thể để thực hiện các nội dung: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá khởi điểm đấu giá đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại các điểm, khu dân cư, quỹ đất nông nghiệp công ích 5% do cấp xã quản lý. Việc xác định giá đất cụ thể thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo các văn bản hướng dẫn tại thời điểm xác định giá đất.

- Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong công tác xác định giá đất cụ thể: Mục tiêu xác định giá đất cụ thể là để xác định giá trị tài sản để thực hiện các nội dung trên cho phù hợp với giá thị trường. Về cơ sở để xác định giá đất cụ thể, huyện Vạn Ninh cũng như các địa phương khác, phần lớn sử dụng phương pháp hệ số điều chỉnh để xác định: căn cứ Bảng giá đất do UBND tỉnh Khánh Hoà phê duyệt và nhân với hệ số điều chỉnh K; đối với phương pháp so sánh thực tế khó thực hiện hoặc không thực hiện được là do không có thông tin về giá trị tài sản lân cận để so sánh. Nếu sử dụng hợp đồng chuyển nhượng thì thể hiện giá trị tài sản thấp, không phản ánh giá trị thực tế tài sản đã nhận chuyển nhượng nên việc xác định hệ số điều chỉnh K cũng như giá trị tài sản so sánh để xác định giá đất cụ thể còn khó khăn. Mặt khác, thời gian qua việc xác định cơ quan chủ trì thẩm định, về trình tự, quy trình thực hiện để xác định giá đất cụ thể chưa thật sự cụ thể, rõ ràng, còn chồng chéo, văn bản thay đổi, bãi bỏ qua từng thời điểm nên địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc xác định giá đất cụ thể và trình thẩm định phê duyệt.

- Huyện Vạn Ninh đã tập trung rà soát, sắp xếp nhà, đất có nguồn gốc tài sản nhà nước, việc quản lý sử dụng đất, khai thác quỹ đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng luôn được huyện chú trọng và báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh và các Sở ngành có liên quan.

- Tình hình thành lập và kết quả hoạt động của Tổ chức phát triển quỹ đất: Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện đã được UBND tỉnh Khánh Hoà có quyết định thành lập và trực thuộc UBND huyện. Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao. Thời gian qua, UBND huyện giao nhiệm vụ chính là thực hiện công tác Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện và tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng của huyện.

- Tình hình và kết quả tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất: Việc thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện chủ yếu tập trung đấu giá đất để thu tiền sử dụng đất để tạo vốn xây dựng kết cấu hạ tầng của huyện và đấu giá để cho thuê đất đối với quỹ đất công ích 5% do cấp xã quản lý.

1.1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

- Từ khi thực hiện Luật Đất đai năm 2013, các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được thực hiện đầy đủ, đúng quy định, đã giải quyết tốt các quan hệ liên quan đến đất đai. Thủ tục chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định.

- Việc thực hiện các quy định về điều kiện thực hiện quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất được cơ quan quản lý đất đai và người sử dụng đất thực hiện đúng quy định tại Điều 118 Luật Đất đai năm 2013. Để đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các quyền nói trên, người sử dụng đất đã chủ động thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giải quyết tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến việc sử dụng đất.

1.1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai được UBND huyện quan tâm giải quyết kịp thời thấu tình đạt lý và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tranh chấp đất đai, những khiếu kiện, tố cáo, kiến nghị của công dân được UBND huyện và UBND các xã, thị trấn giao cho các tổ chức đoàn thể hoà giải từ cơ sở là giải pháp khá thành công vì vậy trong thời gian qua số đơn thư tồn đọng không quá nhiều, không có xảy ra xung đột, việc khiếu kiện đông người hoặc khiếu kiện nhiều lần, khiếu kiện vượt cấp không xảy ra. Công tác giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai được duy trì thường xuyên và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân và tính phức tạp của đất đai nên tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, việc lấn chiếm đất đai trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra; việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng thực hiện còn nhiều khó khăn.

1.1.13. Phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai

UBND huyện thường xuyên cập nhật, chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính Phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và của tỉnh trên địa bàn huyện một cách đồng bộ, kịp thời, nội dung tuyên truyền tương đối phong phú, phù hợp với tình hình thực tiễn, đáp ứng theo yêu cầu và mục tiêu đề ra, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân kịp thời nắm bắt thông tin, hiểu rõ hơn các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đất đai.

Công tác chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực đất đai được tổ chức thường xuyên góp phần nâng cao ý thức, nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về quản lý, sử dụng đất đai nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Nhìn chung, việc chấp hành các chính sách pháp luật về đất đai, pháp luật về đất đai trên địa bàn huyện Vạn Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực, sử dụng tài nguyên đất đai một cách hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích sử dụng đã đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Nội dung khiếu nại, khiếu kiện chủ yếu trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như: chậm làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp sai diện tích sử dụng đất trong Giấy chứng nhận,... Về tranh chấp đất đai chủ yếu tranh chấp ranh giới giữa các chủ sử dụng đất liền kề; tranh chấp về diện tích đất đã mua bán, chuyển nhượng trao tay mà chưa làm đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, tranh chấp do tự ý lấn chiếm đất đai để làm hồ sơ hợp thức hóa đòi quyền lợi,...

Từ năm 2021 đến nay, công tác kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện Vạn Ninh, cụ thể:

- Năm 2021: Ban hành 10 Quyết định với số tiền xử phạt là 166 triệu đồng (*đã thi hành 01 quyết định với số tiền 7,5 triệu đồng*), 07 Quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (*do người vi phạm không tự nguyện thi hành*).

- Năm 2022: Ban hành 07 Quyết định với số tiền xử phạt là 116,5 triệu đồng; 01 Quyết định cưỡng chế áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (*do người vi phạm không tự nguyện thi hành*).

Chỉ đạo chính quyền cấp xã phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể tập trung giải quyết đơn thư, khiếu nại, khiếu kiện về đất đai; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo của chính quyền cơ sở ngày càng tập trung và quyết liệt hơn, đã đề ra nhiều biện pháp tích cực để nâng cao công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn huyện.

Công tác thẩm tra, xác minh nguồn gốc đất đai, diễn biến vụ việc và tổ chức đối thoại giữa người giải quyết với các bên có liên quan để làm cơ sở cho việc giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của công dân được các cấp, các ngành từ huyện đến cấp xã được quan tâm thực hiện tốt. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, trong đó có liên quan về khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo được chú trọng tăng cường, các tổ hòa giải ở cơ sở đi vào hoạt động ngày càng hiệu quả.

Đồng chí Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện và các bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND các xã, thị trấn luôn duy trì thực hiện tốt về thời gian tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và quy chế tiếp công dân; thực hiện

nghiêm túc Quy định số 1 l-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân nhất là trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

Nhìn chung, công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai được thực hiện đúng quy định của pháp luật, góp phần tạo lòng tin đối với quần chúng nhân dân. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong xử lý và giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân đã tạo điều kiện cho người dân trực tiếp trình bày sự việc thông qua việc tiếp công dân định kỳ hàng tháng đã phần nào giải quyết được thắc mắc, kiến nghị của nhân dân đối với những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong quản lý, sử dụng đất. Hầu hết số vụ tranh chấp, kiến nghị về đất đai đã được UBND huyện chỉ đạo Thanh tra huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn giải quyết dứt điểm tại cơ sở. Vì vậy, số vụ tranh chấp có tính chất phức tạp hầu như không xảy ra, số đơn thư khiếu nại, tố cáo tồn đọng còn ít.

1.1.15. Tổ chức cơ quan quản lý đất đai

- Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện Vạn Ninh, có chức năng tham mưu, giúp UBND huyện quản lý nhà nước về: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, biển và hải đảo. Đội ngũ cán bộ, công chức, Phòng Tài nguyên - Môi trường được đào tạo đúng chuyên môn: năng động, nhiệt tình trong công việc; có khả năng đảm đương được nhiều vị trí công việc của phòng (*đến 31/12/2022 có 7 cán bộ biên chế*).

- Đơn vị thực hiện dịch vụ công: Trung tâm Phát triển quỹ đất (*đến 31/12/2022 có 9 cán bộ, trong đó có 6 cán bộ biên chế và 16 hợp đồng*); Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Vạn Ninh (*thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường - đến 31/12/2022 có 38 cán bộ, trong đó có 7 cán bộ biên chế và 31 hợp đồng*).

- Về tham mưu, giúp việc về công tác quản lý nhà nước về đất đai cấp xã: Công chức địa chính.

3.2. Phân tích, đánh giá bổ sung hiện trạng và biến động sử dụng đất

3.2.1. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh tính đến 31/12/2022 có 56.201,91 ha. Trong đó:

a. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 có 46.085,76 ha, chiếm 82,0% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh (đất nông nghiệp tập trung nhiều tại Vạn Thạnh, Vạn Phú, Vạn Hưng, Vạn Lương,...). Trong đó diện tích và phân bố của các loại đất cụ thể như sau:

* *Đất trồng lúa*: Diện tích 4.584,90 ha, chiếm 8,16% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung ở các xã: Vạn Thạnh, Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Bình, Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Phước, Vạn Hưng, Xuân Sơn, Vạn Long,...

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: diện tích 2.828,22 ha, chiếm 5,03% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung chủ yếu ở các xã Vạn Long, xã Vạn Bình, xã Vạn Khánh, xã Vạn Lương,...

** Đất trồng cây hàng năm khác:* diện tích 1.727,66 ha, chiếm 3,07% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố trên toàn địa bàn huyện, xen kẽ trong một trong khu dân cư và phân bố ở khu vực vùng đồi thấp, trong đó tập trung tại các xã: Vạn Hưng, Vạn Lương, Xuân Sơn, Vạn Thạnh, Vạn Khánh, Vạn Thắng. Các loại cây trồng chính được sản xuất gồm: Ngô, khoai, sắn, rau đậu các loại, tỏi, lạc,...

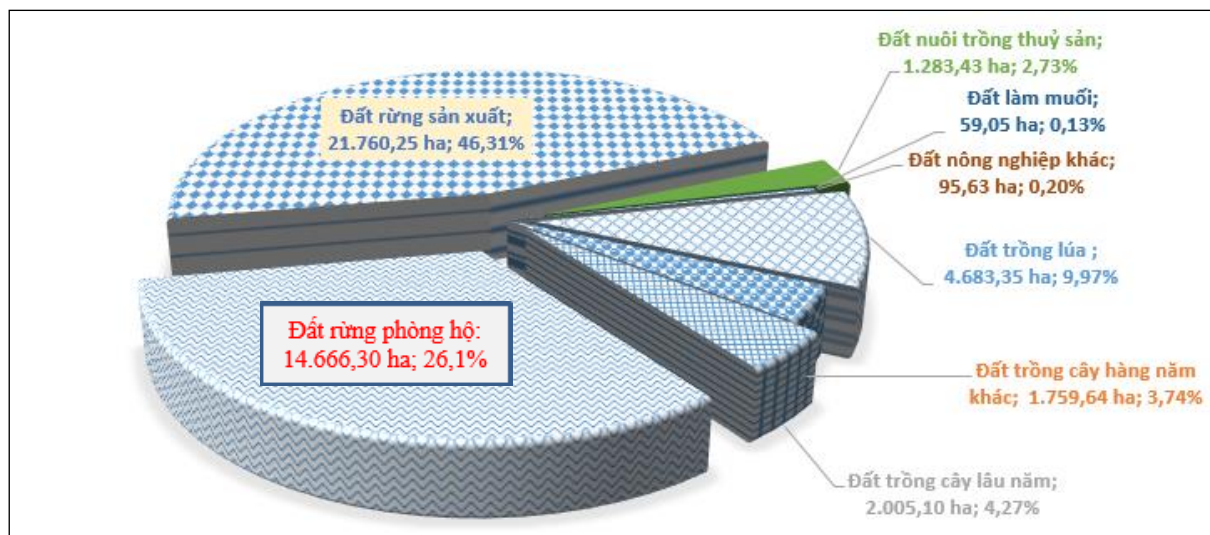
** Đất trồng cây lâu năm:* diện tích 1.983,52 ha, chiếm 4,3% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố trên toàn địa bàn huyện ở các khu vực vùng đồi thấp, trong đó tập trung tại các xã: Vạn Phú, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Thắng, Vạn Khánh, Vạn Thọ. Một số loại cây trồng lâu năm chính trên địa bàn huyện như: Xoài, dứa, điều, cam chanh quýt,...

** Đất rừng phòng hộ:* năm 2020 có diện tích 14.657,80 ha, chiếm 26,08% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố chủ yếu ở phía Tây của huyện. Trong đó, diện tích đất rừng phòng hộ tập trung nhiều ở xã Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Bình. Các xã không có hoặc diện tích nhỏ không đáng kể gồm Vạn Giã, Vạn Thọ, Vạn Hưng và Vạn Thắng. (trong đó, có 1 phần diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện quá trình kiểm kê đất đai năm 2019 kiểm kê nhầm từ đất chưa sử dụng sang đất rừng phòng hộ do đó làm cho diện tích rừng phòng hộ trên địa bàn huyện tăng nhiều so với hiện trạng thực tế được công hiện trạng rừng huyện Vạn Ninh đến hết năm 2022 tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 được công bố - cụ thể diện tích rừng phòng hộ thực tế chỉ có 13.246,72 ha, chênh lệch 1.411,08 ha).

** Đất rừng sản xuất:* diện tích 21.705,66 ha, chiếm 38,62% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố chủ yếu ở phía Tây và phía Nam của huyện. phân bố tập trung tại các xã: Vạn Thạnh, Vạn Hưng, Vạn Bình, Vạn Phước, Xuân Sơn...

Trong đó, diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích 4.373,93 ha, chiếm 7,78% tổng DTTN. Tập trung nhiều nhất tại xã Vạn Thạnh 8.280,47 ha. Trong đó, diện tích đất rừng sản xuất theo số liệu công bố thực tế tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 thì diện tích đất rừng sản xuất thực tế có 15.125,78 ha (chênh lệch 6.579,88 ha).

Theo Quyết định 83/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND huyện Vạn Ninh về công bố hiện trạng rừng huyện Vạn Ninh năm 2022 thì tổng diện tích đất rừng hiện trạng có 28.372,5 ha. Diện tích đất lâm nghiệp theo số liệu hiện trạng sử dụng đất có 36.363,46 ha, chênh lệch 7.990,96 ha. Nguyên nhân chênh lệch là do quá trình kiểm kê đất đai năm 2019 có nhầm lẫn diện tích đất lâm nghiệp (kiểm nhầm chỉ tiêu theo quy hoạch 3 loại rừng) và đất chưa sử dụng.



Hình 05: Biểu đồ diện tích và cơ cấu hiện trạng các loại đất nông nghiệp

* **Đất nuôi trồng thủy sản:** diện tích 1.279,13 ha, chiếm 2,28% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố chủ yếu ở các xã khu vực ven biển tập trung nhiều nhất tại các xã: Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Hưng, Vạn Thọ (chủ yếu nuôi trồng thủy sản nước lợ như: Tôm thẻ chân trắng, ốc Hương, ...)

* **Đất làm muối:** diện tích 59,05 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố chủ yếu ở ven biển. phân bố tại 2 xã Vạn Hưng 53,38 ha, Vạn Khánh 5,67 ha.

* **Đất nông nghiệp khác:** diện tích 88,04 ha, chiếm 0,17% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung tại xã Vạn Hưng.

b. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 có 4.639,95 ha, chiếm 8,26% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Trong đó diện tích và phân bố các loại đất cụ thể như sau:

* **Đất quốc phòng:** diện tích 152,90 ha, chiếm 0,27% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố chủ yếu ở các xã Xuân Sơn, Vạn Bình, Vạn Khánh, Vạn Thọ, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Vạn Hưng, Đại Lãnh, Vạn Long và TT Vạn Giã. Các công trình đất quốc phòng như: Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện, trường huấn luyện huyện Vạn Ninh tại Vạn Khánh, ...

* **Đất an ninh:** diện tích 1,23 ha, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm các trụ sở của công an huyện, trụ sở công an thị trấn và đất an

ninh tại xã Vạn Long, phân bố tập trung chủ yếu ở thị trấn Vạn Giã (Trụ sở công an huyện và công an thị trấn với diện tích 1,19 ha), diện tích còn lại ở xã Vạn Long (0,26 ha).

* *Đất thương mại, dịch vụ*: diện tích 388,36 ha, chiếm 0,69% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Gồm các cửa hàng thương mại dịch vụ, các khu thương mại dịch vụ ở thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Bình, xã Vạn Phước, xã Vạn Thạnh, xã Vạn Thọ, Đại Lãnh,... và các khu, điểm du lịch (*Khu du lịch sinh thái Hòn Ngang – Bãi Cát Thắm, khu du lịch 5 sao Đại Lãnh, khu du lịch Bãi Ông Nghi,...*)

* *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: diện tích 270,25 ha, chiếm 0,48% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung tại các xã: Vạn Khánh, Vạn Thắng, Xuân Sơn, Vạn Thạnh, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Bình, Vạn Thọ. Các công trình chủ yếu là nhà xưởng sản xuất đá, nhà máy Hạt điều Sao Việt,..

* *Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*: diện tích 8,69 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. phân bố tập trung ở Vạn Thạnh (khu vực khai thác cát xuất khẩu tại thôn Đầm Môn).

* *Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm*: diện tích 318,87 ha, chiếm 0,57% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. phân bố tập trung tại các xã: Vạn Khánh, Vạn Hưng, Vạn Thắng, Vạn Thạnh,...

* *Đất phát triển hạ tầng Quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2020* có diện tích 2.123,92 ha, chiếm 3,78% DTTN của huyện Vạn Ninh. Bao gồm:

- *Đất giao thông*: diện tích 1.396,83 ha, chiếm 2,49% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm các trục đường giao thông chính như: Cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Vân Phong – Nha Trang, Quốc lộ 1, đường sắt Bắc – Nam qua địa bàn huyện, các đường tỉnh ĐT651,..., đường huyện, các đường liên thôn và nội thôn và đường nội đồng phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện.

- *Đất thủy lợi*: diện tích 285,52 ha, chiếm 0,5% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung tại các xã Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Long, Vạn Phước,... là diện tích hiện trạng của hệ thống đập dâng và hệ thống kênh mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: diện tích 2,57 ha, chiếm 0,005% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm các nhà văn hóa của huyện, thị trấn và xã. Diện tích đất cơ sở văn hoá (đất cơ sở văn hóa, đất sinh hoạt cộng đồng và đất khu vui chơi giải trí công cộng) năm 2022 là 13,03 ha, đạt 0,99 m²/người theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa (huyện đồng bằng - vùng duyên Hải Nam Trung Bộ) từ 0,36-0,59 m²/người) theo đó diện tích đã vượt định mức, nhưng nhiều công trình văn hóa còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân.

- *Đất xây dựng cơ sở y tế*: diện tích 6,8 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm Bệnh viện đa khoa huyện Vạn Ninh, phòng khám đa khoa khu vực Tu Bông và các trạm y tế của các xã.

Diện tích đất y tế trên địa bàn huyện hiện trạng có 6,8 ha (0,51 m²/người) chưa đạt tiêu chuẩn định mức sử dụng đất cơ sở y tế tại theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT (huyện đồng bằng - vùng duyên Hải Nam Trung Bộ) là 0,68-0,85 m²/người). Do đó cần quy hoạch bố trí thêm diện tích đất y tế.

- *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: diện tích 57,62 ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố đều khắp trên tất cả các xã bao gồm các điểm trường Mẫu giáo, trường Tiểu học, trường THCS, trường THPT trên địa bàn huyện. Diện tích sử dụng đất của ngành giáo dục là 57,62 ha, đạt 4,36 m²/người. (Theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất cơ sở giáo dục đào tạo (cấp xã, cấp huyện khu vực nông thôn) từ 5,7-6,7m²/người), chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng đất. Do đó cần quy hoạch bố trí thêm diện tích đất cơ sở giáo dục.

- *Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*: diện tích 17,02 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm sân vận động huyện và sân thể thao tại các xã (bao gồm sân thể thao của các thôn). Tổng diện tích đất các cơ sở thể dục - thể thao 17,02 ha. Bình quân diện tích đất thể thao là 1,29 m²/người, như vậy chưa đạt tiêu chuẩn định mức sử dụng đất cơ sở thể dục, thể thao (theo thông tư 01/2017/TT-BTNMT thì định mức sử dụng đất cơ sở thể dục thể thao (huyện đồng bằng - vùng duyên Hải Nam Trung Bộ) từ 2,25-2,75m²/người). Trong những năm tới cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân.

- *Đất công trình năng lượng*: diện tích 124,48 ha, chiếm 0,22% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố trên địa bàn các xã: Vạn Bình, Vạn Lương, Vạn Khánh, Vạn Thọ, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Vạn Hưng, và TT Vạn Giã. Tập trung nhiều nhất tại xã Vạn Hưng (nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh) trạm điện 220kv Ninh Hòa (Vạn Ninh) tại xã Vạn Khánh.

- *Đất công trình bưu chính, viễn thông* có diện tích 0,99 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm bưu điện huyện, bưu cục Tu Bông và bưu điện các xã, các công trình viễn thông khác.

- *Đất có di tích lịch sử, văn hóa*: diện tích 0,07 ha, chiếm 0,0001% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố ở xã Vạn Phú.

- *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: diện tích: 6,07 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố ở xã Vạn Khánh, xã Vạn Thắng. Diện tích hiện trạng là bãi rác Dốc Ké – Vạn Thắng (đây hiện là bãi rác chính và duy nhất của của huyện). Ngoài ra, đang triển khai đầu tư cho bãi rác tập trung khu vực Bắc Vân Phong (tại thôn Suối Hang – Vạn Khánh).

- *Đất cơ sở tôn giáo*: diện tích 63,94 ha, chiếm 0,11% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm chùa Linh Sơn, chùa Thiên Ân, chùa Giác Hải, chùa Vạn Đức, chùa Châu Long, nhà thờ Vạn Giã, giáo xứ Diêm Điền, nhà thờ Tin Lành Vạn Ninh, tu viện Giác Hải, nhà thờ Vạn Xuân,... phân bố trên địa bàn 13 xã, thị trấn; tập trung nhiều tại các xã: Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Phước, Xuân Sơn và thị trấn Vạn Giã.

- *Đất nghĩa trang, nghĩa địa*: có diện tích 155,00 ha, chiếm 0,28% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. tập trung nhiều tại các xã: Vạn Khánh, Vạn Thắng, Vạn Hưng, Vạn Lương, Vạn Phước, Xuân Sơn. Bao gồm các nghĩa trang huyện, thị trấn và xã.

- *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*: diện tích 0,66 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tại thị trấn Vạn Phú và xã Vạn Lương.

- *Đất chợ*: có diện tích 6,35 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm chợ Vạn Ninh, chợ Vạn Giã, chợ ở các xã (trừ Vạn Phú).

* *Đất sinh hoạt cộng đồng*: diện tích 5,18 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố trên toàn địa bàn huyện, bao gồm đất các nhà sinh hoạt cộng đồng của huyện, thị trấn và xã.

* *Đất khu vui chơi giải trí công cộng*: diện tích 5,28 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm các công viên, khu vui chơi ở thị trấn Vạn Giã, xã Đại Lãnh, xã Vạn Long, Vạn Thạnh,...

* *Đất ở nông thôn*: diện tích 637,62 ha, chiếm 1,13% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Tập trung tại 12 xã trong đó diện tích đất ở nhiều nhất tại các xã Vạn Thắng (110,68 ha), Vạn Lương (68,56ha), Vạn Hưng, Vạn Khánh,...diện tích đất ở thấp nhất tại xã Xuân Sơn 26,67 ha.

* *Đất ở đô thị*: diện tích 94,60 ha, chiếm 0,17% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Toàn bộ tập trung ở thị trấn Vạn Giã.

* *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: diện tích 5,86 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. phân bố trên địa bàn 13 xã, thị trấn, tập trung nhiều tại thị trấn Vạn Giã và xã Vạn Lương Bao gồm các công trình như: Trụ sở UBND huyện, trụ sở các cơ quan Đảng, chính quyền cấp huyện, trụ sở UBND thị trấn và các xã,...

* *Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp*: diện tích 7,28 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố tập trung chủ yếu ở thị trấn Vạn Giã (3,82 ha),...là trụ sở của các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị xã hội như: Trụ sở hạt kiểm lâm, chi cục thuế, ban quản lý rừng phòng hộ, bảo hiểm xã hội,....

* *Đất tín ngưỡng*: có diện tích 8,54 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm đình Phú Cang, tịnh xá Ngọc Phổ, tịnh xá Ngọc Xuân, đình làng thôn Hiền Lương, lăng Lương Hải, lăng Tư Đường, đình làng Quảng Hội,...

* *Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối*: có diện tích 340,00 ha, chiếm 0,60% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm diện tích sông Hiền Lương, sông Chà Là, sông Đồng Điền, sông Tô Giang,...

* *Đất có mặt nước chuyên dùng*: có diện tích 260,74 ha, chiếm 0,46% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Bao gồm hồ Hoa Sơn, hồ Đá Đen, Suối Luồng, hồ Bà Bác, hồ Cây Bứa, hồ Suối Lớn.

* *Đất phi nông nghiệp khác*: diện tích 4,8 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên của huyện Vạn Ninh. Phân bố ở thị trấn Vạn Giã, xã Vạn Bình và xã Vạn Phú.

c. Đất chưa sử dụng

Đến thời điểm 31/12/2022 thì tổng diện tích đất chưa sử dụng trên địa bàn là 5.476,19 ha, chiếm 9,74 % DTTN của huyện Vạn Ninh. Trong đó:

Chi tiết từng loại đất xem trong biểu sau:

Biểu 4. Hiện trạng sử dụng đất năm 2022 (31/12/2022) huyện Vạn Ninh

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		56.201,91	
1	Đất nông nghiệp	NNP	46.085,76	82,00
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.584,90	8,16
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.828,22</i>	<i>5,03</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.727,66	3,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.983,52	3,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	14.657,80	26,08
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	21.705,66	38,62
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>4.373,93</i>	<i>7,78</i>
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.279,13	2,28
1.7	Đất làm muối	LMU	59,05	0,11
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	88,04	0,16
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.639,95	8,26
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	152,90	0,27
2.2	Đất an ninh	CAN	1,23	0,00
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,63	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	388,36	0,69
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	270,25	0,48
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	8,69	0,02
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	318,87	0,57
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.123,92	3,78
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.396,83</i>	<i>2,49</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>285,52</i>	<i>0,51</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,57</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,80</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>57,62</i>	<i>0,10</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>17,02</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>124,48</i>	<i>0,22</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,99</i>	<i>0,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,07	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,07	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	63,94	0,11
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	155,00	0,28
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,66	0,00
-	Đất chợ	DCH	6,35	0,01
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,18	0,01
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,28	0,01
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	637,62	1,13
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	94,60	0,17
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	5,86	0,01
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,28	0,01
2.15	Đất tín ngưỡng	TIN	8,54	0,02
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	340,00	0,60
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	260,74	0,46
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,80	0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD	5.476,19	9,74

Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020 – Sở TNMT Khánh Hòa.

**. Đất khu kinh tế*

Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006 của Thủ tướng chính phủ.

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số Số: 298/QĐ-TTg ngày 27 tháng 03 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ với tính chất: Là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó có: Cảng trung chuyển container quốc tế, công nghiệp lọc hóa dầu, trung chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác;

Khu kinh tế Vân Phong được quy hoạch phát triển thành trung tâm kinh tế của tỉnh Khánh Hòa có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước. Huyện Vạn Ninh có 12/13 xã thị trấn có ranh giới thuộc khu kinh tế (trừ xã Xuân Sơn) bao gồm cả diện tích phần mặt biển.

Diện tích khu kinh tế được xác định và phân bổ theo Quy hoạch tỉnh được được duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định diện tích khu kinh tế trên địa bàn huyện Vạn Ninh là 100.959 ha (trong đó, phần đất liền là 55.574 ha, phần mặt nước biển 45.020 ha).

**. Đất đô thị (tính theo diện tích tự nhiên của thị trấn Vạn Giã)*

Tổng diện tích đất đô thị năm 2020 của huyện Vạn Ninh là 270,57 ha, chiếm 0,48% tổng DTTN toàn huyện. Trong đó: đất ở đô thị 87,95 ha, chiếm 32,51 % diện tích đất đô thị và chiếm 13,56% diện tích đất ở toàn huyện.

3.2.2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước

Căn cứ số liệu thống kê đất đai năm 2021, 2022, biến động sử dụng đất trong giai đoạn 2021-2023 của huyện Vạn Ninh như sau:

Về tổng diện tích tự nhiên toàn huyện: năm 2022 có 56.201,91 ha, không tăng giảm so với hiện trạng đầu năm 2020. Diện tích tự nhiên của huyện được xác định lại theo ranh giới Bản đồ địa giới hành chính ban hành theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt dự án “*Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính*”.

* **Biến động về đất nông nghiệp:** Diện tích đất nông nghiệp năm 2022 có 46.085,76 ha, giảm 1.587,74 ha so với năm 2020 do kiểm kê nhằm đất chưa sử dụng và đất lâm nghiệp (đã được xử lý chuyển lại đất chưa sử dụng trong kỳ thống kê năm 2022; ngoài ra còn giảm do thu hồi thực hiện các dự án đất phi nông nghiệp khác trong 2 năm vừa qua, trong đó:

- Diện tích đất trồng lúa năm 2022 có 4.584,90 ha, giảm 98,45 ha, trong đó: đất chuyên trồng lúa nước giảm 57,99 ha. Đất lúa giảm chủ yếu do thu hồi để thực hiện dự án đường Cao tốc Bắc – nam phía Đông đoạn Nha Trang – Vân Phong và chuyển sang đất ở nông thôn 0,06 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác giảm 31,98 ha so với hiện trạng năm 2020, so chuyển sang: đất trồng cây lâu năm 0,05 ha, đất ở tại nông thôn 0,65 ha, đất có mục đích công cộng 31,25 ha (chủ yếu thu hồi để thực hiện dự án cao tốc Bắc – Nam).

- Đất trồng cây lâu năm giảm 21,57 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó:

+ Đất trồng cây lâu năm thực tăng trong kỳ có 0,05 ha từ đất trồng cây hàng năm khác.

+ Đất trồng cây lâu năm thực giảm trong kỳ 21,82 do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,81 ha, đất ở tại đô thị 0,11 ha, đất có mục đích công cộng 20,86 ha (chủ yếu thu hồi để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam), đất bằng chưa sử dụng 0,04 ha.

- Đất rừng phòng hộ 14.657,80 ha, giảm 1.249,25 ha so với hiện trạng 2020, do chuyển sang đất chưa sử dụng do kiểm kê (kỳ kiểm kê đất đai 2019) nhằm.

- Đất rừng sản xuất tăng giảm 174,59 ha so với hiện trạng năm 2020, do chuyển sang đất có mục đích công cộng 174,62 ha, đất chưa sử dụng 0,16 ha (chủ yếu thu hồi để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và chuyển sang thực hiện dự án nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh).

- Đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 có diện tích 1.279,13 ha, giảm 4,29 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,04 ha, đất có mục đích công cộng 4,25 ha.

- Đất làm muối diện tích không biến động so với 2020 có 59,05 ha.

- Đất nông nghiệp khác năm 2022 có 88,04 ha, giảm 7,59 ha do thu hồi thực hiện dự án đường bộ Cao tốc Bắc – Nam đoạn đi qua địa bàn xã Vạn Hưng.

*** *Biến động về đất phi nông nghiệp:***

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2022 có 4.639,95 ha, tăng 343,29 ha so với năm 2020 (diện tích tăng chủ yếu do thu hồi, chuyển mục đích thực hiện 02 dự án (dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam và Nhà máy điện năng lượng mặt trời KN Vạn Ninh), trong đó:

- Đất quốc phòng năm 2022 có 152,90 ha, giảm 1,38 ha, do chuyển sang đất công trình công cộng 0,13 ha (thu hồi để thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam).

- Đất an ninh diện tích năm 2022 có 1,23 ha, không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.

- Đất cụm công nghiệp: diện tích năm 2022 có 0,63 ha, giảm 0,35 ha do chuyển sang đất công trình công cộng (Tuy nhiên, do kiểm kê nhầm loại đất – hiện tại trên địa bàn huyện chưa có loại đất này).

- Đất thương mại – dịch vụ: tăng 388,36 ha không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.

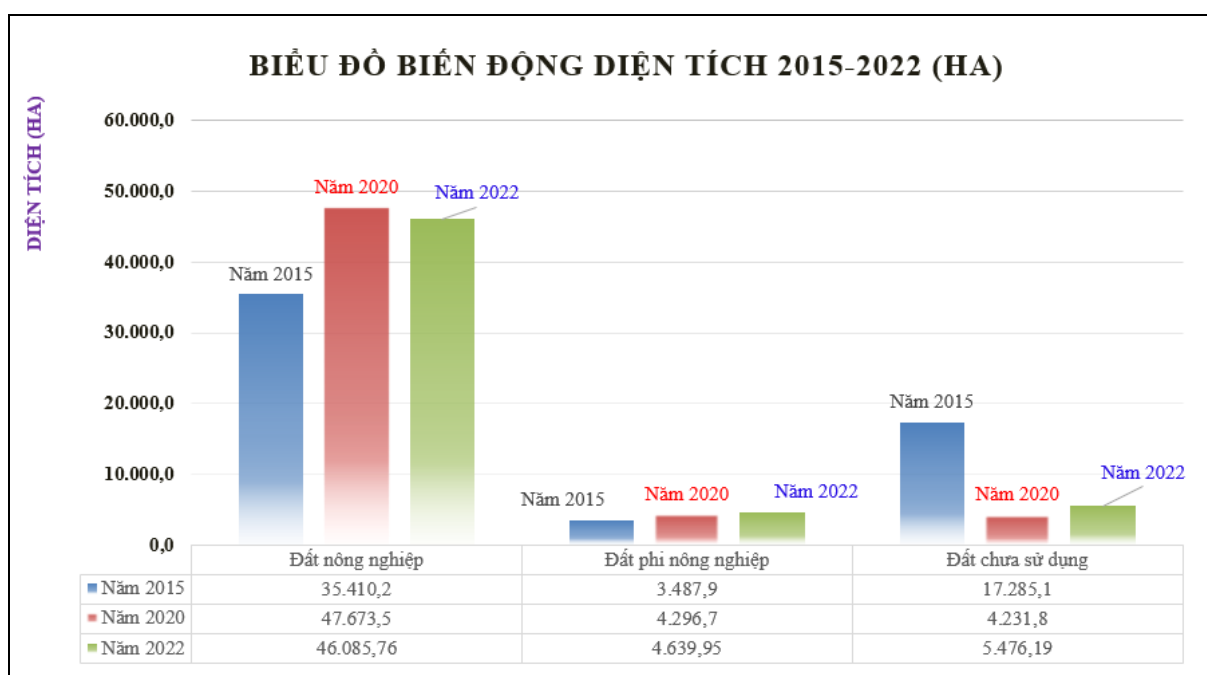
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 có 270,25 ha, giảm 0,21 ha do chuyển sang đất có mục đích công cộng (đất giao thông).

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2022 có 8,69 ha, không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2022 có 318,87 ha, giảm 4,69 ha do chuyển sang đất có mục đích công cộng (đất giao thông).

- Đất phát triển hạ tầng tăng 362,14 ha chủ yếu là tăng đất giao thông (dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam); đất công trình năng lượng tăng 119,91 ha (Nhà máy điện mặt trời KN Vạn Ninh, trạm biến áp 220 Kv Ninh Hòa (Vạn Ninh));

(Chi tiết biến động từng loại đất trong nhóm đất phát triển hạ tầng xem trong biểu Phụ biểu 01 kèm theo báo cáo này).



Hình 06. Biểu đồ biến động diện tích các loại đất giai đoạn 2015-2022 huyện Vạn Ninh

- Đất sinh hoạt cộng đồng 5,18 ha không biến động với hiện trạng năm 2020.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có 5,28 ha không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.
- Đất ở tại nông thôn giảm 3,59 ha do thực hiện các dự án khu dân cư mới và chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang.
 - + Tăng trong kỳ 1,56 ha, được lấy từ đất trồng lúa 0,06 ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,65 ha, đất trồng cây lâu năm 0,81 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,04 ha.
 - + Đất ở nông thôn giảm trong kỳ 4,98 ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng 4,69 ha và đất chưa sử dụng 0,29 ha.
- Đất ở tại đô thị năm 2022 có 94,6 ha, tăng 0,11 ha từ đất trồng cây lâu năm do chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân.
 - + Đất ở đô thị giảm trong kỳ 0,05 ha, do chuyển sang đất có mục đích công cộng.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 5,86 ha, không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.
- Đất cơ sở tín ngưỡng giảm 0,55 ha so với diện tích hiện trạng 2020 do thu hồi mở đường giao thông thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 9,13 ha do thu hồi mở đường giao thông thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam.
- Đất có mặt nước chuyên dùng giảm 0,59 ha do thu hồi mở đường giao thông thực hiện dự án đường bộ cao tốc Bắc – Nam.
- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích 4,48 ha không tăng giảm so với hiện trạng năm 2020.

* Đất chưa sử dụng năm 2022 có 5.476,19 ha, tăng 1.244,44 ha so với năm 2020 do chuyển sang đất rừng phòng hộ 1.249,25 ha, ngoài ra, diện tích đất chưa sử dụng tăng trong 2 năm vừa qua là 0,64 ha.

Ngoài diện tích biến động như ở trên, tính đến hết tháng 7/2023 thì hiện tại trên địa bàn đã thu hồi để chuyển mục đích để thực hiện thêm một số công trình dự án trong đó, các dự công trình có diện tích lớn như: Khu Tái định cư Vong Trắc Tre tại xã Vạn Phú, khu tái định cư 2-9 tại xã Vạn Phước, khu tái định cư Ninh Mã – tại xã Vạn Thọ; các khu bãi khai thác vật liệu xây dựng phục vụ nguồn vật liệu thi công cho đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn Nha Trang – Vân Phong.

Biểu 5. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015-2022 huyện Vạn Ninh

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2015		Hiện trạng năm 2020		Hiện trạng năm 2022		So sánh tăng (+), giảm (-)		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	2016-2020	2020-2022	2016-2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(6)-(4)	(11)=(8)-(6)	(12)=(8)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		56.183,16	100,00	56.201,91	100,00	56.201,91	100,00	18,75	0,00	18,75
1	Đất nông nghiệp	NNP	35.410,19	63,03	46.312,75	82,40	46.085,76	82,40	10.902,56	-226,98	10.675,57
	Trong đó:										
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.646,41	8,27	4.683,35	8,33	4.584,90	8,33	36,94	-98,45	-61,51
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2.842,97	5,06	2.886,20	5,14	2.828,22	5,14	43,23	-57,99	-14,75
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.930,30	3,44	1.759,64	3,13	1.727,66	3,13	-170,66	-31,98	-202,64
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.026,56	3,61	2.005,10	3,57	1.983,52	3,57	-21,46	-21,57	-43,04
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.437,63	31,04	14.666,30	26,10	14.657,80	26,10	-2.771,33	-8,50	-2.779,83
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	8.050,59	14,33	21.760,25	38,72	21.705,66	38,72	13.709,66	-54,59	13.655,07
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.244,71	2,22	1.283,43	2,28	1.279,13	2,28	38,72	-4,29	34,42
1.7	Đất làm muối	LMU	59,05	0,11	59,05	0,11	59,05	0,11	0,00	0,00	0,00
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	14,94	0,03	95,63	0,17	88,04	0,17	80,69	-7,59	73,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.487,90	6,21	4.416,66	7,86	4.639,95	7,86	928,76	223,29	1.152,05
	Trong đó:										
2.1	Đất quốc phòng	CQP	155,03	0,28	154,28	0,27	152,90	0,27	-0,76	-1,38	-2,13
2.2	Đất an ninh	CAN	1,45	0,00	1,23	0,00	1,23	0,00	-0,23	0,00	-0,22
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		0,00	0,00	0,00	0,63	0,00	0,00	0,63	0,63
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,47	0,00	389,89	0,69	388,36	0,69	387,42	-1,53	385,89
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	293,95	0,52	270,46	0,48	270,25	0,48	-23,49	-0,21	-23,70

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2015		Hiện trạng năm 2020		Hiện trạng năm 2022		So sánh tăng (+), giảm (-)		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	2016-2020	2020-2022	2016-2022
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	9,86	0,02	8,69	0,02	8,69	0,02	-1,17	0,00	-1,17
2.9	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	190,32	0,34	323,56	0,58	318,87	0,58	133,24	-4,69	128,55
2.10	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.606,14	2,86	1.881,77	3,35	2.123,92	3,35	275,63	242,14	517,78
	<i>Trong đó:</i>										
-	Đất giao thông	DGT	1.048,25	1,87	1.158,56	2,06	1.396,83	2,06	110,31	238,26	348,58
-	Đất thủy lợi	DTL	283,15	0,50	281,62	0,50	285,52	0,50	-1,53	3,89	2,37
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,12	0,00	2,57	0,00	2,57	0,00	1,45	0,00	1,45
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,85	0,01	6,80	0,01	6,80	0,01	-1,05	0,00	-1,05
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	54,91	0,10	57,62	0,10	57,62	0,10	2,71	0,00	2,71
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	16,52	0,03	17,02	0,03	17,02	0,03	0,50	0,00	0,50
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,84	0,00	120,75	0,21	124,48	0,21	119,91	3,73	123,64
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,97	0,00	0,99	0,00	0,99	0,00	0,02	0,00	0,02
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT		0,00	0,07	0,00	0,07	0,00	0,07	0,00	0,07
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,97	0,01	6,07	0,01	6,07	0,01	1,10	0,00	1,10
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	62,04	0,11	65,40	0,12	63,94	0,12	3,36	-1,45	1,90
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	119,34	0,21	157,29	0,28	155,00	0,28	37,95	-2,29	35,66
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,00	0,66	0,00	0,66	0,00	0,28	0,00	0,28
-	Đất chợ	DCH	5,80	0,01	6,35	0,01	6,35	0,01	0,55	0,00	0,55
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,18	0,01	5,18	0,01	5,18	0,01	0,00	0,00	0,00
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,18	0,00	5,28	0,01	5,28	0,01	3,10	0,00	3,10
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	558,28	0,99	641,21	1,14	637,62	1,14	82,93	-3,59	79,34

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2015		Hiện trạng năm 2020		Hiện trạng năm 2022		So sánh tăng (+), giảm (-)		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	2016-2020	2020-2022	2016-2022
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	88,88	0,16	94,54	0,17	94,60	0,17	5,66	0,05	5,72
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,67	0,02	5,86	0,01	5,86	0,01	-5,81	0,00	-5,81
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7,29	0,01	10,37	0,02	7,28	0,02	3,08	-3,09	-0,01
2.16	Đất tín ngưỡng	TIN	9,11	0,02	9,10	0,02	8,54	0,02	-0,01	-0,55	-0,57
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	337,89	0,60	349,13	0,62	340,00	0,62	11,24	-9,13	2,11
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	204,56	0,36	261,34	0,46	260,74	0,46	56,77	-0,59	56,18
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,64	0,01	4,80	0,01	4,80	0,01	1,16	0,00	1,16
3	Đất chưa sử dụng	CSD	17.285,07	30,77	5.472,49	9,74	5.476,19	9,74	-11.812,58	3,69	-11.808,88

3.2.3. Đánh giá chung về biến động sử dụng đất

Quá trình biến động các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2020 - 2022 là phù hợp với tình hình, xu thế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (*xem biểu đồ 2*), trong đó nhóm đất nông nghiệp giảm, đất phi nông nghiệp tăng. Do mới thực hiện phương án Quy hoạch sử dụng đất được duyệt mới hơn 2 năm nên sự biến động về các chỉ tiêu tăng lên chưa phản ánh đúng bản chất quá trình tăng, giảm chỉ tiêu các loại đất cũng như về diện tích các loại đất, đặc biệt là đất nông nghiệp.

Ngoài diện tích kiểm kê nhằm từ đất chưa sử dụng sang đất nông nghiệp thì trong thời gian qua việc đưa đất chưa sử dụng vào sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp đã đạt được những kết quả đáng kể, góp phần khai thác diện tích đất đưa vào sử dụng, cũng như bảo vệ môi trường. Việc chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng lúa) sang đáp ứng cho các mục đích phát triển cơ sở hạ tầng như: giao thông, thủy lợi, phát triển khu dân cư... cũng như xây dựng các công trình kinh tế đều được cân nhắc kỹ lưỡng, phù hợp với quy hoạch đã được duyệt, đáp ứng các quy luật phát triển của huyện, trên nguyên tắc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí.

Đất phi nông nghiệp tăng trong những năm qua tập trung chủ yếu vào các loại đất như đất giao thông, đất công trình năng lượng và đất ở nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu dân cư, các công trình dân sinh kinh tế. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng phần nào phản ánh quá trình phát triển đi lên của huyện.

3.2.4. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

2.4.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

a. Hiệu quả kinh tế:

+ Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển thương mại, dịch vụ, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư đô thị, nông thôn, đã tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển ổn định, cấu trúc kinh tế theo đúng định hướng, *tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, qua đó tạo chuyển biến lớn cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thuận lợi cho phát triển thương mại dịch vụ và nông nghiệp đi vào chiều sâu.*

+ Đóng góp lớn vào ngân sách bằng nguồn thu từ chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất. Thu tiền sử dụng đất tăng từ 21,59 tỷ đồng năm 2015 và tăng lên 61,77 tỷ đồng năm 2020, năm 2021 thu 69,58 tỷ đồng, tuy nhiên sang năm 2022 tiền thu sử dụng đất giảm xuống còn 26,45 tỷ đồng (do tạm thời dừng lại việc chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 và giảm bán đấu giá quyền sử dụng đất).

+ Hiệu quả kinh tế trên diện tích đất đai ngày càng cao, giá trị sản phẩm thu được trên 1 hecta đất trồng trọt tăng từ 40,09 triệu đồng vào năm 2015 và đạt 73,31 triệu đồng/ hecta đất trồng trọt vào năm 2020. Tuy nhiên, do đặc điểm về tập quán

sản xuất nên vẫn còn một nhiều hộ gia đình chưa thực sự quan tâm đầu tư cho sản xuất nông nghiệp dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp, chưa mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng gia tăng giá trị hàng hoá nên chưa phát huy được hiệu quả sử dụng đất. Bên cạnh đó do đặc điểm về địa hình chia cắt mạnh nên trên địa bàn huyện chưa hình thành được các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tập trung để phục vụ phát triển công nghiệp chế biến tại chỗ.

+ Với định hướng phát triển Khu kinh tế Vân Phong nên nhiều khu du lịch, thương mại, dịch vụ đã bắt đầu hình thành và phát triển, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giải quyết việc làm và nâng cao của người dân.

b. Hiệu quả xã hội

Các khu dân cư mới, các dự án du lịch – dịch vụ được hình thành, cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp đã tạo ra rất nhiều việc làm mới cho người dân (*Công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề được thường xuyên quan tâm, bình quân hằng năm số người lao động có việc làm tăng thêm: năm 2021 là 1.100 người, năm 2022 là 1.401 người, góp phần nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo (tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn huyện là 13,01% năm 2015, đến cuối năm 2020 còn 2,15%; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,51% vào năm 2022).*

Thông qua việc phân bổ, sử dụng đất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ, chuyển quỹ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp đã tạo được nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần ổn định đời sống cho người dân và phát triển kinh tế của địa phương. Cơ cấu lao động chuyển đổi theo chiều hướng tích cực (tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm), tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động (*tăng thêm hàng năm trung bình khoảng 1.400 người*), cùng với đó công tác an ninh trật tự xã hội được đảm bảo, tệ nạn xã hội giảm mạnh. Nhiều hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa, phong trào văn hóa thể thao phát triển, các tổ chức xã hội được giữ vững và ngày càng phát triển. Việc sử dụng đất ngày càng ổn định, người dân ý thức hơn về vai trò trách nhiệm trong sử dụng đất.

Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp, đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

Đối với phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, đô thị và dịch vụ: Việc chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về đất để triển khai thực hiện các công trình, dự án đầu tư, tạo bước đi phù hợp với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian góp phần đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình, dự án. Diện tích đất được giao để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp (đất công cộng, đất sản xuất kinh doanh, đất thương mại, dịch vụ, đất ở,...) ngày càng tăng, góp phần đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

c. Hiệu quả môi trường:

Cảnh quan môi trường ở huyện đã được quan tâm, triển khai nhiều dự án về

môi trường và xây dựng được phong trào xanh sạch đẹp môi trường đô thị và nông thôn.

Việc khai thác đất chưa sử dụng, diện tích đất rừng hàng năm được trồng bổ sung, trồng mới và bảo vệ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phát triển diện tích rừng đem lại hiệu quả kinh tế và cải thiện môi trường, chống xói mòn đất, nâng cao tỷ lệ che phủ của rừng làm tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp.

2.4.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a. Cơ cấu sử dụng đất

* Mặt tích cực:

Cơ cấu sử dụng đất chung của huyện đang có hướng chuyển dịch theo hướng hợp lý hơn phù hợp điều kiện tự nhiên của huyện và đáp ứng phần nào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội cho thấy việc khai thác sử dụng đất tương đối hiệu quả.

- Hiện trạng năm 2022, trong diện tích đất nông nghiệp thì diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ lớn, chiếm 64,70% tổng diện tích tự nhiên và chiếm 78,9% diện tích đất nông nghiệp toàn huyện, phù hợp với điều kiện địa hình và thổ nhưỡng của huyện, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế nguy cơ gây sạt lở đất, lũ quét,...

Biểu 6. Cơ cấu sử dụng đất huyện Vạn Ninh giai đoạn 2016-2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2022		So sánh biến động	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		56.201,91	100	56.201,91	100	0,0	0,0
1	Đất nông nghiệp	47.673,50	84,83	46.085,76	82,00	-1.587,74	-2,83
2	Đất phi nông nghiệp	4.296,66	7,65	4.639,95	8,26	343,29	0,61
3	Đất chưa sử dụng	4.231,75	7,53	5.476,19	9,74	1.244,44	2,21

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai năm 2020, 2022 của huyện

- Đất đai của huyện Vạn Ninh đã được đưa vào khai thác triệt để, tiết kiệm và khá hợp lý cho các mục đích dân sinh kinh tế ngày càng tăng, diện tích đất chưa sử dụng giảm dần theo từng năm. Với điều kiện đất đai của huyện, diện tích đất đang sử dụng cho nông nghiệp chiếm tỷ lệ như trên là tương đối phù hợp.

- Mặc dù diện tích đất phi nông nghiệp hiện tại (8,26%), phản ánh đúng phần nào về hiện trạng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và xã hội của huyện. Tuy nhiên, tỷ lệ đất cơ sở hạ tầng (mới chỉ 3,35%), phát triển còn chưa thật sự đồng bộ, mới chỉ tập trung ở khu vực trung tâm (thị trấn Vạn Giã); các khu vực khác tỷ lệ đất xây dựng đô thị vẫn còn thấp (đối với các khu vực định hướng phát triển đô thị. Chưa tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện gắn với Khu kinh tế Vân Phong.

* Mặt hạn chế:

- Trong đất nông nghiệp ngoài diện tích đất chuyên trồng lúa nước (8,33%) phân bố tập trung, còn lại các loại đất khác phân bố dàn trải ở tất cả các khu vực ở trên địa bàn huyện nên ít hình thành nên các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao.

- Diện tích đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhưng thực tế diện tích đất lâm nghiệp có rừng chỉ có 28.372,50 ha (chiếm gần 50,48% DTTN và chiếm 78,02% diện tích đất lâm nghiệp theo số liệu hiện trạng. Do đó, tỷ lệ che phủ rừng hiện tại của huyện mới đạt trên 50%. Do đó, giai đoạn tiếp theo phải tập trung cho công tác trồng, khoanh nuôi, bảo vệ để ngày nâng cao tỷ lệ che phủ rừng góp phần vào mục khai thác triệt để tiềm năng đất đai cho phát triển lâm nghiệp nhằm tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế nguy cơ thoái hoá đất,...

- Ngoài ra diện tích đất chưa sử dụng đã được khai thác đưa vào sử dụng trong thời gian vừa qua, nhưng còn chiếm tỷ trọng cao 9,74% trong cơ cấu sử dụng đất, do đó cần tiếp tục có sự đánh giá và đầu tư để khai thác đưa vào sử dụng trong những năm tới.

b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội

- Đất nông nghiệp:

+ Đối với đất chuyên trồng lúa nước: có diện tích 4.584,90 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước 2.828,22 ha), tập trung chủ yếu ở khu vực các xã (Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Bình, Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước). Đây là khu vực chuyển tiếp giữa vùng nuôi trồng thủy sản, dân cư phía Đông QL1 và vùng núi phía Tây của huyện và mặt khác phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng, thuận lợi nguồn nước nên việc bố trí canh tác lúa nước rất phù hợp với thực tế sản xuất của đại đa số dân cư của khu vực này. Do đó, tiếp tục giữ ổn định diện tích đất trồng lúa tập trung tại các khu vực này (ngoại trừ các khu vực đã định hướng chuyển đổi phát triển theo quy hoạch Khu kinh tế Vân Phong đã được Chính phủ phê duyệt.

+ Đối với đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm: phân bố đều trên địa bàn các xã, (riêng thị trấn Vạn Giã, xã Đại Lãnh, Vạn Long có diện tích ít, phân bố nhỏ lẻ xen kẽ trong khu dân cư dạng vườn tạp), đã có hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá (trồng tỏi ở Vạn Hưng, trồng Dừa ở Vạn Thọ, trồng Điều ở Xuân Sơn, Vạn Thắng,...) trong tương lai cần tiếp tục hình thành thêm các vùng sản xuất thâm canh, chất lượng cao, phát huy được lợi thế về thổ nhưỡng, khí hậu, tập quán canh tác của địa phương theo định hướng trong chương trình phát triển nông nghiệp của huyện đến năm 2025.

+ Đối với đất lâm nghiệp: Diện tích đất lâm nghiệp hiện nay chiếm 68,7% tổng DTTN. Diện tích đất lâm nghiệp lớn phù hợp với điều kiện địa hình đồi núi phía Tây của huyện, góp phần giảm thiểu thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái. Tiếp tục các biện pháp phát triển rừng trên phần diện tích đất chưa có rừng. Ngoài ra, cần có giải pháp phát triển kinh tế tổng hợp, kết hợp phát triển lâm nghiệp gắn với trồng

trọt, chăn nuôi dưới tán rừng; phát triển lâm nghiệp gắn với phát triển du lịch sinh thái... để phát huy hiệu quả kinh tế từ rừng.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Với điều kiện thuận lợi với vị trí của 11/13 xã, thị trấn có mặt tiếp giáp với biển với tổng diện tích 1.279,13 ha, nuôi trồng thủy sản nước lợ (tôm thẻ chân trắng, ốc hương,...) là một trong những lợi thế của huyện Vạn Ninh trong những năm vừa qua. Với thuận lợi về điều kiện tự nhiên và quá trình phát triển thì hiện trạng diện tích đất nuôi trồng thủy sản phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế. Tiếp tục duy trì và phát triển vùng nuôi tập trung khu vực Vạn Hưng và các khu vực nuôi trên biển để phát huy tối đa lợi thế của địa phương.

- Đối với đất phi nông nghiệp:

+ Đối với đất an ninh - quốc phòng: Việc bố trí đất an ninh – quốc phòng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa bàn huyện. Tuy nhiên, hiện nay vẫn thiếu quỹ đất an ninh để xây dựng trụ sở công an cho các xã, thiếu quỹ đất xây dựng các thao trường huấn luyện cho lực lượng dân quân tự vệ,...ngoài ra, sẽ điều chỉnh cập nhật bổ sung diện tích đất quốc phòng theo chỉ tiêu phân khai trong quy hoạch tỉnh cho huyện.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: hiện nay hầu hết các cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phân bố nhỏ lẻ tại địa bàn các xã, thị trấn, thiếu tính liên kết, quỹ đất còn ít, chưa hình thành các khu vực tập trung trong việc đảm bảo yếu tố môi trường cũng như thúc đẩy được sản xuất phát triển.

+ Đối với đất thương mại – dịch vụ: Tuy diện tích đất thương mại dịch vụ hiện tại trên địa bàn huyện có diện tích lớn nhưng các cơ sở phát triển dịch vụ, du lịch chủ yếu tập trung tại xã Vạn Thạnh, Đại Lãnh..., theo các dự án kêu gọi đầu tư của Khu kinh tế Vân Phong, còn lại các địa phương khác chủ yếu phân bố nhỏ lẻ qua đó cho thấy thực trạng ngành thương mại – dịch vụ của huyện dù đã phát triển nhưng chưa đáp ứng được tốc độ phát triển kinh tế xã hội cũng như tiềm năng thế mạnh vốn có của huyện cũng như theo định hướng quy hoạch.

+ Đất khai thác khoáng sản: theo đánh giá về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện tương đối nhiều, tuy nhiên diện tích hiện trạng đang khai thác chủ yếu là diện tích mỏ cát Riolit tại khu vực Đầm Môn, các khu vực còn lại chưa được triển khai thăm dò khai thác, do đó việc khai thác diện tích đất cho hoạt động khoáng sản trên địa bàn huyện vẫn còn hạn chế.

+ Các cơ sở khai thác vật liệu xây dựng (chủ yếu là khai thác đất, đá xây dựng) tập trung tại các xã: Vạn Thắng, Vạn Khánh, Xuân Sơn, Vạn Hưng, Vạn Thạnh quy mô diện tích cơ bản đáp ứng được nhu cầu về đất san lấp mặt bằng, đá xây dựng tại địa bàn huyện và các khu vực lân cận. Tuy nhiên, thời gian tới cần bố trí nhiều quỹ đất hơn để phục vụ cho các công trình dự án dự kiến sẽ đầu tư vào trên địa bàn huyện.

+ Đất phát triển hạ tầng: Hiện trạng mạng lưới giao thông phân bố tương đối hợp lý, hầu hết các tuyến đường đến trung tâm các xã đã được cứng hoá. Các tuyến

đường trên địa bàn huyện thời gian vừa qua đã được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng cho người dân đi lại và vận chuyển hàng hoá; Các công trình thuỷ lợi cơ bản đáp ứng đáp ứng được nhu cầu tưới và cấp nước cho sản xuất nông nghiệp; Tuy nhiên quỹ đất bố trí cho các công trình y tế, giáo dục, thể thao, chợ, đất bãi thải, xử lý chất thải, đất nghĩa trang, nghĩa địa còn thiếu cần được quy hoạch bổ sung trong thời gian sắp tới theo định hướng quy hoạch.

+ Đất ở: Bình quân diện tích đất ở trên hộ dân ở mức trung bình so với các địa phương khác (bình quân đất ở 190,37 m²/hộ. Các khu dân cư tại địa bàn các xã cơ bản phân bố tập trung, tuy nhiên vẫn còn các nhóm nhà (vài hộ) sống tại các khu vực xen kẽ trong các khu vực sản xuất dẫn đến khó khăn trong đầu tư cơ sở hạ tầng đặc biệt là hệ thống giao thông, điện, nước sinh hoạt. Một số khu dân cư có vị trí sát chân núi, gần bờ sông suối có nguy cơ sạt lở (khu vực các hộ tại chân đèo Cả (xã Đại Lãnh)...đã được di dời và tái định cư tại vị trí khác, nhằm đảm bảo an toàn tính mạng của người dân.

Qua đánh giá hiện trạng sử dụng đất cho thấy hiện tại cơ cấu sử dụng đất là tương đối hợp lý. Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới trong định hướng phát triển của Khu kinh tế Vân Phong nói chung và huyện Vạn Ninh nói riêng thì việc phải quy hoạch chuyển đổi một diện tích rất lớn từ đất nông nghiệp sang các mục đích phi nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp từ đó cơ cấu của từng loại đất sẽ có sự thay đổi lớn theo mục tiêu phát triển giai đoạn trong đó cần chú trọng mục tiêu sử dụng đất đai tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường.

c. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại địa phương

Huyện đã thực hiện nhiều chính sách, giải pháp tương đối toàn diện liên quan đến vấn đề đầu tư vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật, đòn bẩy kinh tế... trong sử dụng đất. Mọi đối tượng sử dụng đất, chủ sử dụng đất đều có cơ hội nhận được sự đầu tư và có thể đầu tư đất đai theo năng lực của mình.

Tình hình thu hút đầu tư, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư vào phát triển nông nghiệp; công nghiệp theo quy hoạch và các lĩnh vực có lợi thế: tập trung chỉ đạo tuyên truyền, vận động giải quyết vướng mắc trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng hạng mục dự án, Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã, đường Lê Lợi, kè đường từ đường sắt đến cầu huyện, điện Mặt trời KN Vạn Ninh, đường Cổ Mã – Đàm Môn, đường ngoài cảng trung chuyển quốc tế, đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, 03 khu tái định cư phục vụ cho cao tốc, trạm biến áp 220 kv Ninh Hòa (Vạn Ninh),... ngoài ra:

+ Trong sản xuất nông nghiệp: sản xuất lúa giống được nhân rộng và hình thành vùng sản xuất lúa tập trung, góp phần nâng cao năng suất từ 59,33 tạ/ha (năm 2016) lên 61,46 tạ/ha (năm 2020) và lên 65,04 tạ/ha vào năm 2022. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa một vụ để phát triển cây ngô cao sản, ngô lai, cây đậu

phụng... làm tăng giá trị bình quân trên đơn vị diện tích canh tác đạt 50 triệu đồng/ha, hình thành các vùng trồng cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao như cây Xoài với diện tích đến nay có 338 ha, cây Dừa Xiêm với diện tích 266 ha... và các loại cây trồng khác. Đặc biệt đã hình thành vùng trồng tỏi tập trung trên địa bàn huyện với diện tích 200ha; Các mô hình chăn nuôi gia trại, trang trại tăng về số lượng và hiệu quả; một số mô hình kinh tế trang trại, kinh tế vườn đem lại hiệu quả cao.

+ Nuôi trồng thủy sản: Huyện đã quy hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản trên biển với 915 ha để đáp ứng nhu cầu của người dân. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho đánh bắt và nuôi trồng thủy sản được đầu tư nâng cấp, xây dựng mới như Cảng cá Đại Lãnh, Bến cá Quảng Hội;

+ Một số làng nghề truyền thống của địa phương được Nhà nước hỗ trợ đầu tư để khôi phục và phát triển như: làng nghề Gốm xã Vạn Bình, làng nghề xoi trầm hương xã Vạn Thắng; một số cơ sở sản xuất đã mua sắm thiết bị hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào chiết xuất tinh dầu trầm hương, làm gốm truyền thống và sản xuất gói xi măng... góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tạo thêm việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn góp phần nâng cao hiệu quả ử dụng đất.

2.5. Đánh giá tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện đã được tăng cường, góp phần không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế xã hội chung toàn huyện. Tuy nhiên quá trình sử dụng đất vẫn còn một số tồn tại sau:

***. Những tồn tại trong việc sử dụng đất**

- Vạn Ninh được định hướng với nhiều dự án công trình trọng điểm trong KKT Vân Phong, tuy nhiên vừa qua việc phân phối quỹ đất cho các ngành còn chưa hợp lý, chưa đáp ứng kịp trong thời kỳ đổi mới và chưa xứng với tiềm năng của huyện. Cụ thể quỹ đất dành cho mục đích sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, khai thác vật liệu xây dựng, khoáng sản...còn hạn chế, dẫn đến có loại đất không còn chỉ tiêu để đưa vào kế hoạch thực hiện dự án .

- Tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích, không có hoặc không theo quy hoạch vẫn xảy ra; sử dụng đất phân tán, manh mún còn phổ biến. Trong sản xuất nông nghiệp vẫn thiếu các giải pháp đồng bộ như chưa giải quyết tốt giữa khai thác sử dụng với cải tạo đất, giữa sản xuất với tiêu thụ và chế biến sản phẩm, giữa mục đích kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái,... đã ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả sử dụng đất.

- Diện tích đất chưa sử dụng không còn nhiều, khả năng mở rộng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp từ quỹ đất chưa sử dụng rất hạn chế.

- Diện tích thửa ruộng phần lớn còn manh mún, dẫn đến không có vùng thâm canh sản xuất cây trồng tập trung vì vậy chưa cho sản phẩm hàng hóa lớn. Mặc dù

công tác dồn điền đổi thửa để tạo vùng thâm canh tập trung đã được quan tâm nhưng chưa hoàn thiện.

Quỹ đất dành cho các hoạt động phát triển kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu du lịch... chưa được khai thác sử dụng hiệu quả, một số công trình, dự án đã được giao đất nhưng tiến độ triển khai còn chậm hoặc chưa được thực hiện, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất. Việc chỉnh trang, xây dựng các khu dân cư đô thị và nông thôn thiếu quy hoạch hợp lý cả về kinh tế và kỹ thuật.

- Trong quá trình sử dụng đất, việc quản lý chưa chặt chẽ, nhất là cấp cơ sở đã dẫn đến việc sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả và còn sai mục đích.

***. Nguyên nhân những tồn tại trong việc sử dụng đất**

- Vạn Ninh thuộc KKT Vân Phong do thời gian vừa qua với nhiều định hướng phát triển KTXH có sự điều chỉnh thay đổi (nhất là các định hướng của Đảng Nhà nước cho sự phát triển của tỉnh Khánh Hòa, Khu kinh tế Vân Phong, việc thực theo các chỉ tiêu Quy hoạch chung KKT Vân Phong, Quy hoạch tỉnh mới được phê duyệt, mặt khác điều kiện kinh tế của huyện không cao, cơ sở hạ tầng chưa được quan tâm đầu tư dẫn đến chưa thực sự hấp dẫn với các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh, phát triển thương mại – dịch vụ tại huyện.

- Nông nghiệp còn sản xuất manh mún, chưa hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá nên thiếu nguyên liệu để phục vụ cho chế biến tại chỗ, dẫn đến công nghiệp còn kém phát triển.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động sử dụng đất của các chủ sử dụng đất trên thực tế chưa được thực hiện triệt để, nhất là trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng nên tình trạng khai thác không theo quy hoạch vẫn còn xảy ra (nhất là tình trạng khai thác cát dọc khu vực thôn Tuần Lễ - Vạn Thọ), việc lấn chiếm đất đai của nhà nước, khiếu kiện liên quan đến đất đai cũng diễn ra khá phức tạp trên địa bàn nhạy cảm khi biết có dự án công trình sẽ chuẩn bị triển khai thực hiện.

- Nhận thức của người dân về chính sách đất đai không đều, ý thức của người sử dụng đất chưa cao, chưa chấp hành nghiêm pháp luật đất đai.

***. Giải pháp khắc phục**

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai năm 2013; hướng dẫn công khai thủ tục thi hành Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản dưới luật để nâng cao nhận thức cho toàn xã hội.

+ Tiếp tục chỉ đạo sớm hoàn chỉnh các quy hoạch phân khu theo điều chỉnh Quy hoạch chung KKT Vân Phong, định hướng chiến lược phát triển kinh tế của khu vực sớm nhất để triển khai các bước tiếp theo, giảm bớt các xáo trộn trong quy hoạch và quản lý quy hoạch, kêu gọi đầu tư.

+ Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, thường xuyên tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, có chính sách phù hợp để kêu gọi các nhà đầu tư đến với KKT Vân

Phong đến với huyện; tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, từng bước tạo ra các vùng nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, nhằm thúc đẩy sản xuất công nghiệp của huyện phát triển.

+ Từng bước xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cập nhật thông tin đầy đủ, chính lý biến động kịp thời và thường xuyên. Đầu tư ứng dụng công nghệ trong quá trình quản lý sử dụng đất.

+ Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khoanh nuôi phục hồi rừng và trồng rừng, trước mắt cần tập trung vào trồng rừng và phải có chính sách khuyến khích trồng rừng.

+ Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; tăng cường sức hút đầu tư phát triển kinh tế, đô thị bằng những chính sách hợp lý cũng như ưu tiên đầu tư vốn cho các công trình, dự án trọng điểm. Về đất đô thị, đất khu dân cư nông thôn cần giải quyết nhanh và gọn khâu quy hoạch chi tiết với xây dựng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định trong quản lý, sử dụng đất và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

- Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, và kế hoạch năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Vạn Ninh; Kết quả thực hiện danh mục công trình dự án trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh xem chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo báo cáo thuyết minh.

Căn cứ số liệu thống kê đất đai năm 2022 huyện Vạn Ninh, căn cứ danh mục các công trình dự án đã và đang triển khai thực hiện, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất của huyện như sau:

3.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch được duyệt

Đối với diện tích tự nhiên: Diện tích tự nhiên theo chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 57.221,91 ha. Diện tích tự nhiên huyện Vạn Ninh có đến hết năm 2022 (31/12/2022) 56.201,91 ha, thấp hơn so với 1.020,01 ha (diện tích chủ yếu là phần lấn biển) so với chỉ tiêu quy hoạch được duyệt (đạt 98%).

a. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch đất nông nghiệp

- Diện tích đất nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 có 41.064,73 ha.

- Diện tích đất nông nghiệp thực hiện đến năm 2022 có 46.085,76 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 5.021,04 ha, vượt 12,23% so với quy hoạch được duyệt. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do cập nhật lại hiện trạng rừng trong kỳ thống kê năm

2022 (nhằm lấn phần đất chưa sử dụng và đất rừng phòng hộ) dẫn đến diện tích đất rừng tăng cao. Ngoài ra, nhiều công trình dự án trong KKT Vân Phong chưa triển khai thực hiện (do mới triển khai thực hiện quy hoạch hơn 2 năm) do đó diện tích đất nông nghiệp còn lại cao hơn nhiều so với quy hoạch được duyệt.

Trong đó:

+ Đất trồng lúa năm 2022 có 4.584,90 ha, cao hơn 1.026,48 ha so với chỉ tiêu được duyệt, trong đó: đất chuyên trồng lúa nước năm 2022 có 2.828,22 ha, cao hơn chỉ tiêu được duyệt 559,06 ha, đạt 124,64%. Diện tích đất lúa cao hơn chỉ tiêu được duyệt do chưa chuyển đổi để thực hiện dự án khu đô thị Tu Bông – Cổ Mã và diện tích thiếu nước định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang mục đích khác.

+ Đất trồng cây hàng năm năm 2022 có 1.727,66 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 644,96 ha, đạt 159,57 %. Diện tích cao hơn do chưa thực hiện chuyển sang đất trồng cây lâu năm và chuyển để thực hiện các công trình dự án.

+ Đất trồng cây lâu năm năm 2022 đạt 1.983,52 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 187,51 ha, đạt 91,36% so với chỉ tiêu được duyệt. Diện tích đất trồng cây lâu năm đạt cao thấp chủ yếu do chuyển từ đất trồng cây hàng năm, đất chưa sử dụng sang.

+ Đất rừng phòng hộ năm 2022 có 14.657,80 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 90,15 ha, đạt 99,39%. Cơ bản đáp ứng và giữ nguyên diện tích theo phương án quy hoạch.

+ Đất rừng sản xuất năm 2022 đạt 21.705,66 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 3.367,46 ha, đạt 118,36 %. Diện tích đất rừng sản xuất đạt cao do chưa thực hiện việc chuyển đổi đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp và phi nông nghiệp như quy hoạch được duyệt, mặt khác diện tích tăng cao do cập nhật lại hiện trạng rừng theo kết quả ra soát lại hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh.

+ Đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 đạt 1.279,13 ha, cao hơn 599,94 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 188,33 %. Diện tích còn lại lớn hơn quy hoạch được duyệt không phải do mở rộng diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà do chưa chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản sang thực hiện các công trình dự án trong kỳ quy hoạch.

+ Đất làm muối năm 2022 đạt 59,05 ha, cao hơn 2,54 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 169,16 %. Diện tích thực hiện cao hơn do chưa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch được duyệt.

+ Đất nông nghiệp khác năm 2022 đạt 88,04 ha, thấp hơn 364,28 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 19,46 %. Diện tích đạt thấp do chưa thực hiện chuyển đổi đưa sang các vùng trang trại tại xã Vạn Hưng, nuôi Yến tại xã Vạn Thạnh,... nên đất nông nghiệp đạt thấp so với quy hoạch được duyệt.

b. Kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch đất phi nông nghiệp

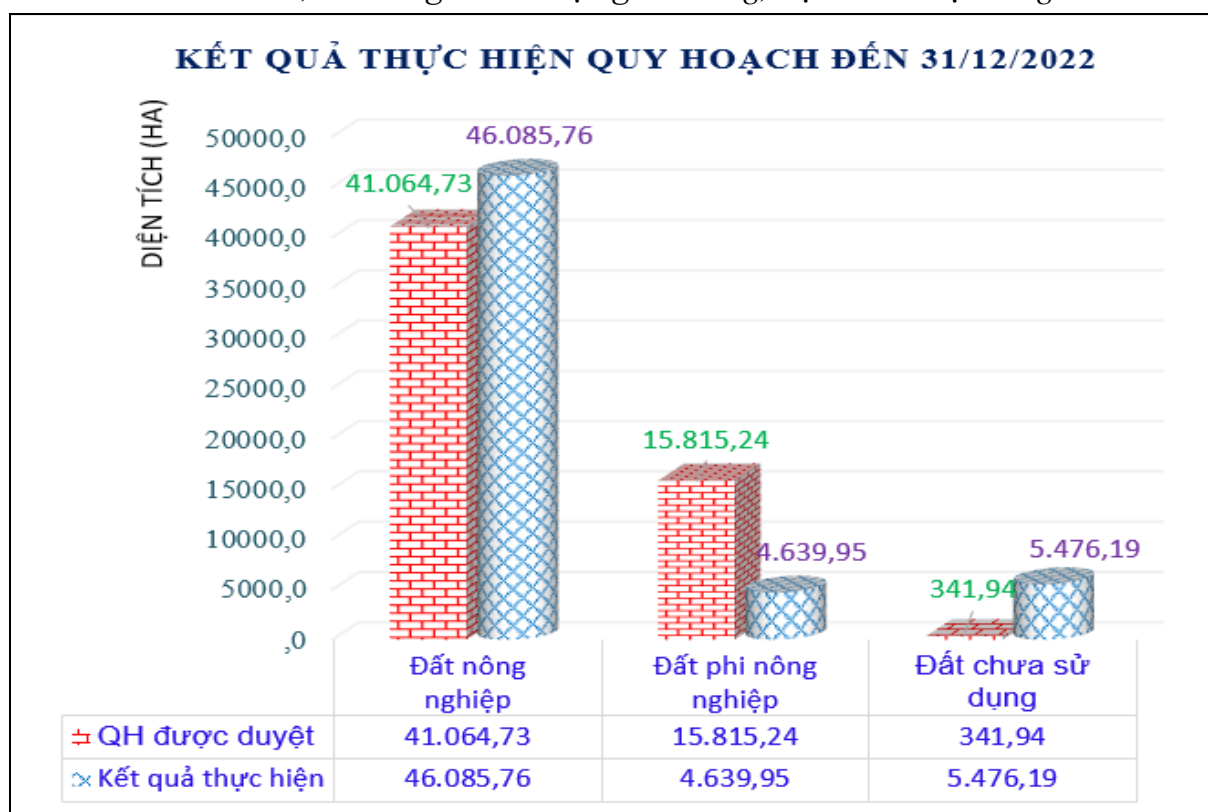
- Diện tích đất phi nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt đến năm 2022 có 4.639,95 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp thực hiện đến năm 2022 có 4.416,66 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 11.175,29 ha, đạt 29,39 % so với quy hoạch được duyệt.

Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: diện tích năm 2022 có 152,90 ha, đạt 19,2%, thấp hơn 643,61 ha so với chỉ tiêu được duyệt do chưa thực hiện các công trình quốc phòng như quy hoạch được duyệt (*Thao trường huấn luyện Vạn Ninh, Mở rộng trường bắn huyện tại Vạn Khánh và các phân khu hạ tầng kỹ thuật,...*).

- Đất an ninh: Diện tích thực hiện năm 2022 có 1,23 ha, thấp hơn 11,92 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Do chưa thực hiện các công trình đất an ninh như: *Đồn Công an phòng cháy, chữa cháy và công an khu Kinh tế Vân Phong, Trụ sở phòng cảnh sát PCCC và TKCN số 3, Bãi lưu giữ xe tai nạn giao thông, trụ sở làm việc công an các xã...*



- Đất khu công nghiệp: Diện tích thực hiện năm 2022 có 0,0 ha, thấp hơn 1.010,0 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Do chưa triển khai thực hiện các khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, Xuân Sơn và Vạn Lương.

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích thực hiện năm 2022 có 388,36 ha, thấp hơn 3.924,75 ha (đạt 9,0%) so với chỉ tiêu được duyệt do chưa thực hiện nhiều dự án thương mại dịch vụ như: KDL sinh thái Bãi cây Bàng, KDL sinh thái Tây Bắc Hòn Lớn - Vân Phong, các dự án khu vực trung tâm bán đảo Hòn Gốm, Khu Tản Lẽ - Hòn Ngang và khu Tu Bông – Cổ Mã,...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích thực hiện năm 2022 có 270,25 ha, đạt 75,03 % và cao hơn 89,92 ha so với chỉ tiêu được duyệt chưa đưa vào thực hiện 1 số công trình dự án như: Mở rộng nhà máy hạt điều Sao Việt, khu giết mổ gia súc gia cầm tập trung,...

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đến năm 2022 có 8,69 ha, đạt 12,58 % và thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 60,37 ha (*do chưa triển khai thực hiện các công trình đưa vào quy hoạch*).

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đến năm 2022 có 318,87 ha, đạt 31,06% và thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 707,70 ha. Diện tích đất đưa vào quy hoạch cho các khai thác thăm do khoáng sản, làm vật liệu xây dựng thông thường chưa đưa vào thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: năm 2022 có diện tích 2.123,92 ha, thấp hơn 2.898,69 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 72,29%. Đất phát triển đạt thấp do còn nhiều công trình, dự án đưa vào quy hoạch nhưng chưa được thực hiện, trong đó có những dự án lớn như:

+ Hệ thống đường trong khu đô thị Tu Bông – Cổ Mã, Tuần Lễ Hòn Ngang, khu vực Hòn Gôm,...

+ Hệ thống đường gom dọc QL 1.

+ Đường Ven Biển đoạn từ Vạn Hưng đến Ninh Hòa.

+ Mở rộng đường Nguyễn Huệ, các tuyến đường huyện,...

+ Hồ Đồng Điền, hồ Ninh Tân, Ninh Đảo, Khải Lương, hệ thống cấp nước thô Vân Phong,...

+ Các trạm điện 110kv Đàm Môn, Vân Phong,...

+ Nghĩa trang Bắc Vân Phong, Nghĩa trang Nam Vạn Ninh.

+ Khu xử lý rác thải Bắc Vân Phong tại xã Vạn Khánh,...

+ ...

- Đất danh lam thắng cảnh: diện tích năm 2020 là 0,0 ha, so với quy hoạch được duyệt là 210,9 ha (chưa đưa vào thực hiện). Tuy nhiên, khu vực này (Di tích danh thắng Mũi Đôi – Hòn Đầu) hiện nay đã được công nhận là danh thắng cấp Quốc Gia, do đó trong kỳ quy hoạch tiếp theo cơ bản chỉ khoanh vùng bảo vệ đối với khu danh thắng, vì ở xung quanh khu vực này lâu nay đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quy hoạch chung KKT Vân Phong để phát triển nhiều dự án du lịch – dịch vụ.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: năm 2022 có diện tích 5,18 ha, thấp hơn 0,29ha so với chỉ tiêu được duyệt. Thấp hơn do 1 phần các nhà sinh hoạt bị thu hồi 1 phần để mở rộng các tuyến đường giao thông.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: năm 2022 có diện tích 5,28 ha, thấp hơn 380,45 ha so với chỉ tiêu được duyệt, do chưa đưa vào triển khai thực hiện một số công trình dự án như: Công viên - Quảng trường 14/8 huyện, TT vui chơi giải trí xã Vạn Hưng, công viên cây xanh trong các khu dân cư, khu đô thị theo quy hoạch được duyệt,...

- Đất ở tại nông thôn: năm 2022 có diện tích 637,62 ha, thấp hơn 176,59 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 138,3%. Diện tích đất ở nông thôn đạt cao do chưa thực hiện theo kế hoạch phát triển đô thị dự kiến chuyển Xã Đại Lãnh; Xã Vạn Thắng; Xã Vạn Khánh; Xã Vạn Long; Xã Vạn Lương; Xã Vạn Phú sang đô thị (đất ở nông thôn

sẽ chuyển thành đất ở đô thị). Do đó, diện tích đất ở nông thôn vẫn chưa chuyển loại đất dẫn đến chỉ tiêu đất ở nông thôn còn lại lớn hơn so với quy hoạch được duyệt mặt khác cũng có nhiều dự án đất ở nông thôn đã triển khai thực hiện làm cho diện tích đất ở nông thôn tăng thêm.

- Đất ở tại đô thị: năm 2022 có diện tích 94,6 ha, thấp hơn 1.658,60 ha so với chỉ tiêu được duyệt, đạt 5,4%. Một số dự án khu dân cư đô thị, dự án đô thị mới Tu Bông – Cổ Mã, dự án đô thị Mũi Đá Sơn, Trung tâm bán đảo Hòn Gôm chưa thực hiện và các xã dự kiến đưa vào phát triển đô thị chuyển từ đất ở nông thôn sang đất ở đô thị dẫn đến chỉ tiêu đạt thấp.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất trụ sở của tổ chức sự nghiệp: năm 2022 có diện tích 5,86 ha, thấp hơn 7,47 ha so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất sông ngòi, kênh, rạch suối: năm 2022 có diện tích 340,00 ha, cao hơn 51,90 ha so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: năm 2022 có 260,74 ha, cao hơn 186,21 ha so với chỉ tiêu được duyệt. Diện tích thực hiện đạt cao hơn nhiều do chưa thực hiện chuyển các chỉ tiêu do kiểm kê nhầm đất các hồ thủy lợi sang đất mặt nước chuyên dùng.

c. *Nhóm đất chưa sử dụng*: Năm 2022 còn 5.476,19 ha, cao hơn 5.134,25 so với chỉ tiêu được duyệt do chưa khai thác đưa vào sử dụng theo đúng quy hoạch sử dụng đất được duyệt.

(Chi tiết xem biểu 02 kèm theo báo cáo thuyết minh)

3.1.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Căn cứ số liệu chuyển mục đích sử dụng đất được phê duyệt trong kỳ quy đến năm 2030 và kết quả chuyển mục đích sử dụng đất thực tế tại huyện Vạn Ninh giai đoạn 2021-2023; Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện Vạn Ninh như sau:

*** Đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp:**

Giai đoạn 2021- 2023 chuyển 338,66ha/7.456,34 ha, đạt 4,54% so với quy hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện chuyển mục đích còn 7.117,68 ha.

Trong đó:

- Đất trồng lúa: chuyển 98,47 ha, đạt 9,66% so với quy hoạch. Diện tích chưa thực hiện chuyển mục đích còn 920,58 ha, một số công trình đã thực hiện có chuyển mục đích đất lúa chủ yếu là đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, trạm biến áp 220 kv Ninh Hòa (Vạn Ninh),... các công trình còn lại chưa thực hiện chuyển mục đích đất lúa như: tuyến Quốc lộ 1 tránh trung tâm thị trấn Vạn Giã, đường Nguyễn Huệ, các điểm dân cư xã Vạn Lương, Vạn Phú, Vạn Thắng, Vạn Khánh và nhiều nhất là đề xuất chuyển mục đích trong khu đô thị Tu Bông – Cổ Mã theo quy hoạch chung KKT Vân Phong,...

- Đất trồng cây hàng năm khác: thực hiện 31,90 ha, đạt 4,12 %, diện tích chưa thực hiện 742,77 ha so với quy hoạch (774,67 ha), do một số công trình chưa thực hiện như: chưa thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ cây hàng năm sang cây lâu năm tại khu vực xã Vạn Lương, Vạn Hưng, diện tích chưa chuyển mục đích để thực

hiện các dự án đô thị, thương mại dịch vụ tại các xã khu vực Tu Bông và Vạn Thạnh,...

- Đất trồng cây lâu năm: thực hiện 21,82 ha, đạt 3,41 %, diện tích chưa thực hiện 617,60 ha so với quy hoạch, do một số công trình chưa thực hiện như: các công trình dự án đất phi nông nghiệp, các tuyến đường giao thông nông thôn, chuyển mục đích đất ở,...

- Đất rừng phòng hộ: chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt 184,9 ha (chủ yếu do chuyển sang đất công trình quốc phòng).

- Đất rừng sản xuất: thực hiện 174,58 ha, đạt 4,15 %, thấp hơn 4.029,70 ha so với quy hoạch, trong đó: do chưa thực hiện chuyển đổi cơ cấu theo quy hoạch 3 loại rừng đã được duyệt, một số công trình chưa thực hiện như: Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, hồ Đồng Điền, các khu khai thác sản xuất vật liệu xây dựng, các khu vực đề xuất dự án thương mại dịch vụ tại khu vực xã Vạn Thạnh,...

- Đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện được 4,29% (đạt 0,72%), diện tích chưa thực hiện chuyển mục đích 587,72 ha (diện tích chủ yếu chưa triển khai dự án Đường ven biển Ninh Hòa – Vạn Ninh, dự án đô thị Tu Bông – Cổ Mã, khu đô thị Mũi Đá Son,...

- Đất làm muối: chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch được duyệt 24,14 ha (chủ yếu tại khu vực Vạn Khánh và 1 phần tại xã Vạn Hưng).

Nhìn chung kết quả chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2023 đạt thấp so với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất được duyệt; nguyên nhân chủ yếu là do thời gian triển khai quy hoạch mới hơn 2 năm, ngoài ra nhiều công trình dự án vướng các thủ tục pháp lý chưa triển khai được hoặc do thiếu đồng bộ với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch KKT Vân Phong được duyệt, một số công trình dự án thiếu vốn, vướng về giá đất để thực hiện thu hồi, thỏa thuận đền bù để thực hiện các công trình theo quy hoạch đã đề ra.

*** Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:**

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: thực hiện chuyển 0,0/40,23 ha, đạt 0,0% so với kế hoạch.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng: thực hiện chuyển 0,0 ha/ 1.047,98 ha.

*** Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở:**

Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: thực hiện chuyển 0,0 ha/17,1ha được duyệt, đạt 0,0 %.

(Chi tiết kết quả chuyển mục đích giai đoạn 2021-2023 xem phụ biểu 04)

3.1.3. Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Căn cứ số liệu đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng được phê duyệt trong kỳ đến năm 2030 và diện tích thực tế đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2023; Kết quả thực hiện đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trên địa bàn huyện Vạn Ninh như sau:

Giai đoạn 2021-2023 diện tích đất chưa sử dụng khai thác đưa vào sử dụng 5,45 ha/ 5.130,56 ha, đạt 0,11 % so với quy hoạch được duyệt. Trong đó:

- Đất chưa sử dụng khai thác vào mục đích nông nghiệp thực hiện 0,0 ha (chủ yếu khai thác đưa vào để khoanh nuôi, trồng rừng phòng hộ, sản xuất theo quy hoạch lâm nghiệp.

- Đất chưa sử dụng khai thác vào mục đích phi nông nghiệp thực hiện 5,45 ha, đạt 0,18 % so với quy hoạch, diện tích chưa thực hiện còn 3.105,50 ha. Phần lớn diện tích chưa thực hiện do các công trình dự án trọng điểm đề xuất khu vực Vạn Thọ và Vạn Thạnh có diện tích đất chưa sử dụng lớn chưa triển khai thực hiện,...

(Chi tiết diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2023 xem phụ biểu 05).

3.1.4. Kết quả thực hiện thu hồi đất giai đoạn 2021-2023

Kết quả thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đầu năm 2021 đến nay thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 được duyệt và kế hoạch sử dụng đất các năm 2021, 2022 và 2023 với các công trình dự án với 1.820 trường hợp thu hồi với diện tích 270,35 ha, cụ thể như sau:

- + Đường từ QL1A đến Đầm Môn – Vạn Thọ, Vạn Thạnh;
- + KDC Ruộng Bà Mênh – xã Vạn Thắng;
- + Kè bờ biển Vạn Giã - giai đoạn 1 – TT Vạn Giã;
- + Di dời, tái định cư các hộ dân tại khu vực chân Đèo Cả - xã Đại Lãnh;
- + Kè, đường từ đường sắt đến cầu Huyện – TT Vạn Giã;
- + Đường Lê Lợi (Hùng Vương - ray xe lửa) – TT Vạn Giã;
- + Bến cá Quảng Hội – tại xã Vạn Thắng;
- + Đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông;
- + Khu TĐC Ninh Mã phục vụ Cao tốc Bắc – Nam tại xã Vạn Thọ;
- + Khu TĐC Vòng Trắc Tre phục vụ Cao tốc Bắc – Nam – xã Vạn Phú;
- + TBA 220kV Ninh Hòa (Vạn Ninh) và đường dây đấu nối – xã Vạn Khánh;
- + Khu TĐC 2-9 phục vụ Cao tốc Bắc – Nam – xã Vạn Phước.

Ngoài ra, còn 1 số công trình dự án đang tiếp tục triển khai các thủ tục đang xây dựng phương án giá để hoàn thành công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án như: Cầu huyện 2 và đường dẫn, trạm biến áp 110 kv Vạn Ninh 2 và đấu nối, Trường THPT Bắc Vạn Ninh, Kè bờ tả, hữu sông Tô Giang đoạn từ Quốc Lộ 1A đến đập Hải Triều xã Vạn Phước, Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (Giai đoạn 2),...

Ngoài ra, còn có dự án nhà máy điện năng lượng mặt trời KN Vạn Ninh có quyết định thu hồi tháng 12/2020, tuy nhiên việc tổng hợp điều chỉnh số liệu thống kê đưa vào năm 2021 với diện tích 120 ha.

4.2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.2.1. Những mặt được:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phân bổ nguồn lực đất đai cơ bản đáp

ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Vạn Ninh. Thông qua quy hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất được chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch kinh tế lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ. Đặc biệt đã tạo điều kiện thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng đi vào thực chất, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý, giám sát việc sử dụng đất đai (*thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thanh tra, kiểm tra...*).

Góp phần nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và ý thức chấp hành quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền và người sử dụng đất được nâng lên; việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đã cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; từng bước khắc phục được tình trạng giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền, không đúng đối tượng.

- Quy hoạch sử dụng đất được duyệt đã góp phần quan trọng trong việc tăng thu ngân sách trên địa bàn huyện thông qua việc bán đấu giá quyền SDD, thu thuế chuyển mục đích sử dụng đất (*đặc biệt là từ đất nông nghiệp sang đất ở*),...

Việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã tạo quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực phát triển, thực hiện có kết quả những mục tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện Vạn Ninh giai đoạn 2021-2023, phát triển nông nghiệp, dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị, từng bước xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân, giúp Vạn Ninh chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng.

4.2.2. Những tồn tại

- Do có sự khác nhau giữa thời gian, thời điểm lập quy hoạch cũng như có sự khác nhau về chỉ tiêu sử dụng đất giữa quy hoạch xây dựng (*quy hoạch phân khu, chi tiết, QH nông thôn mới,...*) và quy hoạch sử dụng đất nên nhiều nơi còn có sự chưa phù hợp giữa quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng gây khó khăn trong công tác quản lý điều hành. Việc thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện cũng là việc để thực hiện đồng bộ các quy hoạch.

- Quá trình lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vạn Ninh được duyệt trong khi Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa cũng như đề án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến 2040, tầm nhìn 2050 chưa được phê duyệt và có nhiều sự thay đổi trong chiến lược, định hướng phát triển Khánh Hòa nói chung và KKT Vân Phong nói riêng dẫn đến sự thiếu đồng bộ trọng đề xuất công trình dự án thực hiện theo quy hoạch.

- Một số các công trình dự án có thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất đưa vào triển khai nhưng thực hiện kéo dài, việc chưa thực hiện được do vướng mắc vấn đề pháp lý, xác định giá đất để phục vụ cho công tác thu hồi đất, bồi thường, tái

định cư.

4.2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước

Từ thực tế quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh cho thấy các nguyên nhân chính dẫn tới trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất như sau:

a. Về nguyên nhân khách quan

- Tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu Kinh tế Vân Phong nói riêng được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ,... trong chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh trong thời gian tới. Do đó, mục tiêu và định hướng trong quy hoạch tỉnh, điều chỉnh QHCXD KKT Vân Phong có sự thay đổi lớn làm thay đổi các chỉ tiêu sử dụng đất cần thiết phải điều chỉnh QHSDD của huyện (*gặp các vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các dự án, chuyển mục đích của người dân,...*). là một nguyên nhân lớn dẫn đến 1 số tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

- Chính sách pháp luật về đất đai thường phức tạp, các quy định về công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thường xuyên thay đổi theo từng giai đoạn gây lúng túng trong công tác quản lý, điều hành của địa phương.

- Tác động của biến đổi của khí hậu diễn ra sớm hơn dự báo, đặc biệt là tác động của nắng, nóng, khô hạn, mưa lũ thất thường làm cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại địa phương diễn ra chậm.

b. Về nguyên nhân chủ quan:

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật đất đai, nhất là về quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của một bộ phận cán bộ và nhân dân còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch đã thực hiện thường xuyên nhưng vẫn không quản lý hết do cán bộ chuyên môn ít,...

- Việc xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở một số nơi còn chậm, chưa kiên quyết. Một số vấn đề vướng mắc khó giải quyết do tồn tại trong thời gian dài và có yếu tố lịch sử khó giải quyết.

- Một số công trình dự án đầu tư vốn đầu tư lớn thuộc khu kinh tế Vân Phong (*trên địa bàn Vạn Ninh*), do đó phụ thuộc vào nguồn vốn từ trung ương hoặc chưa kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tài chính, do đó các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện không đạt chủ yếu là do các dự án công trình như trên.

- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số công chức địa chính cấp xã còn chưa theo kịp so với yêu cầu thực tế công tác quản lý đất đai; vai trò tham mưu cho chính quyền các cấp trong công tác quản lý nhà nước về đất đai còn hạn chế.

4.3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tới

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch cấp tỉnh cần đi trước để đảm bảo nguyên tắc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với quy hoạch cấp tỉnh.

- Cần nâng cao chất lượng lấy ý kiến nhân dân trong việc xây dựng phương án quy hoạch; trong quá trình lập quy hoạch cần tranh thủ ý kiến các chuyên gia nhiều ngành, lĩnh vực, công khai và tham vấn các bên liên quan trong quá trình lập quy hoạch để phương án có tính khả thi cao hơn.

- Quy hoạch sử dụng đất phải được lập và phê duyệt sát với thực tiễn trên cơ sở phân tích, dự báo có tính khoa học nhu cầu đầu tư các dự án đầu tư có sử dụng đất và có tính đến sự vận động của thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản. Cập nhật một cách đầy đủ và đồng bộ với quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng để đảm bảo thống nhất về mục tiêu quy hoạch và công tác quản lý.

- Quy hoạch sử dụng đất thực sự là công cụ quan trọng cho quản lý Nhà nước về đất đai thì phải tăng cường quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh, kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật đất đai vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý trách nhiệm của cán bộ, công chức để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất.

- Thường xuyên phổ biến pháp luật đất đai đến quần chúng nhân dân, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, đặc biệt đối với công chức địa chính cấp xã để nâng cao hiệu quả quản lý đất đai tại địa phương.

- Các cấp, các ngành cần huy động mọi nguồn lực, vốn đầu tư để thực hiện các công trình, dự án đã đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đạt được mục tiêu phát triển của từng ngành, lĩnh vực đề ra; góp phần thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tỉnh trong từng giai đoạn phát triển.

- Nâng cao và đổi mới công tác lập quy hoạch, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cần dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực; tính toán khoa học, sát với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phải phù hợp với khả năng đáp ứng quỹ đất của địa phương. Cân nhắc về hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo phát triển bền vững trong sử dụng đất, phát huy cao nhất tiềm năng đất đai. Cần có sự phối hợp giữa các sở, ngành và UBND huyện trong việc rà soát, xác định các chỉ tiêu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của ngành và địa phương nhưng phải sát với tình hình triển khai thực tế của địa phương.

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh phải được đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa cũng như Khu Kinh tế Vân Phong.

- Phát triển Vạn Ninh trở thành vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa đi đôi với việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên. Tăng tính kết nối với TP. Nha Trang và các huyện, các tỉnh ven biển.

- Tập trung khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 2020-2025 và tạo đột phá trong giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội và BVMT sinh thái, tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng nguồn nhân lực, phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường và củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện; Phát triển bền vững hài hòa về kinh tế, an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo, an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế theo hướng mở, tăng cường các mối quan hệ hợp tác đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội của huyện với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

- Hoàn chỉnh đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế: giao thông, mạng lưới điện, thủy lợi, viễn thông, cấp nước sạch, vệ sinh môi trường... Chú trọng phát triển hạ tầng đô thị; Xây dựng kết cấu hạ tầng khung đồng bộ kết nối với các đầu mối hạ tầng kỹ thuật với các vùng lân cận, vùng tỉnh, vùng kinh tế quốc gia.

1.1.2. Mục tiêu tổng quát

Định hướng theo Nghị Quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về việc Xây dựng, Phát triển Khánh Hòa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 thì huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp;

Theo định hướng Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023 và được thể hiện đồng bộ trong phương án Điều chỉnh Quy hoạch chung Xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến 2040, tầm nhìn đến 2050

được Phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 xác định: Khu Kinh tế Vân Phong sẽ trở thành trung tâm kinh tế năng động phát triển ngành nghề mới, trình độ cao, trở thành vùng động lực phát triển, đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (trong Khu kinh tế Vân Phong) theo mô hình phát triển thân thiện môi trường, khai thác hiệu quả tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư, tích cực thu hút và quy tụ nguồn lực sáng tạo, phương thức quản lý mới, tiên tiến; nuôi dưỡng động lực mới cho phát triển.

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất làm cơ sở để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Khu kinh tế theo quy định và là công cụ pháp lý để quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng và sự phát triển của Khu kinh tế theo quy hoạch được duyệt.

Ngoài ra, tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại; từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế. Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người so với bình quân chung toàn tỉnh. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu phát triển và tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và nâng cao trình độ khoa học công nghệ trong các ngành sản xuất. Nâng cao dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và đảm bảo phúc lợi xã hội cho mọi tầng lớp dân cư. Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo và tạo việc làm. Giữ vững chính trị, trật tự an toàn xã hội, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường.

1.2. Quan điểm sử dụng đất

- Khai thác triệt để, sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi,...đối với các khu vực sản xuất nông nghiệp và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, thương mại du lịch, đô thị, khu dân cư... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ của huyện, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp phát triển của huyện.

- Sử dụng đất chuyên dùng, đất ở cần triệt để tiết kiệm, bố trí sử dụng các loại đất này vừa căn cứ vào điều kiện thực tế và các yêu cầu trước mắt, vừa phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển về lâu dài theo xu hướng tăng dần các tiêu chuẩn về chất lượng môi trường và nâng cao mức sống của nhân dân, đáp ứng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trước mắt và phát triển đô thị mới trong tương lai gần. Thường xuyên rà soát lại và kiểm tra tình hình sử dụng quỹ đất của các tổ chức cá nhân để phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp sử dụng lãng phí quỹ đất. Quản lý và sử dụng đất theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đối với các vùng đất đang sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả khi trung dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp cần phải có kế hoạch thu gom tầng đất mặt để cải tạo các vùng đất bạc màu khác, nhằm bù lại diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi. Xây dựng các công trình thủy lợi như hồ chứa nước, kè sông, đập ngăn mặn, kè biển để hạn chế lũ lụt, rửa trôi đất và mặn hoá đất...

- Sử dụng đất phù hợp với điều kiện sinh thái tự nhiên, theo lợi thế so sánh, không áp đặt thiên nhiên theo ý muốn chủ quan để tránh đầu tư quá tốn kém nhưng không hiệu quả.

- Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt trạng thái rừng tự nhiên đặc biệt là phòng hộ đầu nguồn. Khoanh nuôi, trồng rừng kết hợp với trồng cây nông nghiệp lâu năm để duy trì độ che phủ rừng.

- Tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu vào quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất. Cụ thể, có các hoạt động chính: sử dụng dữ liệu có liên quan đến khí hậu, đánh giá tiềm năng đất đai và các rủi ro biến đổi khí hậu có thể gây ra, đánh giá về mặt môi trường đối với các phương án quy hoạch nhằm xem xét các tác động của phương án quy hoạch tới khí hậu và ngược lại.

- Việc khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội phải đảm bảo vấn đề quốc phòng an ninh, quán triệt phương châm kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tăng cường phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hạn chế mức thấp nhất tình trạng đốt rừng, phá rừng làm rẫy để bảo vệ tầng đất mặt cũng như bảo vệ môi trường sống.

1.3. Định hướng sử dụng đất theo khu chức năng

1.3.1. Đất khu kinh tế

Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa được Thủ tướng Chính phủ thành lập và ban hành Quy chế hoạt động tại Quyết định 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006. Nằm trên địa bàn của 2 huyện là: thị xã Ninh Hoà và huyện Vạn Ninh. Trong đó huyện Vạn Ninh nằm trong ranh giới của Khu kinh tế bao gồm 12/13 xã thị trấn (trừ Xuân Sơn).

Theo phương án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023 vẫn giữ nguyên đối với ranh giới vị trí của đất Khu Kinh tế trên địa bàn huyện Vạn Ninh. Chỉ điều chỉnh mục tiêu và phân thành các khu chức năng trong Khu Kinh tế, trong đó, huyện Vạn Ninh thuộc 13 phân khu chức năng (phân khu 13 có 1 phần ranh giới của thị xã Ninh Hòa). Đây cũng là cơ sở để triển khai các bước tiếp theo để lập quy hoạch phân khu, chi tiết.

Diện tích Khu kinh tế được phân khai trong quy hoạch tỉnh và xác định trong điều chỉnh QHCXD KKT Vân Phong cụ thể như sau:

Tổng diện tích trong ranh giới khu kinh tế thuộc địa bàn huyện Vạn Ninh có 100.959 ha (trong đó: Phần đất liền 55.574 ha, Phần mặt nước biển 45.020 ha).

Trong đó, diện tích phần đất liền sẽ có thay đổi khi Chính phủ thay đổi chỉ tiêu phân khai sử dụng đất cho phép các dự án lấn biển được phép triển khai.

1.3.1. Đất đô thị

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 về phân loại đô thị Việt Nam đến năm 2030, trên cơ sở định hướng chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030, trong đó xác định Khánh Hòa là thành phố trực thuộc trung ương đến năm 2030 và Thực hiện theo Quy hoạch tỉnh được duyệt thì huyện Vạn Ninh sẽ là đô thị loại IV.

- Căn cứ định hướng tổ chức không gian và Thiết kế đô thị trong Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn 2050 để có cơ sở phân vùng phát triển đô thị phù hợp, phân chia giai đoạn phát triển hợp lý với điều kiện phát triển đô thị tại địa phương; đồng thời tạo các dự án động lực chính để thúc đẩy đô thị phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

- Toàn bộ KKT Vân Phong sẽ hình thành không gian đô thị với 6 phân vùng, trong đó Vạn Ninh có 3 phân vùng trung tâm phát triển đô thị.

- + Trung tâm cửa ngõ phía Bắc - Đô thị mới Tu Bông - Cỏ Mã;
- + Đô thị dịch vụ nông nghiệp - thủy sản CNC - Thị trấn Vạn Giã;
- + Khu trung tâm dịch vụ du lịch, cảng du lịch quốc tế Hòn Gốm;

- Một số không gian đất phát triển nông nghiệp theo quy hoạch chung cần được tôn trọng và hạn chế phát triển đô thị tại các khu vực đất nông nghiệp theo quy hoạch chung; các lưu vực thoát nước chính trên địa bàn huyện Vạn Ninh cần được tôn trọng và có kế hoạch xây dựng hệ thống tiêu thoát nước theo tiêu chuẩn đô thị.

- Các khu vực phát triển đô thị được xác định tương đối trên cơ sở định hướng quy hoạch chung thị trấn Vạn Giã và khu vực phụ cận, điều chỉnh quy hoạch chung khu kinh tế Vân Phong trên địa bàn huyện Vạn Ninh và các quy hoạch phân khu trong từng khu vực. Ranh giới cụ thể các khu vực dự án sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, lập dự án đầu tư xây dựng để đảm bảo tính chính xác, phù hợp với địa hình, địa mạo và điều kiện thực tế từng giai đoạn.

1.3.2. Khu sản xuất nông nghiệp

+ Khu vực chuyên trồng lúa nước: Được bố trí tập trung ở khu vực địa hình chuyển tiếp giữa vùng núi đến tiếp giáp với QL1 hiện tại thuộc địa bàn các xã Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Bình, Vạn Khánh, Vạn Long.

Phát triển sản xuất quy mô lớn, tập trung gắn với công nghiệp hóa trong các khâu từ làm đất, gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị tạo ra nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, từng bước đưa sản phẩm có giá trị kinh tế cao, bền vững. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ cao nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chương trình phát triển ngành nông nghiệp Vạn Ninh giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 đã xác định diện tích đất canh tác lúa của huyện khoảng 4.000 ha, diện tích gieo trồng khoảng 7.850 ha, sản lượng đạt 54.500 tấn. Tuy nhiên, do đặc điểm khu vực trồng lúa có địa hình thuận lợi để phục vụ cho định hướng các chương trình phát triển kinh tế theo quy hoạch Khu kinh tế Vân Phong nên 1 diện tích khác lớn đất trồng lúa sẽ được chuyển đổi để dành quỹ đất cho mục đích phi nông nghiệp.

+ Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm: Căn cứ vào đặc điểm địa hình, điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của huyện, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm được xác định tại tất cả các xã, thị trấn. Diện tích đất cây công nghiệp lâu năm đến năm 2030 vào khoảng 800-1.000 ha.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cần đổi mới mạnh mẽ phương thức sản xuất, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, xây dựng thương hiệu đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện.

1.3.3. Khu lâm nghiệp

Thực hiện theo Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020, định hướng 2025. Đẩy mạnh công tác trồng mới kết hợp với bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, trong đó:

+ Khu vực rừng phòng hộ: Tập trung cho khu vực đầu nguồn của các xã Vạn Phú, Vạn Lương, Vạn Bình, Vạn Khánh, Vạn Long, Vạn Phước và Xuân Sơn với diện tích khoảng 15.000-15.500 ha.

+ Khu vực rừng sản xuất: Với mục tiêu giảm thiểu diện tích đất trống, đồi núi trọc, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường sinh thái, phát huy thế mạnh từ kinh tế rừng, khu vực rừng sản xuất được bố trí trên các đồi, núi thấp tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, trong đó tập trung chủ yếu ở các xã: Vạn Thạnh, Đại Lãnh, Vạn Hưng, Vạn Phước, Vạn Bình, Vạn Khánh,... Diện tích đất rừng sản xuất đến năm 2030 khoảng 20.000 ha đến 20.500 ha.

Duy trì tổng diện tích đất rừng theo khu lâm nghiệp khoảng 35.000-36.000 ha.

1.3.4. Khu du lịch

Từng bước xây dựng, hình thành các sản phẩm du lịch cao cấp, giữ gìn nét đẹp hoang sơ của Vịnh Vân Phong; đồng thời, quan tâm phát huy thế mạnh của làng nghề truyền thống sản xuất trầm hương nổi tiếng ở địa phương.

Các khu vực phát triển du lịch của huyện như sau:

- Khu vực bán đảo Hòn Gôm đến Đại Lãnh có lợi thế về phát triển du lịch, phát triển kinh tế biển, khai thác, nuôi trồng thủy sản; là trung tâm kinh tế - dịch vụ - thương mại tổng hợp của huyện cũng như của tỉnh và vùng, trong đó trọng tâm là cảng biển quốc tế, dịch vụ hậu cảng, dịch vụ du lịch và tài chính thương mại.

- Xây dựng và tôn tạo các di tích lịch sử, danh thắng để phát triển du lịch tham quan gắn với di tích danh thắng Mũi Đồi – Hòn Đầu,... Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại các điểm du lịch khu vực Đại Lãnh, Vạn Thạnh...

Quy mô đất khu phát triển du lịch trong đến năm 2030 trên địa bàn huyện khoảng 3.500-4.000 ha.

1.3.5. Phát triển khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Hướng đến Vạn Ninh là đô thị công nghiệp công nghệ cao về phía Nam của huyện do đó cần thiết kêu gọi đầu tư Hoàn thiện xây dựng hạ tầng, tạo mọi điều kiện thuận lợi trước mắt để thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp Dốc Đá Trắng (trước 2030), tiếp đó sau 2030 là Khu công nghiệp sinh thái Xuân Sơn và khu công nghiệp công nghệ cao tại xã Vạn Lương. Xây dựng các cơ chế chính sách và tạo mọi điều kiện để thu hút các dự án đầu tư. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ nhu cầu phát triển CN - TTCN.

- Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng, vị trí tại xã Vạn Hưng. Quy mô diện tích 300 ha (trong đó thuộc ranh giới của Vạn Ninh khoảng 242,9 ha). Dự kiến ngành nghề thu hút đầu tư tập trung vào công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao, logistics,....

Tổng diện tích đất khu công nghiệp của huyện đến năm 2030 khoảng 242,9 ha.

**** Quy hoạch công nghiệp thăm dò khai thác đá ốp lát, đá xây dựng:***

Đầu tư hình thành hai vùng khai thác đá ốp lát tập trung theo quy mô công nghiệp tại huyện Vạn Ninh. Tiếp tục đề nghị Chính phủ bổ sung các mỏ đá ốp lát tiềm năng như mỏ Tân Dân - Suối Luồng; Đầu tư, thăm dò, khai thác các mỏ đá ốp lát như mỏ Tân Dân - Suối Luồng - Suối Hàng. Tiếp tục đầu tư mở rộng, đầu tư mới khai thác, chế biến đá xây dựng tại các mỏ thuộc huyện như Xuân Sơn, Tân Dân – Vạn Thắng, Vạn Khánh, Hồ Sâu – Vạn Thạnh, Bồ Đà – Vạn Lương,...

1.3.6. Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)

Triển khai thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Vân Phong, quy hoạch chung đô thị Vạn Giã và khu vực phụ cận, các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết 1/500 thị trấn Vạn Giã, khu trung tâm xã Đại Lãnh, khu trung tâm các xã,.... Ngoài ra bố trí các khu đô thị mới như:

- Khu đô thị mới cao cấp Cổ Mã 250 ha;
- Khu đô thị mới cao cấp Tu Bông 2.750 ha;
- Khu đô thị đa năng cao cấp Vĩnh Yên - Mũi Đá Sơn 330 ha;
- Khu đô thị cao cấp Đàm Môn 1.600 ha;
- Khu đô thị dịch vụ, du lịch cao cấp Tuần Lễ - Hòn Ngang 1.300 ha;

- Các khu đô thị mới được định hướng theo từng phân khu theo Điều chỉnh Quy hoạch chung KKT Vân Phong đã được phê duyệt.

Và các khu đô thị mới cao cấp khác trong các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn huyện trong thời gian sắp tới.

1.3.7. Khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ

Khu đô thị - thương mại – dịch vụ được định hướng theo quy hoạch chung gồm dọc theo khu vực Tuần Lễ - Hòn Ngang, xã Vạn Thọ, Vạn Thạnh; Định hướng theo quy hoạch chung từ khu vực xã Vạn Khánh đến Vạn Thọ.

- Khu trung tâm đô thị ven biển từ thị trấn Vạn Giã đến đèo Cổ Mã là trung tâm đô thị, trung tâm thương mại, công nghiệp và nuôi trồng thủy sản, có tốc độ đô thị hóa mạnh, có lợi thế là trung tâm kinh tế hạt nhân, có vai trò thúc đẩy và liên kết các tiểu vùng khác phát triển.

- Các khu vực dự kiến quy hoạch đô thị, thương mại dịch vụ mới theo định hướng quy hoạch chung khu kinh tế Vân Phong,...

1.3.8. Khu thương mại dịch vụ

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển và mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ, xây dựng các siêu thị, trung tâm thương mại, nâng cấp các chợ. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả hơn để kêu gọi, thu hút các tập đoàn chiến lược, tiềm năng đầu tư vào huyện Vạn Ninh.

- Tạo bước chuyển biến mạnh cho khu vực dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao trong đó chú trọng dịch vụ thương mại du lịch (*trong đó bước đầu tạo ra các sản phẩm du lịch chất lượng cao*). Khai thác có hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử để đưa du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, xây dựng Vạn Ninh trở thành trung tâm du lịch biển chất lượng cao vào năm 2030.

Diện tích khu vực định hướng khu thương mại dịch vụ đến 2030 khoảng 3.300 đến 3.600 ha.

1.3.9. Phát triển và bố trí khu dân cư nông thôn

Việc phát triển và bố trí các khu dân cư nông thôn phải phù hợp định hướng phát triển KT-XH, thuận tiện giao lưu kinh tế, văn hóa xã hội, thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế ngoài ra còn phải đảm bảo về mặt an ninh chính trị, quốc phòng.

Việc định hướng nâng cấp đô thị loại IV của huyện sẽ kéo theo làm giảm khu vực nông thôn để chuyển thành đất đô thị là một điều tất yếu. Đến năm 2030 đất khu dân cư nông thôn của huyện còn lại trên địa bàn các xã sẽ phát triển theo các hướng sau:

- Các khu dân cư nông thôn trong vùng đô thị hóa của huyện được tồn tại và phát triển theo hướng từng bước cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế, đẩy mạnh phát triển các ngành nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, vận tải, văn hóa, giáo dục,... để chuyển hóa cơ cấu lao động, tạo ra sự thay đổi về lối sống; hiện đại

hóa hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, từng bước cải tạo làm thay đổi hình thái kiến trúc xây dựng theo hướng các đô thị nhà vườn. Tại các khu vực trung tâm xã bố trí các công trình công cộng dịch vụ, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao, thông tin liên lạc, nhà ở gắn với các hoạt động thương mại, dịch vụ.

Quy hoạch khu trung tâm xã kháng trang với đầy đủ các thiết chế hạ tầng xã hội, trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, cơ sở y tế, nhà văn hóa, khu vui chơi giải trí, thể dục thể thao,... nhằm cải thiện, nâng cao đời sống người dân; từng bước sắp xếp lại các điểm dân cư ven theo các trục lộ giao thông chính.

- Cải tạo, mở rộng các khu dân cư hiện có theo mô hình khép kín khu dân cư, hạn chế hình thành các khu dân cư mới độc lập, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng khu dân cư, giảm chi phí xây dựng mới.

Việc phát triển và bố trí dân cư trên địa bàn các xã phát triển chỉnh trang trên cơ sở các khu dân cư hiện có, ngoài ra còn bố trí thêm các khu vực phát triển dân cư mới dựa vào đặc điểm của từng khu vực và phù hợp với định hướng phát triển chung của các xã và tổng thể toàn huyện.

Trên cơ sở dự báo nhu cầu tăng thêm của dân số tại địa bàn các xã, căn cứ định mức sử dụng đất tại khu vực nông thôn, trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới các xã đã được phê duyệt.

Khu chức năng khu dân cư nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn huyện khoảng 1.400 -1.700 ha.

1.3.10. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Định hướng đến năm 2030 khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn sẽ tập trung chủ yếu tại khu trung tâm các xã trên địa bàn huyện.

Thực hiện chỉnh trang, khép kín các khu dân cư hiện hữu và xây dựng các điểm dân cư mới theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của các xã đã được phê duyệt. Thực hiện chỉnh trang, khép kín các khu dân cư hiện hữu và xây dựng các điểm dân cư mới theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của các xã đã được phê duyệt.

Ngoài ra, vẫn duy trì, bảo tồn và phát huy các làng nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống hiện có như:

- Nghề truyền thống như: Làng nghề gốm Trung Đông (Vạn Ninh),
- Làng nghề: nghề xoi trầm hương (thôn Phú Hội 1, xã Vạn Thắng, huyện Vạn Ninh); Làng đá thôn Xuân Trang (Xuân Sơn)

II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

2.1.1. Bổ sung mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo quy hoạch tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt:

Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023, trong đó xác định.

Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao. GRDP bình quân đầu người phấn đấu vào nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. Kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc với một số đô thị đạt đẳng cấp quốc tế. Nhân dân được hưởng thụ mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc. Hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ; có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc. Trong đó:

Phát triển khu vực vịnh Vân Phong (KKT Vân Phong) trở thành một trung tâm kinh tế biển hiện đại, địa bàn động lực phát triển mới của tỉnh Khánh Hòa nói riêng và khu vực Nam Trung Bộ nói chung. Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong như đường giao thông trục chính khu tổng hợp Đàm Môn, hệ thống giao thông nội khu... Nghiên cứu xây dựng cảng hàng không tại Vân Phong khi đủ điều kiện.

- Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch, nghỉ dưỡng đẳng cấp quốc tế. Phát triển du lịch biển cao cấp tại để khai thác giá trị tối đa từ lợi thế về vị trí, cảnh quan của khu vực. Kêu gọi đầu tư các khu nghỉ dưỡng hướng tới phân khúc khách hàng cao cấp, thiết kế hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và vận hành theo các tiêu chuẩn quốc tế về bền vững của ngành du lịch.

- Xây dựng bến cảng đón tàu chở khách du lịch và du thuyền hạng sang. Hình thành khu mua sắm miễn thuế phục vụ du khách. Phát triển cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng, logistics. Định hướng lâu dài phát triển khu phi thuế quan và cảng trung chuyển quốc tế khi có đủ điều kiện.

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên du lịch bền vững. Thành lập trung tâm nghiên cứu biển và đại dương.

2.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện Vạn Ninh đến năm 2030

Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế và định hướng phát triển của huyện Vạn Ninh đến năm 2030 cơ bản được giữ nguyên theo chỉ tiêu định hướng trong phương án Quy hoạch sử dụng đất được duyệt tại Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 07/01/2023. Và được điều chỉnh bổ sung theo định hướng trong Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đã được phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023.

2.2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng**2.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ phương án phân bổ sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện và cấp xã**

Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023, chỉ tiêu phân khai trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh phân bổ cho huyện Vạn Ninh như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích cấp tỉnh phân bổ	Diện tích cấp huyện xác định, XD bổ sung
I	Loại đất			
1	Đất nông nghiệp	NNP	42.052	
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.253	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.635</i>	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	761	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	15.243	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	20.454	
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>11.707</i>	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	14.051	
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	106	
2.2	Đất an ninh	CAN	13	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	242	
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3.497	
2.5	Đất cơ sở SX phi nông nghiệp	SKC	410	
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	136	
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.797	
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	1.895	
-	Đất thủy lợi	DTL	545	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	12	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	88	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	43	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	190	
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	2	
-	Đất kho dự trữ quốc gia	DKG		

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích cấp tỉnh	Diện tích cấp huyện xác định,
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	26	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	65	
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	211	
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	210	
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	17	
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	610	
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	486	
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	2.909	
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	34	
2.15	Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	7	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	99	

2.2.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

a. Căn cứ xác định nhu cầu sử dụng đất

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong kỳ quy hoạch được xác định trên cơ sở:

- Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Điều chỉnh quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2040, tầm nhìn 2050.
- Quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực đến năm 2030 có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.
- Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Vạn Ninh, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Chương trình phát triển đô thị huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển đô thị giai đoạn 2021-2025.
- Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Vạn Giã và vùng phụ cận tỷ lệ 1/10.000, quy hoạch chi tiết 1/500 khu trung tâm đô thị Vạn Giã (khu Tây Bắc và Đông Bắc Quốc lộ 1), quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu trung tâm đô thị Đại Lãnh, Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, 1/500 (giai đoạn 1) khu tái định cư Vĩnh Yên,...
- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hoà và huyện Vạn Ninh; Danh mục dự án kêu gọi vốn đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà.
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Vạn Ninh, giai đoạn 2021–2025.
- Tiên bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất (*phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sử dụng giống mới, phương pháp canh tác trên các vùng đất dốc,...*).

b. Nhu cầu sử dụng đất theo loại đất cho các ngành, lĩnh vực

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hoà, của huyện đến năm 2030 như trình bày ở trên và quy hoạch, định hướng phát

triển của các ngành để tổng hợp nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

2.3. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.3.1. Tổng hợp cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ cho huyện từ quy hoạch cấp tỉnh tại Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 29/3/2023; Điều chỉnh QHC XD KKT Vân Phong được duyệt tại Quyết định 298/QĐ-TTg ngày 27/3/2023; căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; căn cứ vào tiềm lực, khả năng về vốn, lao động,... và nhu cầu về diện tích, đặc tính của đất, loại đất sử dụng thì đến năm 2030 diện tích quy hoạch sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ cho huyện và cấp huyện xác định, xác định bổ sung.

Danh mục công trình dự án trong phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Vạn Ninh cụ thể theo biểu kèm theo:

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Phương án điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vạn Ninh xây dựng đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021. Phương án được xây dựng trên cơ sở các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển khu kinh tế Vân Phong, của các ngành trên địa bàn tỉnh và cấp huyện xác định thêm cho phù hợp với Quy hoạch tỉnh và điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế Vân Phong. Phương án đã đánh giá tình hình phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2015-2020 và đến năm 2022, từ đó rút ra những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội đối với việc khai thác các nguồn tài nguyên vào phát triển sản xuất và đời sống; đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước, rút ra những kết quả đạt được, những tồn tại, khó khăn, bài học kinh nghiệm để làm cơ sở lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

Kết quả lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo từng khu chức năng: Đất khu kinh tế; Đất khu công nghệ cao; Đất đô thị; Khu sản xuất nông nghiệp (*chuyên trồng lúa nước, cây công nghiệp lâu năm*); Khu lâm nghiệp (*rừng phòng hộ, rừng sản xuất*); Khu du lịch; Khu phát triển công nghiệp (*khu công nghiệp, cụm công nghiệp*); Khu đô thị (*trong đó có khu đô thị mới*); Khu đô thị - thương mại - dịch vụ; Khu thương mại - dịch vụ; Khu dân cư nông thôn; Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn. Xác định cụ thể danh mục công trình, Phương án theo từng lĩnh vực, từng địa phương. Phương án đã xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu tỉnh giao cho huyện và nhu cầu phát triển của các ngành đến năm 2030.

Qua việc lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất toàn huyện cho thấy huyện còn tiềm năng đất đai để mở rộng phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp công nghệ cao, phát triển đô thị và du lịch, dịch vụ, thương mại...Việc đầu tư khai thác tiềm năng này sẽ góp phần quan trọng đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội và nâng cao đời sống nhân dân trong những năm tới. Đồng thời cũng khẳng định việc khai thác tiềm năng đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên rừng,... của huyện sẽ tạo ra nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá vừa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng lương thực và thực phẩm của nhân dân địa phương, phát triển du lịch, dịch vụ; vừa cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở, nhà máy chế biến nông - lâm sản, các sở sản xuất, cơ sở dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch,... đã có và sẽ đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện trong thời gian sắp tới.

Thực hiện Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội mà Đại hội Đảng bộ huyện Vạn Ninh đã đề ra cho giai đoạn 2020-2025 và điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân

phòng đến năm 2040, tầm nhìn 2050 và các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

2. KIẾN NGHỊ

UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh sớm triển khai thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện, để huyện xây dựng các công trình khác có tính kết nối liên vùng nhằm khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên vào phát triển kinh tế-xã hội toàn huyện có hiệu quả ngày càng cao hơn.

Kiến nghị UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả hơn để kêu gọi, thu hút các tập đoàn chiến lược, các nhà đầu tư tiềm năng, đầu tư vào huyện Vạn Ninh.

Đề nghị UBND tỉnh lựa chọn các nhà đầu tư có đủ năng lực để đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khai thác năng lượng, sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, các dự án khu đô thị thương mại, dịch vụ du lịch, các khu điểm phát triển di lịch,... đã được phê duyệt trong Quy hoạch sử dụng đất.

...